GICHD



Báo cáo

Đánh giá Lồng ghép giới và Đa dạng trong hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam



Tháng 5 năm 2026

Canada

VNMAC
VIETNAM NATIONAL MINE ACTION CENTRE

UNDP

Báo cáo

Đánh giá Lồng ghép giới và Đa dạng trong hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam

Tháng 5 năm 2026



Miễn trừ trách nhiệm: Báo cáo này phản ánh các kết quả đánh giá dựa trên thông tin và dữ liệu thu thập được tại thời điểm thực hiện. Mặc dù đã nỗ lực bảo đảm tính chính xác và khách quan, UNDP không bảo đảm tính đầy đủ hoặc chính xác tuyệt đối của các thông tin trong báo cáo và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hậu quả nào phát sinh từ việc sử dụng các nội dung này. Các kết quả của nghiên cứu, việc giải thích kết quả và kết luận đưa ra trong báo cáo là của nhóm đánh giá và không nhất thiết phản ánh quan điểm chính thức của UNDP, các cơ quan LHQ hoặc các quốc gia thành viên.

Nội dung

Từ viết tắt	**4**
Lời cảm ơn	**5**
Lời nói đầu của VNMAC	**6**
Tóm tắt	**8**
Giới thiệu	**14**
Phương pháp	15
Bối cảnh	**20**
Kết quả và khuyến nghị	**24**
Quản trị	24
Lập kế hoạch và điều phối	31
Quy định	36
Triển khai hoạt động trên hiện trường	41
Việc làm và nguồn nhân lực	55
Năng lực hỗ trợ và tổ chức	61
Kết luận	**68**
Phụ lục	**70**
Tài liệu tham khảo	**76**

Từ viết tắt

CHA	Khu vực khẳng định ô nhiễm
CRS	Tổ chức Cứu trợ Công giáo
EO	Vật liệu nổ
GDPTTNBM	Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn
GDEI	Giới, Đa dạng, Bình đẳng và Hòa nhập
GDI	Giới, Đa dạng và Hòa nhập
GICHD	Trung tâm Quốc tế Geneva về Rà phá bom mìn nhân đạo
IMAS	Tiêu chuẩn Hành động bom mìn Quốc tế
KOICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc
KVPVP	Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc
KVMAP	Dự án Việt Nam Hàn Quốc hợp tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh
MAG	Tổ chức nhóm Cố vấn Bom mìn
MAWG	Nhóm Công tác khắc phục hậu quả bom mìn
NAP	Chương trình Hành động Quốc gia
NPA	Tổ chức viện trợ Nhân dân Na Uy
PMC	Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh
PSC	Ban Chỉ huy Công trường
PTVN	Tổ chức Cây hòa bình Việt Nam
SDGs	Mục tiêu Phát triển Bền vững
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam
QTMAC	Trung tâm Hành động bom mìn tỉnh Quảng Trị
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
UXO	Vật liệu nổ chưa nổ
VNMAC	Trung tâm Hành động bom mìn Quốc gia Việt Nam
WPS	Phụ nữ, Hòa bình và An ninh

Lời cảm ơn

Trung tâm Quốc tế Geneva về Rà phá bom mìn Nhân đạo (GICHD) xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành đến các đồng nghiệp tại Trung tâm Hành động bom mìn Quốc gia Việt Nam (VNMAC) vì sự hợp tác, cởi mở và tham gia tích cực trong quá trình thực hiện đánh giá này. Những hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật từ VNMAC, cùng với cam kết tăng cường hiệu quả hệ thống khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh ở Việt Nam, đã tạo nền tảng quan trọng để các phân tích trong báo cáo này được thực hiện một cách sâu sắc, toàn diện và bảo đảm chất lượng.GICHD cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các đồng nghiệp từ UNDP Việt Nam, đặc biệt là bà Ji Yeon Rho, bà Nguyễn Thanh Vân và ông Kwon Goosoon vì đã điều phối thực hiện sáng kiến này và đưa ra những ý kiến đóng góp quý báu trong quá trinh thực hiện đánh giá. Xin cảm ơn Nguyễn Thu Hường vì những hỗ trợ quý báu về hành chính, hậu cần.

GICHD chân thành cảm ơn các đồng nghiệp của Dự án Làng hòa bình Việt Nam Hàn Quốc (KVPVP) tại Huế, đặc biệt là ông Nguyễn Đức Hiệp và bà Nguyễn Thị Thảo, cũng như các đồng nghiệp của Trung tâm Hành động bom mìn tỉnh Quảng Trị (QTMAC), đặc biệt là ông Đinh Ngọc Vũ, về những hỗ trợ hậu cần, phối hợp và tạo điều kiện cho các hoạt động tại hiện trường.

GICHD cũng chân thành cảm ơn các đối tác trung ương và địa phương đã dành thời gian, chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn cho nghiên cứu này, nhất là cho việc phân tích và đưa ra các khuyến nghị trong báo cáo.

Đánh giá này được thực hiện bởi bà Jean Munro và bà Abigail Jones (GICHD), với sự hỗ trợ kỹ thuật trong thu thập và phân tích số liệu, điều phối của bà Nguyễn Thị Lan (Chuyên gia độc lập về giới). Nhóm nghiên cứu trân trọng ghi nhận sự hỗ trợ tài chính của Chương trình Đào tạo và Hợp tác Quân sự thuộc Bộ quốc phòng Canada. Những hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật và hậu cần trong quá trình thu thập thông tin, tham vấn đối tác, khảo sát thực địa và thẩm định kết quả nghiên cứu của các chuyên gia đã góp phần quan trọng vào chất lượng của đánh giá này.

Lời nói đầu của VNMAC

Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh là nhiệm vụ có ý nghĩa nhân đạo, đồng thời góp phần phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của Việt Nam. Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia 701 và Bộ Quốc phòng, cùng với sự tham gia tích cực của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức trong nước và quốc tế, công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Những nỗ lực này đã góp phần bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người dân, tạo điều kiện phục hồi sinh kế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh tại các địa bàn bị ảnh hưởng bởi bom mìn.

Bên cạnh những nỗ lực không ngừng trong công tác điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn, giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn và hỗ trợ nạn nhân, Việt Nam ngày càng quan tâm đến việc bảo đảm mọi người dân và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi bom mìn, vật nổ đều có cơ hội tham gia, tiếp cận và thụ hưởng một cách công bằng từ các chương trình khắc phục hậu quả bom mìn. Định hướng này phù hợp với các chủ trương, đường lối của Đảng và các chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về bình đẳng giới, quyền của người khuyết tật và phát triển bao trùm; đồng thời góp phần thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) và Chương trình hành động quốc gia về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh.

Báo cáo "Đánh giá lồng ghép giới và đa dạng trong hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam" là một trong những nghiên cứu đầu tiên được thực hiện một cách toàn diện nhằm rà soát và đánh giá mức độ lồng ghép giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập trong hệ thống chính sách, cơ chế quản lý, điều phối và triển khai các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn tại Việt Nam. Báo cáo cung cấp những phân tích khách quan về các kết quả đã đạt được, những khoảng trống và thách thức còn tồn tại, đồng thời xác định các cơ hội và đề xuất những khuyến nghị nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bao trùm của công tác khắc phục hậu quả bom mìn trong thời gian tới.

VNMAC trân trọng ghi nhận và đánh giá cao sự hỗ trợ, hợp tác và những đóng góp quý báu của Trung tâm Quốc tế Geneva về Rà phá bom mìn Nhân đạo (GICHD), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), các chuyên gia nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn trong nước và quốc tế, cùng người dân và cộng đồng đã tham gia, chia sẻ thông tin và đóng góp ý kiến cho quá trình thực hiện nghiên cứu. Những phát hiện và khuyến nghị của báo cáo sẽ là nguồn tham khảo quan trọng đối với VNMAC và các cơ quan, tổ chức, đối tác liên quan trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật, cũng như xây dựng và triển khai Chương trình Hành động Quốc gia về khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh giai đoạn 2026–2045.

VNMAC cam kết tiếp tục phát huy vai trò điều phối quốc gia trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh; tăng cường sự phối hợp và thúc đẩy sự tham gia thực chất của các bên liên quan; tăng cường quản trị và hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng; đồng thời từng bước lồng ghép các nguyên tắc về bình đẳng giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập vào toàn bộ chu trình hoạch định chính sách, lập kế hoạch, quản lý, triển khai và đánh giá các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn. Chúng tôi tin tưởng rằng việc thúc đẩy cách tiếp cận bao trùm, lấy con người và cộng đồng làm trung tâm, quan tâm đầy đủ đến nhu cầu, hoàn cảnh khác nhau của các nhóm dân cư sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác khắc phục hậu quả bom mìn, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau, đồng thời đóng góp thiết thực vào Mục tiêu Phát triển Bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh của Việt Nam.



Tóm tắt

Mục đích và phạm vi

Đánh giá này xem xét mức độ lồng ghép các yếu tố giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) trong các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam, tập trung vào các khía cạnh quản trị, chính sách và quy định, tổ chức thực hiện, quản lý và phát triển nguồn nhân lực và các hoạt động hướng tới cộng đồng. Mục tiêu của đánh giá là xác định những kết quả và điểm mạnh đã đạt được, các khoảng trống và thách thức còn tồn tại đồng thời nhận diện các cơ hội nhằm tăng cường lồng ghép giới và đa dạng trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh cho phù hợp với luật pháp và chính sách quốc gia về bình đẳng và không phân biệt đối xử, cũng như cam kết của Việt Nam đối với những tiêu chuẩn quốc tế liên quan, đồng thời bảo đảm phù hợp với các chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức và bối cảnh thực tiễn triển khai. Trên cơ sở các kết quả phân tích, đánh giá đề xuất một lộ trình thực tiễn để VNMAC xem xét tích hợp vào Chương trình hành động Quốc gia về khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh giai đoạn 2026–2045 và các hướng dẫn kỹ thuật có liên quan trong thời gian tới. Lộ trình này hướng tới việc từng bước xác định và áp dụng các yêu cầu tối thiểu về GDEI trong quá trình lập kế hoạch, giao nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, giám sát và phát triển nguồn nhân lực.

Phương pháp

Đánh giá lồng ghép giới và đa dạng trong các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh ở Việt Nam áp dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp định tính và định lượng nhằm cung cấp góc nhìn đa chiều và có tính hệ thống về mức độ lồng ghép GDEI trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam. Nghiên cứu bao gồm rà soát các văn bản pháp luật, chính sách, chiến lược và tiêu chuẩn quốc gia (bao gồm các tiêu chuẩn TCVN liên quan), đồng thời tham chiếu các khuôn khổ và tiêu chuẩn quốc tế bao gồm *Tiêu chuẩn Hành động Bom Mìn Quốc tế (IMAS)* và *Hướng dẫn Lồng ghép Giới của Liên Hợp Quốc trong các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn*. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với đại diện các cơ quan nhà nước, các tổ chức trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn, các đối tác thực hiện, và được bổ sung bằng một cuộc khảo sát ẩn danh với cán bộ, nhân viên về các vấn đề liên quan đến giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập được thực hiện vào tháng 12 năm 2025. Bên cạnh đó, các dữ liệu hành chính và dữ liệu chương trình hiện có cũng được rà soát và phân tích. Do phạm vi và phương pháp chọn mẫu, các kết quả của đánh giá không nhằm mục đích đại diện về mặt thống kê cho toàn bộ lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc kết hợp nhiều nguồn dữ liệu và phương pháp nghiên cứu cho phép đánh giá cung cấp những phân tích đa chiều, phản ánh các thực tiễn, xu hướng và những vấn đề mang tính hệ thống hiện nay.

Tóm tắt các phát hiện chính

Quản trị, chính sách, quy định và các tiêu chuẩn

Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng để tăng cường tính chủ động và nhất quán của công tác khắc phục hậu quả bom mìn thông qua việc ban hành hệ thống các Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (TCVN) mới bao quát toàn bộ chu trình hoạt động. Các tiêu chuẩn

này cơ bản phù hợp với Tiêu chuẩn Hành động bom mìn Quốc tế (IMAS) và qua đó tạo nền tảng quan trọng cho việc tổ chức và triển khai các hoạt động một cách thống nhất. Tuy nhiên, mức độ lồng ghép các yếu tố Giới, Đa dạng, Bình Đẳng và Hòa Nhập trong các tiêu chuẩn kỹ thuật chưa đồng đều giữa các lĩnh vực. Các tiêu chuẩn liên quan đến Hỗ trợ nạn nhân và Quản lý thông tin đã thể hiện tương đối rõ các yêu cầu về không phân biệt đối xử và thu thập dữ liệu có phân tách. Trong khi đó, một số tiêu chuẩn khác, đặc biệt là những tiêu chuẩn liên quan đến công tác kiểm định năng lực, quản lý chất lượng và giám sát đánh giá, vẫn chủ yếu tập trung vào tuân thủ kỹ thuật. Điều này cho thấy còn dư địa để chuyển hóa một cách đầy đủ và có hệ thống hơn các cam kết quốc gia về bình đẳng và không phân biệt đối xử thành các yêu cầu cụ thể trong quản trị, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn.

Việt Nam đã xây dựng được hệ thống luật pháp, chính sách tương đối hoàn thiện về bình đẳng giới, đa dạng và hoà nhập thông qua việc phê chuẩn các Công ước quốc tế quan trọng - bao gồm Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước về Quyền Trẻ em và Công ước về Quyền của Người khuyết tật - đồng thời ban hành hệ thống pháp luật quốc gia toàn diện bảo đảm nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử. Một bước tiến quan trọng gần đây là việc ban hành Chương trình Hành động Quốc gia đầu tiên về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (2024–2030), trong đó đề cập đến sự cần thiết phải giải quyết những hậu quả lâu dài của chiến tranh, bao gồm bom mìn và vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh. Các mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia liên quan đến tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ra quyết định về hòa bình và an ninh, cũng như thúc đẩy các hoạt động cứu trợ và phục hồi có đáp ứng giới, tạo ra cơ sở chính sách quan trọng để lồng ghép giới vào công tác quản lý, triển khai và phục hồi trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn.

Kết quả rà soát cho thấy hệ thống TCVN có mức độ phù hợp ở mức trung bình và đang từng bước được nâng cao và cải thiện theo hướng tiệm cận với IMAS về giới, đa dạng, bình đẳng và hoà nhập. Việc lồng ghép được thể hiện rõ nét hơn trong một số lĩnh vực triển khai chương trình bao gồm giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (GDPTTNBM), hỗ trợ nạn nhân và quản lý rủi ro. Trong các lĩnh vực này, các yêu cầu đã bước đầu phản ánh các nguyên tắc của IMAS về không phân biệt đối xử, sự tham gia bao trùm và thu thập dữ liệu có phân tách theo giới tính, độ tuổi và các yếu tố xã hội liên quan. Tuy nhiên, trong các TCVN khác, mức độ lồng ghép GDEI còn hạn chế và chủ yếu dừng ở yêu cầu cơ bản về thu thập dữ liệu. Nhìn chung, hệ thống tiêu chuẩn hiện hành đã tạo ra nền tảng quan trọng để tiếp tục tăng cường tính nhất quán trong lồng ghép GDEI, đặc biệt thông qua việc chuyển hóa các cam kết pháp luật và chính sách hiện có thành những yêu cầu vận hành cụ thể và có tính hệ thống trong toàn bộ các lĩnh vực của công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh.

Kết quả Hội thảo tham vấn và thẩm định báo cáo tiếp tục khẳng định rằng thách thức chủ yếu hiện nay không nằm ở việc thiếu các cam kết chính sách, mà ở mức độ chuyển hóa các cam kết đó thành các quy định, hướng dẫn và hoạt động triển khai thường xuyên trong thực tiễn. Các đại biểu nhấn mạnh sự cần thiết phải làm rõ hơn vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan; xây dựng hướng dẫn thực hiện cụ thể; tăng cường sử dụng dữ liệu có phân tách; đồng thời quan tâm nhiều hơn đến trải nghiệm và nhu cầu của người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, thanh niên, người cao tuổi và phụ nữ, đặc biệt trong việc tạo điều kiện để họ tham gia vào các vị trí lãnh đạo, quản lý và kỹ thuật trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn.

Quản lý thông tin và sử dụng dữ liệu

Hệ thống quản lý thông tin phục vụ công tác khắc phục hậu quả bom mìn, bao gồm các hoạt động khảo sát, rà phá, GDPTTNBM và hỗ trợ nạn nhân, đã từng bước được hình thành và phát triển. Tại một số địa phương, dữ liệu được thu thập và báo cáo định kỳ từ cấp địa phương lên cấp quốc gia. Trong một số trường hợp, dữ liệu phân tách theo giới tính và độ tuổi đã được thu thập và sử dụng phục vụ công tác báo cáo và lập kế hoạch. Tuy nhiên, kết quả đánh giá cho thấy việc phân tích và sử dụng dữ liệu có phân tách chưa được thực hiện một cách nhất quán để xác định những khác biệt về nhu cầu, mức độ tiếp cận, tác động hoặc các nguy cơ bị loại trừ và phân biệt đối xử giữa các nhóm dân cư. Việc sử dụng dữ liệu làm cơ sở cho quá trình xác định ưu tiên, lựa chọn đối tượng thụ hưởng và phân bổ nguồn lực cũng chưa trở thành một thực hành thường xuyên trong toàn hệ thống.

Ở cấp quốc gia, Trung tâm Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về Khắc phục Hậu quả Bom mìn do VNMAC quản lý đang vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung về khắc phục hậu quả bom mìn, thông qua đó dữ liệu được thu thập và chia sẻ với các cơ quan có liên quan. Tuy nhiên, hệ thống này hiện chưa được công bố và truy cập công khai trực tuyến. Các đơn vị, cơ quan, tổ chức bên ngoài có nhu cầu tiếp cận thông tin về các khu vực địa lý cụ thể cần thực hiện đề nghị cung cấp thông tin theo quy định, trong bối cảnh việc tổng hợp dữ liệu và hoàn thiện cơ chế phân quyền, chia sẻ và truy cập dữ liệu vẫn đang được tiếp tục hoàn tất.

Các hoạt động triển khai tại hiện trường và gắn kết cộng đồng

Các hoạt động GDPTTNBM, khảo sát, rà phá và hỗ trợ nạn nhân đã thể hiện được sự quan tâm đến tính hòa nhập, mặc dù mức độ thực hiện còn khác nhau tùy theo bối cảnh, địa bàn và loại hình hoạt động. Hoạt động GDPTTNBM tiếp cận được số lượng lớn người dân, đặc biệt là trẻ em thông qua các chương trình giáo dục, tuyên truyền tại trường học và cộng đồng và các kênh truyền thông địa phương. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận vẫn chưa đồng đều với một số nhóm đối tượng bao gồm trẻ em bỏ học sớm hoặc không đến trường, người trong độ tuổi lao động, người cao tuổi, phụ nữ dân tộc thiểu số và người khuyết tật. Kết quả này cho thấy cần tiếp tục điều chỉnh phương thức truyền thông, thời gian, địa điểm và hình thức tổ chức hoạt động để phù hợp hơn với điều kiện, nhu cầu, đặc điểm và các chuẩn mực xã hội của từng nhóm đối tượng. Các phương pháp tiếp cận có sự tham gia và tương tác hai chiều với cộng đồng đã được áp dụng trong một số bối cảnh song chưa được triển khai một cách đồng bộ và có hệ thống. Trong hỗ trợ nạn nhân và hỗ trợ cộng đồng, nhiều hoạt động đã bước đầu quan tâm các yếu tố như nghèo đói, điều kiện địa lý khó khăn và tác động đối với các nạn nhân gián tiếp. Tuy nhiên, việc sử dụng dữ liệu có phân tách để phục vụ cho quá trình xác định ưu tiên, điều chỉnh hoạt động và quản lý thích ứng vẫn còn hạn chế.

Lao động, đào tạo và năng lực tổ chức

Lực lượng lao động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn vẫn chủ yếu là nam giới, đặc biệt trong các cơ quan nhà nước và trong các vị trí kỹ thuật, lãnh đạo và quản lý. Sự tham gia của các nhóm dân tộc thiểu số và người khuyết tật trong lực lượng lao động của ngành còn hạn chế, nhất là các vị trí làm việc trực tiếp tại hiện trường. Các quy trình tuyển dụng và phát triển nghề nghiệp nhìn chung được thực hiện theo hướng chuyên nghiệp và dựa trên năng lực. Tuy nhiên, do phần lớn các quy trình này được thiết kế theo cách tiếp cận trung tính, một số rào cản hoặc bất lợi mà các nhóm khác nhau gặp phải có thể chưa được nhận diện và xử lý đầy đủ, từ đó có khả năng duy trì những mất cân bằng hiện có

về sự tham gia và cơ hội phát triển nghề nghiệp. Các hoạt động đào tạo và nâng cao năng lực về giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập đã được triển khai ở mức độ khác nhau trong toàn ngành. Tuy nhiên, vẫn còn cơ hội để tăng cường tính thống nhất và đồng bộ thông qua việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn chung về đào tạo, đồng thời xác định rõ những kiến thức, kỹ năng và năng lực tối thiểu về GDEI cần có đối với cán bộ, nhân viên và các vị trí có liên quan trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn.

Giám sát và trách nhiệm giải trình

Các hệ thống giám sát trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn, bao gồm đảm bảo chất lượng, kiểm soát chất lượng và kiểm tra kỹ thuật, được đánh giá là tương đối vững chắc, đặc biệt trong việc bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và kỹ thuật. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều dư địa để tiếp tục củng cố hệ thống giám sát và đánh giá theo hướng đánh giá một cách có hệ thống hơn mức độ các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn đáp ứng nhu cầu, khả năng tiếp cận và thụ hưởng của các nhóm dân cư khác nhau. Việc lồng ghép các chỉ số liên quan đến bao trùm, thiết lập cơ chế thu thập và xử lý phản hồi của cộng đồng một cách có có cấu trúc, cũng như tăng cường sử dụng thường xuyên dữ liệu có phân tách sẽ góp phần nâng cao khả năng đánh giá kết quả bao trùm và tăng cường trách nhiệm giải trình của các bên liên quan.

Tóm tắt các khuyến nghị chính

Trên cơ sở các phát hiện của nghiên cứu, đánh giá xác định một số nhóm ưu tiên mang tính xuyên suốt nhằm tăng cường lồng ghép giới, đa dạng, bình đẳng và hoà nhập trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam. Các khuyến nghị tập trung vào việc tăng cường hiện thực hóa các cam kết quốc gia về bình đẳng và không phân biệt đối xử thành các yêu cầu và thực hành cụ thể trong quá trình quản lý và triển khai các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn; đồng thời tăng cường vai trò điều phối, hướng dẫn và giám sát của VNMAC. Các khuyến nghị nhấn mạnh việc phát huy và sử dụng hiệu quả hơn các hệ thống hiện có, xác định các mục tiêu và trách nhiệm rõ ràng hơn và đồng thời triển khai các giải pháp theo một lộ trình phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế. Nhằm hỗ trợ cả các hoạt động trong trước mắt và định hướng phát triển dài hạn, các khuyến nghị được sắp xếp theo ba khung thời gian dự kiến: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Cách tiếp cận này nhằm xác định các biện pháp có thể ưu tiên triển khai ngay, đồng thời định hướng cái giải pháp dài hạn, cần thêm thời gian, nguồn lực và phát triển thể chế để thực hiện hiệu quả và bền vững.

Một trong những khuyến nghị trọng tâm của đánh giá là xây dựng một Kế hoạch hành động quốc gia về lồng ghép giới, đa dạng, bình đẳng và hoà nhập trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn. Kế hoạch này sẽ cung cấp một khuôn khổ có cấu trúc, xác định rõ mục tiêu, ưu tiên, trách nhiệm và lộ trình thực hiện nhằm từng bước chuyển hoá các cam kết quốc gia và quốc tế về bình đẳng giới, không phân biệt đối xử và hòa nhập thành các hoạt động cụ thể có thể triển khai trong thực tiễn. Kế hoạch này sẽ tổng hợp và cụ thể hoá các khuyến nghị của báo cáo thành các nhóm ưu tiên và trình tự thực hiện rõ ràng; đồng thời hỗ trợ cho quá trình triển khai phối hợp giữa các bên liên quan trong các lĩnh vực quản trị, hoạt động hiện trường, quản lý thông tin và dữ liệu, giám sát và đánh giá, cũng như đào tạo và phát triển năng lực. Việc xây dựng và triển khai Kế hoạch cần phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và vai trò điều phối của VNMAC, đồng thời tạo cơ sở để theo dõi tiến độ triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các khuyến nghị của báo cáo trong từng giai đoạn.

Tóm tắt các khuyến nghị chính

Ưu tiên xuyên suốt	Vấn đề cốt lõi cần giải quyết	Định hướng thay đổi	Vai trò của VNMAC
1. Tăng cường phân tích và sử dụng dữ liệu có phân tách trong quá trình ra quyết định	Dữ liệu được thu thập nhưng chưa được phân tích và sử dụng một cách nhất quán để nhận diện sự khác biệt về nhu cầu, mức độ tiếp cận và thụ hưởng giữa các nhóm dân cư, cũng như để xác định ưu tiên trong quá trình lập kế hoạch và triển khai hoạt động.	Chuyển từ việc chủ yếu thu thập dữ liệu phục vụ báo cáo sang phân tích và sử dụng có hệ thống dữ liệu phân tách theo giới tính, độ tuổi, tình trạng khuyết tật, dân tộc và các đặc điểm liên quan, nhằm hỗ trợ xác định ưu tiên, lập kế hoạch, xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, giám sát và phân bổ nguồn lực.	Thiết lập và hướng dẫn các yêu cầu về thu thập, phân tích và sử dụng dữ liệu có phân tách; điều phối việc sử dụng dữ liệu giữa các bên liên quan; đồng thời theo dõi và rà soát mức độ dữ liệu được sử dụng trong quá trinh giám sát và báo cáo ở cấp quốc gia.
2.Làm rõ các yêu cầu tối thiểu về GDEI trong toàn ngành	Mức độ lồng ghép GDEI hiện chưa đồng đều giữa các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình kiểm định, cấp chứng chỉ và hoạt động triển khai tại hiện trường.	Xác lập các chỉ số ban đầu rõ ràng về không phân biệt đối xử, sự tham gia bao trùm và sử dụng dữ liệu có phân tách trong quản trị, quản lý nguồn nhân lực và triển khai hoạt động tại hiện trường.	Làm rõ các yêu cầu và kỳ vọng về GDEI trong quá trình áp dụng các TCVN hiện hành, và quy trình giám sát kỹ thuật; đồng thời huy động và điều phối các bên liên quan nhằm tăng cường sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng trên toàn ngành.
3. Tăng cường giám sát về bình đẳng và hoà nhập bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật	Hoạt động giám sát chủ yếu tập trung vào tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và kỹ thuật, trong khi việc đánh giá mức độ tiếp cận, tham gia và thụ hưởng của các nhóm dân cư khác nhau chưa được thực hiện một cách đầy đủ và có hệ thống.	Từng bước tích hợp các tiêu chí và chỉ số về bình đẳng và hoà nhập vào các quy trình đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, giám sát và đánh giá nhằm đánh giá tốt hơn phạm vi tiếp cận, mức độ tham gia và kết quả đối với các nhóm dân cư khác nhau.	Tăng cường các yêu cầu và nội dung giám sát về bình đẳng và hoà nhập trong các cơ chế giám sát hiện có, tận dụng hệ thống quy định đang vận hành mà không nhất thiết phải thiết lập một hệ thống giám sát mới.
4. Chuyển từ các hoạt động nâng cao năng lực về GDEI riêng lẻ sang cách tiếp cận có hệ thống	Các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực về GDEI hiện chưa được triển khai đồng bộ, còn mang tính riêng lẻ và phụ thuộc vào từng tổ chức, dự án hoặc vị trí công việc.	Xác định các năng lực tối thiểu về GDEI đối với các nhóm cán bộ, nhân viên liên quan và từng bước lồng ghép các năng lực này vào quá trình lập kế hoạch, triển khai các hoạt động tại hiện trường và đào tạo và phát triển đội ngũ lãnh đạo, quản lý.	Tổ chức đối thoại và phối hợp với các cơ quan, đơn vị và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn để thông nhất khung năng lực phù hợp, đồng thời hỗ trợ áp dụng các phương pháp đào tạo và nâng cao năng lực có cấu trúc, nhất quán và và mang tính hệ thống trong toàn ngành.
5. Thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ ở các cấp độ và trong lộ trinh phát triển nguồn nhân lực	Sự tham gia của phụ nữ trong các vai trò lãnh đạo, quản lý, kỹ thuật và vị trí làm việc tại hiện trường còn hạn chế.	Tăng cường các biện pháp phù hợp nhằm mở rộng cơ hội tuyển dụng, duy trì nhân sự và phát triển nghề nghiệp cho phụ nữ, bao gồm cơ hội tham gia các vị trí kỹ thuật và làm việc tại hiện trường, phù hợp với cam kết của Việt Nam về Chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS)	Thúc đẩy đối thoại chính sách, tăng cường điều phối và khuyến khích lồng ghép cách tiếp cận đáp ứng giới vào các quy trình tuyển dụng, đào tạo, nâng cao năng lực và phát triển nghề nghiệp hiện có.
6. Tăng cường áp dụng các phương pháp có sự tham gia nhằm nâng cao hiệu quả gắn kết cộng đồng	Các phương pháp thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng hiện nay chưa được áp dụng một cách nhất quán, dẫn đến khả năng tiếp cận và tham gia còn chưa đồng đều giữa các nhóm dân cư.	Áp dụng các phương pháp có sự tham gia, phù hợp với bối cảnh nhằm bảo đảm tiếp cận và sự tham gia hiệu quả hơn của nam giới, phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số và người khuyết tật.	Khuyến khích áp dụng và nhân rộng các thực hành tốt; tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi giữa các bên liên quan; đồng thời tăng cường tính nhất quán trong việc áp dụng các phương pháp có sự tham gia giữa các cơ quan, đơn vị và tổ chức thực hiện.



Giới thiệu

Nhận thức được yêu cầu ngày càng cấp thiết trong việc bảo đảm các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn tại Việt Nam được triển khai theo hướng bao trùm, công bằng và đáp ứng nhu cầu đa dạng của tất cả các cộng đồng bị ảnh hưởng, Chính phủ Canada, thông qua Chương trình Đào tạo và Hợp tác Quân sự, đã hỗ trợ thực hiện Đánh giá về giới, đa dạng, bình đẳng và hoà nhập trong các công tác khắc phục hậu quả bom mìn ở Việt Nam. Đánh giá này xem xét mức độ lồng ghép giới và bao trùm trong các chính sách, công tác lập kế hoạch, quản lý, điều phối, triển khai hoạt động thực địa và gắn kết cộng đồng. Phạm vi đánh giá bao gồm cả các hoạt động tại văn phòng và tại hiện trường do các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn thực hiện. Thông qua việc xác định các khoảng trống thể chế và thực tiễn, ghi nhận các thực hành tốt, nhận diện những cơ hội mới và xác định các lĩnh vực ưu tiên có thể can thiệp, đánh giá này hướng tới mục tiêu góp phần nâng cao năng lực của toàn ngành trong việc tổ chức và triển khai các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh theo hướng bao trùm, công bằng và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các nhóm dân cư khác nhau. Các phát hiện và khuyến nghị của đánh giá là nguồn tham khảo quan trọng nhằm thúc đẩy việc áp dụng cách tiếp cận có đáp ứng giới và bao trùm trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn tại Việt Nam. Báo cáo này được xây dựng để phục vụ Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là Trung tâm Hành động bom mìn quốc gia Việt Nam (VNMAC), đồng thời cung cấp thông tin tham khảo cho các cơ quan, tổ chức thực hiện, các đối tác phát triển và nhà tài trợ. Đánh giá được thiết kế nhằm hỗ trợ việc xây dựng các dự án và chương trình mới, đồng thời cung cấp cơ sở để rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách, chương trình và cơ chế triển khai hiện hành. Các phát hiện và khuyến nghị của báo cáo cũng có thể được xem xét trong quá trình sửa đổi, cập nhật và xây dựng các chiến lược, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật và hướng dẫn thực hành của ngành trong thời gian tới.

Dựa trên các cam kết quốc gia và quốc tế, Đánh giá này hướng đến thực hiện các mục tiêu chính:

- Rà soát các chính sách, thực tiễn và công cụ hiện đang được các bên liên quan sử dụng trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn;
- Phân tích mức độ và cách thức các nguyên tắc giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập được lồng ghép trong các quy trình quản lý, điều phối và triển khai hoạt động; và
- Xác định các cơ hội nhằm tăng cường sự tương thích giữa khung chính sách, tiêu chuẩn và thực tiễn trong nước với các các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

Báo cáo được cấu trúc theo một trình tự logic và nhất quán, bắt đầu từ việc trình bày các khuôn khổ và tiêu chuẩn quốc tế, đến phân tích bối cảnh Việt Nam và đánh giá thực tiễn triển khai và đề xuất các khuyến nghị có tính khả thi. Phần đầu của Báo cáo trình bày tổng quan về các tiêu chuẩn và khuôn khổ quốc tế hướng dẫn việc thực hiện lồng ghép giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập trong hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn. Tiếp theo là phần mô tả phương pháp nghiên cứu, phạm vi và hạn chế của nghiên cứu. Phần phân tích bối cảnh cung cấp cái nhìn tổng thể về môi trường kinh tế, xã hội và thể chế trong đó các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn được triển khai tại Việt Nam. Nội dung phân

tích bao gồm các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, đặc điểm dân số, chuẩn mực xã hội và văn hóa, sinh kế và sử dụng đất, mức độ tham gia và hòa nhập kinh tế, khả năng tiếp cận dịch vụ và các yếu tố liên quan an toàn và dễ bị tổn thương của các nhóm dân cư khác nhau.

Trên cơ sở đó, các phát hiện của Đánh giá được trình bày theo sáu lĩnh vực chủ đề chính bao gồm: quản trị; lập kế hoạch và điều phối, hệ thống chính sách, quy định và tiêu chuẩn; triển khai hoạt động (GDPTTNBM, hỗ trợ nạn nhân, khảo sát và rà phá); việc làm và phát triển nguồn nhân lực; và năng lực thể chế và các cơ chế hỗ trợ. Cuối cùng, Báo cáo tổng hợp các kết luận chính và xác định những cơ hội ưu tiên để tăng cường lồng ghép giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập trong các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh.

Phương pháp

Đánh giá được thực hiện trong tháng 11 và tháng 12 năm 2025 bởi nhóm chuyên gia bao gồm bà Jean Munro, Cố vấn về Giới, Đa dạng, Bình đẳng và Hòa nhập của GICHD; bà Nguyễn Thanh Vân, Quản lý Hợp phần Dự án KVPVP của UNDP; và bà Nguyễn Thị Lan, Cố vấn độc lập về Giới tại Việt Nam.

Các bên liên quan tham gia vào quá trình đánh giá bao gồm lãnh đạo VNMAC, đại diện các phòng, trung tâm trực thuộc của VNMAC và đại diện cấp tỉnh; cán bộ chương trình, dự án của UNDP; các tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh có trụ sở tại Hà Nội; các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh chịu trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh; các đội khảo sát, rà phá, và đảm bảo chất lượng; các điều phối viên GDPTTNBM và cán bộ liên lạc cộng đồng; các cơ quan, tổ chức và đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân và nhà cung cấp dịch vụ địa phương; cũng như các đối tượng hưởng lợi từ các hoạt động GDPTTNBM và hỗ trợ nạn nhân, cùng đại diện lãnh đạo cộng đồng tại địa phương. Sự tham gia của các nhóm đối tượng khác nhau đã giúp Đánh giá thu thập thông tin và góc nhìn từ nhiều cấp độ và lĩnh vực trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn tại Việt Nam, từ hoạch định chính sách, quản lý và điều phối ở cấp quốc gia đến tổ chức thực hiện tại địa phương, và triển khai hoạt động tại hiện trường. Trong khuôn khổ thu thập dữ liệu định tính, Đánh giá đã thực hiện phỏng vấn 14 cá nhân (gồm 8 phụ nữ và 6 nam giới) và tổ chức 12 cuộc thảo luận nhóm với tổng số 56 người tham gia (32 phụ nữ và 24 nam giới), trong đó có 22 người thuộc các nhóm dân tộc thiểu số.

Đánh giá sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp các phương pháp định tính và định lượng, bao gồm các hợp phần chính sau:

- **Rà soát tổng quan tài liệu** các văn bản pháp luật, chính sách, chiến lược quốc gia liên quan công tác khắc phục hậu quả bom mìn, các tiêu chuẩn và tài liệu hướng dẫn lồng ghép GDEI, cùng các tài liệu chương trình và tài liệu thực hành của các bên liên quan.
- **Phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung** với các cơ quan nhà nước, các cơ quan của Liên Hợp Quốc, các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế tham gia triển khai các hoạt động và các cơ quan điều phối chương trình và các bên liên quan khác.

- **Khảo sát nhân sự tổ chức** và bảng hỏi danh cho cán bộ, nhân viên của các cơ quan nhà nước, các tổ chức quốc tế và các cơ quan điều phối chương trình.
- **Khát sát thực địa tại** tỉnh Quảng Trị và TP. Huế để tìm hiểu thực tiễn triển khai hoạt động và trao đổi trực tiếp với cán bộ và nhân viên tuyến đầu, các nhóm làm việc với cộng đồng và người hưởng lợi.
- **Phân tích đối sánh** các chính sách, tiêu chuẩn và thực tiễn triển khai ở Việt Nam với các tiêu chuẩn, khuôn khổ và hướng dẫn quốc tế để xác định những điểm mạnh, khoảng trống, và cơ hội tăng cường sự phù hợp giữa thực tiễn của Việt Nam với chuẩn mực quốc tế.
- **Tham vấn, thẩm định** các phát hiện ban đầu và khuyến nghị với các bên liên quan chủ chốt trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn.

Các tiêu chuẩn, hướng dẫn và cam kết quốc gia và quốc tế liên quan đến lồng ghép giới, đa dạng và hòa nhập trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn

Đánh giá này được thực hiện dựa trên cơ sở phân tích mức độ phù hợp của chính sách và thực tiễn của hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh ở Việt Nam so với các tiêu chuẩn và hướng dẫn quốc tế liên quan, đồng thời xem xét trong mối liên hệ với hệ thống pháp luật, chính sách và các cam kết quốc gia hiện hành về GDEI. Đặc biệt, đánh giá này sử dụng các tài liệu tham chiếu quốc tế chính bao gồm *Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Lồng ghép giới trong các Chương trình Hành động bom mìn*[i], *Bản tóm tắt chính sách về Giới và Xác định Ưu tiên trong Hành động Bom Mìn*[ii], Tiêu chuẩn Hành động bom mìn quốc tế (IMAS)[iii] và các cam kết quốc gia của Việt Nam liên quan đến GDEI. Các tiêu chuẩn, hướng dẫn và cam kết này tạo thành khung tham chiếu cho quá trình đánh giá mức độ và cách thức các nguyên tắc và thực hành về GDEI được lồng ghép trong hệ thống chính sách, quản trị, lập kế hoạch, điều phối và triển khai hoạt động trong Chương trình khắc phục hậu quả bom mìn quốc gia.

Phạm vi

Đánh giá xem xét mức độ lồng ghép các yếu tố GDEI trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam trên sáu lĩnh vực chính:

Quản trị	• Nghĩa vụ và cam kết quốc gia thực hiện Công ước quốc tế • Cam kết chính sách • Hệ thống pháp luật quốc gia • Chức năng, vai trò và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước
Lập kế hoạch và điều phối	• Lập kế hoạch chiến lược • Xác định ưu tiên • Điều phối
Hệ thống quy định và tiêu chuẩn	• Quản lý thông tin và dữ liệu • Hệ thống Tiêu chuẩn quốc gia • Kiểm định và Chứng nhận năng lực hoạt động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh • Giám sát các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh
Triển khai hoạt động tại thực địa	• Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn • Khảo sát và rà phá bom mìn • Hỗ trợ nạn nhân
Nguồn nhân lực và việc làm	• Chính sách • Tuyển dụng • Đào tạo và Phát triển nghề nghiệp • Điều kiện làm việc và chế độ phúc lợi
Năng lực tổ chức và cơ chế hỗ trợ	• Cam kết lãnh đạo • Hệ thống, vai trò và trách nhiệm

Hạn chế của nghiên cứu

Đánh giá vẫn còn một số hạn chế cần được lưu ý khi diễn giải và sử dụng các kết quả nghiên cứu. Thứ nhất, trong khuôn khổ đánh giá, nhóm nghiên cứu chưa có điều kiện thực hiện phỏng vấn trực tiếp với đại diện lực lượng công binh Quân đội nhân dân Việt Nam, hiện là một trong những lực lượng chủ chốt thực hiện công tác khảo sát và rà phá bom mìn tại Việt Nam. Mặc dù đã có đề xuất làm việc với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Quốc phòng, việc thu xếp các cuộc trao đổi này không được thực hiện do những yêu cầu và thủ tục điều phối cần thiết. Nhóm nghiên cứu cũng chưa có điều kiện tham vấn trực tiếp đại diện của Bộ Y tế, cơ quan chịu trách nhiệm về hỗ trợ nạn nhân, cũng như đại diện Ban quân đội của Bộ Quốc phòng. Do đó, một số góc nhìn quan trọng từ các cơ quan và đơn vị chủ chốt ở cấp quốc gia có thể chưa được phản ánh đầy đủ trong kết quả Đánh giá. Thứ hai, phạm vi rà soát tài liệu cũng có một số hạn chế do nhóm nghiên cứu chỉ có thể tiếp cận được một số tài liệu được công bố hoặc được các cơ quan, tổ chức sẵn sàng cung cấp. Một số tài liệu nội bộ, dữ liệu chương trình hoặc tài liệu chuyên môn có thể chưa được đưa ra phân tích. Thứ ba, mức độ tham gia khảo sát về nhân sự chưa đồng đều giữa các cơ quan và tổ chức. Không phải tất cả các đối tác được mời đều hoàn thành bảng hỏi khảo sát. Do đó, kết quả khảo sát nhân sự cần được diễn giải trong phạm vi nhóm người tham gia và không nên được xem là đại diện về mặt thống kê cho toàn bộ lực lượng lao động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn tại Việt Nam. Thứ tư, nhóm nghiên cứu chưa được tiếp cận hệ thống dữ liệu bom mìn ở cấp quốc gia; do đó việc xem xét hệ thống dữ liệu chỉ có thể dựa trên thông tin thu thập thông qua phỏng vấn, tham vấn với các bên liên quan

và nghiên cứu thực địa tại tỉnh Quảng Trị. Nghiên cứu thực địa được thực hiện tại hai tỉnh và chưa mở rộng đến tất cả các tỉnh, thành phố bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm bom mìn, vật nổ tại Việt Nam. Do đó, các phát hiện về hoạt động triển khai có thể chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt về mức độ ô nhiễm giữa các bối cảnh địa lý, thể chế và văn hóa - xã hội tại các địa phương khác nhau.

Những hạn chế nêu trên cần được được xem xét khi diễn giải các kết quả của đánh giá. Các phát hiện không nhằm đại diện về mặt thống kê hoặc phản ánh toàn diện mọi khía cạnh của việc lồng ghép GDEI trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam. Việc chưa tham vấn được một số cơ quan, đơn vị chủ chốt ở cấp quốc gia và sự tham gia chưa đầy đủ của các tổ chức triển khai có thể đã làm hạn chế phạm vi các góc nhìn được ghi nhận. Bên cạnh đó, việc hạn chế tiếp cận các hệ thống dữ liệu quốc gia và phạm vi nghiên cứu thực địa chỉ thực hiện tại hai tỉnh cũng làm giảm khả năng khái quát hóa các phát hiện cho toàn bộ các khu vực bị ô nhiễm bom mìn. Vì vậy, các kết luận cần được hiểu theo hướng phản ánh các xu hướng nổi bật, những vấn đề mang tính hệ thống và các khoảng trống ưu tiên cần được quan tâm; đồng thời có thể cần tiếp tục được kiểm chứng thông qua việc mở rộng tham vấn các bên liên quan và tăng cường tiếp cận dữ liệu ở cấp quốc gia.



Bối cảnh

Ô nhiễm bom mìn và vật liệu nổ và các cộng đồng bị ảnh hưởng

Tình trạng ô nhiễm bom mìn và vật liệu nổ tại Việt Nam là một trong những hậu quả lâu dài của chiến tranh, đặc biệt liên quan đến các hoạt động quân sự và oanh tạc quy mô lớn trong những thập niên 1960 và 1970, ảnh hưởng đến nhiều khu vực trên cả nước, đặc biệt là các tỉnh miền Trung chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Các cuộc điều tra ở quy mô quốc gia ước tính rằng khoảng 19% diện tích đất đai của Việt Nam vẫn bị ảnh hưởng bởi bom mìn và vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh, với ô nhiễm tập trung ở các tỉnh như Quảng Trị và thành phố Huế.[iv]

Mức độ phơi nhiễm với rủi ro vật liệu nổ và tác động của nó phân bố không đồng đều giữa các nhóm dân cư và khu vực địa lý. Các nghiên cứu tại Quảng Trị cho thấy tai nạn liên quan bom mìn thường xảy ra trong quá trình canh tác nông nghiệp, chăn thả gia súc và thu gom phế liệu kim loại, và ảnh hưởng nhiều hơn đến cộng đồng dân tộc thiểu số, hộ gia đình thu nhập thấp và người dân sống ở khu vực miền núi. Mặc dù dữ liệu về thương vong do bom mìn, vật liệu nổ đã được thu thập ở mức độ khác nhau trên toàn quốc, việc phân tách dữ liệu một cách có hệ thống theo giới tính, độ tuổi, tình trạng khuyết tật, dân tộc hoặc nghề nghiệp vẫn còn hạn chế, làm cản trở việc phân tích đầy đủ sự khác biệt về mức độ phơi nhiễm, tác động của bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh và nhu cầu hỗ trợ giữa các nhóm dân cư.[v] Tuy nhiên, bằng chứng hiện có cho thấy các yếu tố như giới tính, nghèo đói, dân tộc và khuyết tật có mối liên hệ với mức độ phơi nhiễm trước rủi ro vật liệu nổ và khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ và cơ hội phục hồi.

Đặc điểm dân số và kinh tế - xã hội

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể về phát triển con người, nhưng bất bình đẳng vẫn tồn tại. Cả phụ nữ và nam giới đều tham gia tích cực vào lực lượng lao động, song vẫn tồn tại sự phân công lao động theo giới trong một số lĩnh vực và ngành nghề. Phụ nữ có tỷ lệ cao tham gia trong các công việc phi chính thức, thu nhập thấp và thiếu ổn định, đồng thời phải gánh vác phần lớn trách nhiệm chăm sóc và công việc gia đình không được trả lương.[vi] Thực trạng này đặc biệt rõ rệt ở các khu vực nông thôn và vùng bị ảnh hưởng bởi bom mìn và vật liệu nổ, nơi phụ nữ vừa phải tham gia sản xuất nông nghiệp và các hoạt động tạo thu nhập, vừa đảm nhiệm công việc nội trợ và chăm sóc gia đình. Gánh nặng công việc và hạn chế về thời gian, khả năng di chuyển hạn chế ảnh hưởng đến khả năng tham gia vào các hoạt động GDPTTNBM và các quá trình ra quyết định ở địa phương.

Các dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao trong số người nghèo của Việt Nam và họ thường sinh sống ở các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa – trong đó một số địa bàn đồng thời chịu ảnh hưởng của ô nhiễm bom mìn và vật liệu nổ.[vii] Rào cản ngôn ngữ, trình độ học vấn và điều kiện địa lý cách trở có thể hạn chế khả năng tiếp cận thông tin, dịch vụ và tham gia vào các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh. Người khuyết tật, bao gồm cả những người sống sót sau tai nạn bom mìn và vật liệu nổ có thể phải đối mặt thêm với các rào cản liên quan đến khả năng di chuyển, chi phí tiếp cận dịch vụ và sự sẵn có của dịch vụ phục hồi chức năng và hỗ trợ tâm lý - xã hội, đặc biệt ở các địa bàn nông thôn và miền núi.[viii]

Chuẩn mực giới, quan hệ quyền lực và sự tham gia của cộng đồng

Các chuẩn mực xã hội và văn hóa tại Việt Nam định hình vai trò và kỳ vọng giới trong đời sống hằng ngày cũng như trong các hoạt động ra quyết định ở cộng đồng. Mặc dù khuôn khổ pháp luật bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới, các chuẩn mực phi chính thức vẫn tồn tại và có ảnh hưởng đáng kể – bắt nguồn từ các giá trị truyền thống chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo[ix] và mô hình gia đình, trong đó nam giới thường giữ vai trò trụ cột, còn phụ nữ chủ yếu gắn với trách nhiệm chăm sóc và công việc gia đình.[x] Những chuẩn mực này tác động đến mức độ tham gia vào đời sống xã hội, kinh tế và cộng đồng, đồng thời ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận không gian công cộng và quyết định ai tham gia vào các quá trình ra quyết định tại các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi vật nổ còn sót lại sau chiến tranh.

Ở các tỉnh, thành phố như tỉnh Quảng Trị và TP. Huế, các cuộc họp thôn, xã, các cuộc tham vấn về sử dụng đất và các quy trình ưu tiên giải phóng mặt bằng thường do các cán bộ nam và các bậc trưởng lão chi phối. Sự tham gia của phụ nữ thường được thông qua các tổ chức quần chúng như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, thay vì thông qua đại diện trực tiếp trong các quá trình ra quyết định. Bằng chứng từ các sáng kiến tham gia cộng đồng cho thấy khi áp dụng các tiếp cận tham gia có tính đến giới – như các cuộc tham vấn riêng biệt cho phụ nữ và nam giới – phụ nữ thường ưu tiên các vấn đề về sự an toàn, tiếp cận nước sạch, sức khỏe và sinh kế, trong khi nam giới quan tâm nhiều tới cơ sở hạ tầng và phát triển nông nghiệp, nhấn mạnh giá trị thực tiễn của việc tham gia bao trùm.[xi]

Sinh kế, đất đai và phục hồi

Cơ hội sinh kế và tiếp cận đất đai là yếu tố trung tâm trong quá trình phục hồi tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi bom mìn và vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh và chịu tác động lớn bởi các yếu tố xã hội giao thoa. Thị trường lao động Việt Nam tiếp tục được đặc trưng bởi tỷ lệ cao việc làm tại khu vực phi chính thức và dễ bị tổn thương. Trong bối cảnh đó, phụ nữ tham gia vào các hình thức việc làm có trả lương ở khu vực chính thức với tỷ lệ thấp hơn, đồng thời có xu hướng đảm nhận các công việc phi chính thức bấp bênh với thu nhập và bảo trợ xã hội hạn chế. Người khuyết tật phải đối mặt với tỷ lệ việc làm thấp hơn đáng kể và chiếm tỷ lệ cao hơn trong các ngành phi chính thức có năng suất thấp, phản ánh các rào cản cấu trúc đối với việc làm bền vững và sự tham gia vào thị trường lao động. Các nhóm dân tộc thiểu số, đặc biệt ở các vùng nông thôn và miền núi, cũng phải đối mặt với tỷ lệ thất nghiệp cao hơn và tiếp cận hạn chế với việc làm chính thức và tư liệu sản xuất.[xii] Những bất lợi chồng chéo này – do giới tính, khuyết tật, dân tộc và địa bàn cư trú – cản trở phục hồi sinh kế trong các cộng đồng bị ảnh hưởng và có thể hạn chế phụ nữ, người khuyết tật và các nhóm dân tộc thiểu số được hưởng lợi công bằng từ việc giải phóng đất đai và cơ hội kinh tế sau khi đất đai rà phá.

Mặc dù khung pháp luật của Việt Nam quy định các nguyên tắc về bình đẳng trong sở hữu và thừa kế đất đai, nhưng việc thực thi không đồng đều. Tập quán và thủ tục hành chính thường dẫn đến việc quyền sử dụng đất được đăng ký dưới tên nam giới, ngay cả khi phụ nữ hoặc thành viên gia đình khuyết tật là người sử dụng đất chính.[xiii] Trong các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi bom mìn và vật liệu nổ, những khác biệt về quyền tiếp cận, sử dụng và ra quyết định liên quan đến đất đai có thể ảnh hưởng đến khả năng tham gia của phụ nữ, người khuyết tật và nạn nhân bom mìn trong quá trình xác định ưu tiên rà phá, khu vực cần thực hiện giải phóng mặt bằng, yêu cầu bồi thường hoặc khả năng tiếp cận các cơ hội sinh kế và phát triển sau khi đất đai được rà phá, làm sạch bom mìn vật nổ.

Tiếp cận dịch vụ, an toàn và bảo vệ

Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ trong việc mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, phục hồi chức năng, nước sạch, vệ sinh và bảo trợ xã hội trên toàn quốc, nhưng vẫn còn những khoảng cách đáng kể giữa các khu vực và nhóm dân cư. Ở một số khu vực miền Trung, khoảng cách đi lại để tiếp cận với các dịch vụ, chi phí và sự thiếu hụt các chuyên gia hạn chế khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và nạn nhân bom mìn, vật liệu nổ.[xiv]

Bạo lực và quấy rối dựa trên cơ sở giới vẫn phổ biến ở Việt Nam, ảnh hưởng lớn nhất đến phụ nữ và trẻ em gái, đặc biệt là những người dân tộc thiểu số, vùng nông thôn hoặc khuyết tật.[xv] Trong các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi EO, sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động GDPTTNBM hoặc các hoạt động vì sự an toàn của cộng đồng có thể bị hạn chế bởi các chuẩn mực giới, định kiến hoặc thiếu sự hỗ trợ từ thể chế. Những rủi ro bảo vệ này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lồng ghép các cách tiếp cận đáp ứng giới và đa dạng trong các hoạt động và thiết chế liên quan đến khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh.

Những hàm ý về giới và đa dạng trong hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn

Khi xem xét tổng thể, phân tích bối cảnh cho thấy rằng giới tính, dân tộc, tình trạng khuyết tật, tình trạng nghèo đói và yếu tố địa lý không tồn tại như những yếu tố riêng biệt mà có thể giao thoa và tác động đồng thời đến trải nghiệm của các cá nhân và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi bom mìn và vật liệu nổ. Sự giao thoa của các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến mức độ phơi nhiễm với rủi ro do EO, mức độ tham gia vào các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn cũng như khả năng tiếp cận dịch vụ của quá trình phục hồi và phát triển tại Việt Nam. Mặc dù hệ thống chính sách và pháp luật quốc gia đã tạo nền tảng thúc đẩy bình đẳng, nhưng các chuẩn mực xã hội, rào cản kinh tế và thể chế và việc cung cấp dịch vụ không đồng đều tiếp tục cản trở sự tham gia có ý nghĩa trong thực tế. Khi các rủi ro và khả năng tiếp cận khác nhau giữa các nhóm dân cư, thì việc xác định ưu tiên và giao nhiệm vụ dựa trên dữ liệu có phân tách sẽ có khả năng mang lại những kết quả công bằng và hiệu quả hơn. Giải quyết các yếu tố này là cần thiết để đảm bảo rằng các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn tại Việt Nam là bao trùm, đáp ứng với nhu cầu của các nhóm dân cư và phù hợp với cam kết quốc gia về bình đẳng giới và Chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh.



Các phát hiện và khuyến nghị

Phần này trình bày các phát hiện chính từ rà soát tài liệu, khảo sát nhân viên, phỏng vấn các bên liên quan chính và thảo luận nhóm tập trung. Nội dung được cấu trúc theo các lĩnh vực chính, bao gồm khung quản trị, lập kế hoạch và điều phối tiếp theo là phân tích hệ thống luật pháp, chính sách, quy định và tiêu chuẩn; các hoạt động tại thực địa bao gồm GDPTTNBM, hỗ trợ nạn nhân và khảo sát và rà phá; việc làm và nguồn nhân lực; và năng lực tổ chức và các cơ chế hỗ trợ. Các khuyến nghị được đưa ra ở cấp độ chiến lược nhằm hỗ trợ quá trình củng cố hệ thống lồng ghép GDEI trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn. Các khuyến nghị chủ yếu hướng tới hỗ trợ VNMAC trong vai trò điều phối quốc gia, đồng thời phục vụ các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn và các bên liên quan khác. Một số khuyến nghị có thể cùng đề cập đến các vấn đề cốt lõi từ các góc độ khác nhau trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn. Điều này cho thấy rằng quản trị, hoạt động tại hiện trường và nguồn nhân lực có mối quan hệ qua lại, chứ không phải là các khuyến nghị bị trùng lặp. Các khuyến nghị được đưa ra để hỗ trợ cả hành động ngắn hạn và dài hạn. Khuyến nghị được cấu trúc theo các khung thời gian gợi ý – ngắn hạn (NH), trung hạn (TH) và dài hạn (DH) – để phân biệt giữa các biện pháp có thể triển khai ngay và những biện pháp yêu cầu xây dựng thể chế về lâu dài.

Quản trị

Phần này phân tích khung quản trị định hình hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam, bao gồm các nghĩa vụ quốc gia theo công ước quốc tế, cam kết pháp luật và chính sách quốc gia về giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập, cũng như vai trò và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước chủ chốt chịu trách nhiệm thực hiện và giám sát hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn.

Nghĩa vụ thực hiện các công ước và cam kết quốc tế

Cam kết của Việt Nam về giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập được củng cố bởi việc tham gia và phê chuẩn các công ước và hiệp ước quốc tế trong nhiều thập kỷ qua. Việt Nam đã phê chuẩn các công ước sau:

- Công ước về Xóa bỏ Mọi Hình thức Phân biệt Đối xử với Phụ nữ (CEDAW) vào năm 1982,
- Công ước về Quyền Trẻ em (CRC) vào năm 1990, và
- Công ước về Quyền của Người Khuyết tật (CRPD) vào năm 2014

Việt Nam cũng là quốc gia thành viên của

- Công ước Quốc tế về Xóa bỏ Mọi Hình thức Phân biệt Đối xử về Chủng tộc (ICERD), được phê chuẩn vào năm 1982, củng cố các nghĩa vụ quốc gia về bình đẳng và tôn trọng sự đa dạng.

Bên cạnh các công ước này của Liên Hợp Quốc, Việt Nam đã phê chuẩn một số công ước cơ bản của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) liên quan đến bình đẳng và hòa nhập.

Trong số đó có Công ước ILO số 100 về Lương bổng Bình đẳng và Công ước ILO số 111 về Phân biệt Đối xử trong Việc làm và Nghề nghiệp, cả hai đều được phê chuẩn vào năm 1997. Các công cụ này thiết lập các tiêu chuẩn có thể thi hành về công bằng trong việc làm, chống phân biệt đối xử và bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương.

Các công ước này đặt ra các nghĩa vụ pháp lý rõ ràng đối với quốc gia thành viên. Theo CEDAW, các quốc gia thành viên có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và dân sự. Tương tự, CRPD yêu cầu Việt Nam đảm bảo việc hưởng thụ đầy đủ và bình đẳng các quyền con người cho người khuyết tật, cấm phân biệt đối xử dựa trên khuyết tật và đảm bảo tính tiếp cận bình đẳng của người khuyết tật với các dịch vụ công, cơ sở hạ tầng, giáo dục, việc làm và tư pháp. Một chủ đề lặp lại trong các công ước này là nghĩa vụ đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa và đại diện của phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và các nhóm dễ bị tổn thương khác.

Việt Nam đã gia nhập Công ước về Vũ khí Hóa học (CWC), Công ước về Vũ khí Sinh học (BWC) (1980) và Công ước về Một Số Loại Vũ khí Thông thường (CCW) (1981). Các công ước này yêu cầu các quốc gia ngăn chặn việc phát triển, sản xuất và tàng trữ vũ khí bị cấm, đồng thời đảm bảo tính minh bạch thông qua báo cáo định kỳ. Việt Nam hiện chưa phê chuẩn Công ước Cấm Mìn sát thương (APMBC) cũng như Công ước về bom đạn chùm (CCM), nhưng vẫn thường tham gia các Cuộc họp rà soát hoặc Hội nghị kiểm điểm việc thực hiện các Công ước này với tư cách quan sát viên. Việc tham gia các diễn đàn nói trên tạo cơ hội để Việt Nam trao đổi kinh nghiệm, cập nhật các chính sách và thông lệ mới trong lĩnh vực hành động bom mìn trên phạm vi toàn cầu, đồng thời tăng cường tiếp xúc, trao đổi về các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, đa dạng và hòa nhập trong nỗ lực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh ở Việt Nam.

Pháp luật quốc gia

Khung luật pháp và chính sách quốc gia của Việt Nam phản ánh rộng rãi các nghĩa vụ quốc tế của với GDEI. Hiến pháp năm 2013 đảm bảo bình đẳng trước pháp luật và khẳng định ưu tiên thực hiện các hiệp ước quốc tế đã phê chuẩn so với các quy định pháp luật trong nước nếu có xung đột. Các văn bản pháp luật cơ bản – bao gồm Luật Bình đẳng Giới (2006), Bộ Luật Lao động (2019), Luật Người Khuyết tật (2010), Luật Trẻ em (2016), Luật Người Cao tuổi (2009) và Luật phòng chống Bạo lực Gia đình (2007, sửa đổi năm 2022) – đưa ra các quy định rõ ràng về không phân biệt đối xử và bình đẳng.[xvi]

Nghị định số 18/2019/NĐ-CP về khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, thiết lập các nguyên tắc chung, phạm vi áp dụng và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài tham gia vào các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh. Nghị định yêu cầu khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh phải được thực hiện một cách "đồng bộ và hiệu quả" trên phạm vi toàn quốc và phù hợp với pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế liên quan, nhưng không đề cập rõ ràng đến pháp luật quốc gia, CEDAW, CRPD, Chương trình Hành động về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS) hoặc Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), cũng như không chứa các điều khoản riêng biệt về bình đẳng giới hoặc không phân biệt đối xử.[xvii]

Dự thảo Chương trình Hành động Quốc gia về Khắc phục Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, (sau đây gọi tắt là Chương trình) là khung chiến lược và chính sách trung tâm đưa ra định hướng về khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh về dài hạn, xác định các mục tiêu quốc gia, ưu tiên, nguyên tắc thực hiện và trách nhiệm tổ chức thực hiện trên tất cả các trụ cột của hành động bom mìn. Chương trình cung cấp cơ sở pháp lý chính thức để huy động và điều phối nguồn lực trong nước và quốc tế, lồng ghép hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh vào phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và mục tiêu nhân đạo, đồng thời đảm bảo một cách tiếp cận thống nhất trên phạm vi toàn quốc đối với các hoạt động rà phá, giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn và hỗ trợ nạn nhân bom mìn trong bốn thập kỷ tới. Đánh giá về mức độ lồng ghép giới, đa dạng, bình đẳng và hoà nhập được đề cập trong phần lập kế hoạch và điều phối.

Cam kết chính sách

Cam kết chính sách quốc gia của Việt Nam thể hiện mức độ tương thích đáng kể với các cam kết quốc tế về giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập tạo ra một môi trường thuận lợi cho các chương trình khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh đáp ứng giới và đa dạng. *Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội Quốc gia (2021–2030)*[xviii] và *Kế hoạch Hành động Quốc gia về thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững*[xix] tích hợp các nguyên tắc cốt lõi về bình đẳng, bảo trợ xã hội và giảm nghèo đa chiều. Các khung chính sách này cụ thể hóa cam kết của Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) – đặc biệt là Mục tiêu 5, 10 và 16 – bằng cách yêu cầu các sáng kiến phát triển ưu tiên tiếp cận công bằng, an ninh con người và bảo vệ các nhóm dân cư dễ bị tổn thương. Như đã nêu trong *Báo cáo Thường kỳ lần thứ 9 của CEDAW*, việc Việt Nam chuyển sang tiêu chí nghèo đa chiều và tập trung vào các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm phụ nữ, dân tộc thiểu số, trẻ em và người khuyết tật, thể hiện định hướng phát triển dựa trên quyền con người, rất phù hợp với bối cảnh khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh nơi nhu cầu nhân đạo giao thoa với phục hồi kinh tế - xã hội lâu dài.[xx]

Chương trình nghị sự về phụ nữ, hòa bình và an ninh và Kế hoạch hành động quốc gia

Kế hoạch Hành động Quốc gia đầu tiên về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS) của Việt Nam giai đoạn 2024–2030 đã được thông qua vào tháng 01 năm 2024, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong cam kết lâu dài của Việt Nam về bình đẳng giới, hòa bình và an ninh con người.[xxi] Dưới sự chủ trì của Bộ Ngoại giao, Kế hoạch Hành động Quốc gia (NAP) được xây dựng thông qua một quá trình tham vấn rộng rãi, bao gồm các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và các đối tác quốc tế, và được xây dựng trên cơ sở cam kết về bình đẳng giới đã được nêu trong hiến pháp của Việt Nam và các cam kết quốc tế theo Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và các nghị quyết WPS sau đó. Kế hoạch này phù hợp với bốn trụ cột của chương trình nghị sự WPS toàn cầu – Tham gia, Phòng ngừa, Cứu trợ và Phục hồi, và Hợp tác – đồng thời phản ánh bối cảnh cụ thể của Việt Nam là một quốc gia vẫn đang đối mặt với những hậu quả kéo dài do chiến tranh để lại.

Mặc dù Kế hoạch Hành động Quốc gia (NAP) không sử dụng trực tiếp thuật ngữ "khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh", nhưng Mục tiêu 1 và 3 có liên quan trực tiếp và sâu sắc đến khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh thông qua việc tập trung vào việc giải quyết hậu quả của chiến tranh, bao gồm bom mìn và vật liệu chưa nổ và các tàn dư chiến tranh khác. Mục tiêu 1 ưu tiên tăng cường sự tham gia, lãnh đạo và tiếng nói của phụ nữ trong quá trình ra quyết định về hòa bình và an ninh, bao gồm các lĩnh vực cứu trợ và phục hồi – những lĩnh vực có liên quan mật thiết đến quản lý, triển khai và điều phối trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh . Mục tiêu này đề ra các chỉ tiêu sau về việc tăng số lượng phụ nữ trong tuyển dụng, lập kế hoạch và bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo và quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương:

- "Đến năm 2025, 60% các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương ở tất cả các cấp có các nhà lãnh đạo nữ chủ chốt. Đến năm 2030, mục tiêu này được nâng lên 75%. Đối với các lĩnh vực và ngành nghề nơi lực lượng lao động nữ hiện dưới 30%, các mục tiêu này có thể được điều chỉnh để phản ánh điều kiện thực tế;
- Đến năm 2025, tỷ lệ phụ nữ trong nguồn nhân lực cho các vị trí quản lý và lãnh đạo ở tất cả các cấp nên đạt ít nhất 40%, với mục tiêu 50% vào năm 2030"[xxii].

Mục tiêu 3 tập trung vào việc lồng ghép giới trong công tác cứu trợ và phục hồi, bao gồm phục hồi sau chiến tranh, với các tham chiếu rõ ràng về việc giải quyết hậu quả của chiến tranh, quản lý rủi ro, phục hồi sinh kế và hỗ trợ các cộng đồng bị ảnh hưởng, tất cả đều là các yếu tố cốt lõi của hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh.[xxiii] Cùng nhau, các mục tiêu này tạo ra một cơ hội mạnh mẽ và kịp thời cho các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh để đồng bộ hóa và triển khai Kế hoạch Hành động Quốc gia về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS NAP), qua đó khẳng định vai trò của công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh như một cơ chế triển khai cụ thể nhằm thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ, phục hồi đáp ứng giới và xây dựng hòa bình bao trùm tại Việt Nam.

Một khoảng trống còn lại là *Kế hoạch Hành động Quốc gia về Phụ nữ, Hòa bình và An Ninh (WPS NAP)* không đề cập rõ ràng đến Chương trình Hành động Quốc gia về khắc phục hậu quả bom mình sau chiến tranh, và ngược lại, Chương trình *Hành động Quốc gia về khắc phục hậu quả bom mìn sau Chiến tranh* cũng không đề cập hoặc đồng bộ với WPS NAP. Sự thiếu vắng các liên kết mang tính chính thức này cho thấy một cơ hội bị bỏ lỡ trong việc thúc đẩy tính thống nhất chính sách và tăng cường tính bổ trợ lẫn nhau giữa hai "quốc gia". Tuy nhiên, có thể hiểu được rằng Ban phụ nữ Quân đội đang xây dựng một kế hoạch hành động nhằm thực hiện WPS cho Bộ Quốc phòng, đây là cơ hội để có thể làm rõ vai trò, trách nhiệm và các hành động cụ thể để VNMAC tăng cường sự tham gia của phụ nữ - đặc biệt là trong các vai trò lãnh đạo và ra quyết định - trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh.[xxiv]



Hình 1 – Chương trình HĐQG về Phụ nữ, Hoà Bình, An Ninh và các ưu tiên chung và các hoạt động

Các chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, hoà nhập xã hội

Các chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và hoà nhập xã hội tiếp tục thực hiện các cam kết này trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn. *Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng Giới giai đoạn 2021–2030* yêu cầu lồng ghép giới trong tất cả các chương trình, chính sách phát triển kinh tế-xã hội, đồng thời giao trách nhiệm cho các bộ, ngành, và địa phương triển khai các biện pháp cụ thể nhằm thu hẹp khoảng cách giới trong tham gia chính trị, lãnh đạo, cơ hội việc làm và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản.[xxv]

Các chính sách hướng tới phát triển bao trùm ở các khu vực khó khăn, vùng có nguy cơ cao hoặc chịu ảnh hưởng nặng nề bởi chiến tranh có liên quan chặt chẽ đến hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn. *Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030* tập trung giải quyết các bất bình đẳng mang tính hệ thống tại các khu vực bị ảnh hưởng lâu dài bởi tàn dư vật nổ sau chiến tranh.[xxvi] Thông qua việc ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ, phát triển sinh kế và bảo đảm các dịch vụ thiết yếu cho cộng đồng dân tộc thiểu số, chương trình này có sự tương thích cao với các mục tiêu của hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, đặc biệt trong việc đảm bảo tiếp cận đất đai an toàn, GDPTTNBM và hỗ trợ nạn nhân một cách có trọng tâm.

Chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan thực hiện

Về phân công trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thúc đẩy lồng ghép giới, đa dạng và hoà nhập (GDEI), Nghị định số 18/2019/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn số

195/2019/TT-BQP của Bộ Quốc phòng đã giao nhiệm vụ điều phối chung cho Ủy ban Chỉ đạo Quốc gia 701 và Trung tâm Hành động bom mìn quốc gia Việt Nam (VNMAC), đồng thời quy định rõ vai trò của Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan và chính quyền địa phương trong công tác lập kế hoạch, quản lý chất lượng, vận hành hệ thống thông tin và huy động nguồn lực. Tuy nhiên, các văn bản này chưa quy định việc thiết lập các đầu mối chuyên trách về bình đẳng giới và hoà nhập trong cơ cấu quản lý các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, cũng như chưa xác định các yêu cầu cụ thể liên quan đến GDEI (chẳng hạn như bảo đảm thu thập và quản lý dữ liệu có phân tách theo giới tính và độ tuổi, thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động khảo sát và rà phá bom mìn, hoặc bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật). Trên thực tế, việc thúc đẩy bình đẳng giới, hòa nhập người khuyết tật và hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương trong các khu vực bị ô nhiễm vật nổ chủ yếu được thực hiện thông qua cơ chế phối hợp liên ngành với các cơ quan có chức năng chuyên môn (như Bộ Lao động, Thương binh và và Xã hội (MOLISA) và sau khi sát nhập chuyển giao cho Bộ Y tế trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và chính sách đối với người khuyết tật; các tổ chức chính trị - xã hội như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và cũng như thông qua việc áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10299 và các chiến lược quốc gia về bình đẳng giới.

Mặc dù cam kết của lãnh đạo đối với lồng ghép GDEI được ghi nhận rộng rãi trong quá trình tham vấn, việc chuyển hóa các cam kết này thành thực tiễn triển khai vẫn cần có cơ chế trách nhiệm giải trình rõ ràng hơn. Điều này bao gồm việc phân công trách nhiệm cụ thể; lồng ghép các yêu cầu về GDEI vào kế hoạch và báo cáo hằng năm; đồng thời sử dụng các diễn đàn điều phối để rà soát tiến độ và giải quyết các khó khăn, rào cản trong quá trình thực hiện.

Khuyến nghị - Lĩnh vực Quản trị

Tăng cường tính nhất quán chính sách giữa lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn và các khuôn khổ luật pháp chính sách liên quan bình đẳng giới, hoà nhập xã hội, và hòa bình - an ninh

VNMAC cần tăng cường sự đồng bộ giữa khung luật pháp, chính sách về khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh với các chương trình nghị sự quốc gia về giới, hòa bình và an ninh, đặc biệt là Kế hoạch Hành động Quốc gia về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS NAP), Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng Giới và Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Việc này cần làm rõ đóng góp của các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn đối với các mục tiêu số 1 và số 3 của Kế hoạch Hành động Quốc gia về Phụ nữ, Hoà bình và an ninh (WPS). (Trung hạn)

Lồng ghép và cụ thể hóa các cam kết về GDEI trong Chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh

Chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh giai đoạn 2026–2045 cần thể hiện rõ và cụ thể hóa các cam kết này thông qua các mục tiêu, chỉ số, chỉ tiêu và cơ chế giám sát rõ ràng, đồng thời bảo đảm sự phù hợp, khi cần thiết, với các khuôn khổ luật pháp, chính sách quốc gia hiện hành. Các mục tiêu, chỉ số và chỉ tiêu đề xuất nhằm hỗ trợ triển khai các cam kết về bình đẳng giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) được trình bày tại Phụ lục A. (Ngắn hạn)

Lồng ghép các nguyên tắc GDEI trong Pháp lệnh Khắc phục hậu quả bom mìn sắp ban hành

VNMAC cần thúc đẩy việc lồng ghép các nguyên tắc về GDEI trong Pháp lệnh Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh dự kiến ban hành, nhằm bảo đảm các nội dung về bình đẳng giới, không phân biệt đối xử và hòa nhập được tích hợp trong khuôn khổ pháp lý điều chỉnh lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn. Tiến độ thực hiện các nội dung này cần được báo cáo với Bộ Quốc phòng và Ban Chỉ đạo Quốc gia 701 nhằm tăng cường công tác giám sát và duy trì sự đồng bộ trong luật pháp, chính sách liên quan. (Trung hạn)

Làm rõ trách nhiệm thể chế về GDEI trong công tác quản lý, điều phối hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn

Mặc dù các chính sách quốc gia đã tạo nền tảng quan trọng cho việc thúc đẩy GDEI, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong triển khai các cam kết này trong hệ thống quản lý và điều phối hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vẫn chưa được quy định rõ ràng. Việc làm rõ vai trò và yêu cầu thực hiện sẽ góp phần tăng cường trách nhiệm giải trình và bảo đảm triển khai thống nhất ở cả cấp trung ương và địa phương. Trên cơ sở Nghị định số 18/2019/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn thi hành, VNMAC cần làm rõ cách thức lồng ghép và triển khai trách nhiệm về GDEI trong hệ thống khắc phục hậu quả bom mìn, bao gồm yêu cầu phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các tổ chức chính trị-xã hội; đồng thời quy định các yêu cầu tối thiểu về sự tham gia, khả năng tiếp cận và phân tách dữ liệu trong tất cả các hợp phần của hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn. (Ngắn hạn)

Xây dựng Kế hoạch thực hiện KHHĐQG về Phụ nữ, Hoà Bình và An ninh trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh thuộc Bộ Quốc phòng

Ban phụ nữ quân đội trong Bộ Quốc phòng, phối hợp với VNMAC, cần xây dựng một kế hoạch hành động thực hiện WPS chuyên biệt cho lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh. Kế hoạch này cần phân công rõ vai trò và trách nhiệm, chỉ tiêu theo thời hạn, hệ thống chỉ số đo lường được và cơ chế báo cáo để triển khai các cam kết WPS - đặc biệt là về sự tham gia và vai trò lãnh đạo của phụ nữ, và các hoạt động cứu trợ và phục hồi có tính đáp ứng giới - trong quản trị, vận hành và cơ chế phối hợp khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh. (Ngắn hạn)

Lập kế hoạch và điều phối

Phần này đánh giá mức độ các mục tiêu và ưu tiên quốc gia về lồng ghép GDEI trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn được xác định rõ ràng và phù hợp với các cam kết quốc tế và quốc gia liên quan

Lập kế hoạch chiến lược

Việc rà soát dự thảo *Chương trình Hành động Quốc gia về Khắc phục Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045* cho thấy mức độ lồng ghép các cam kết về GDEI còn hạn chế và chủ yếu dừng ở định hướng chung, chưa được cụ thể hóa thành các biện pháp thực hiện. Chương trình nêu rõ rằng các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sẽ được thực hiện trong khi đảm bảo nguyên tắc "đảm bảo quyền con người và bình đẳng giới"[xxvii] và cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam và các công ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết[xxviii], bao gồm tham chiếu đến Công ước về Quyền của Người Khuyết tật.[xxix] Tuy nhiên, Chương trình chưa viện dẫn cụ thể các luật và chính sách quốc gia về bình đẳng giới hoặc dân tộc thiểu số của Việt Nam, chưa xác định các mục tiêu về đa dạng hoặc hoà nhập, và cũng chưa đề ra các hành động cụ thể, mục tiêu, chỉ số hoặc trách nhiệm liên quan đến phụ nữ, dân tộc thiểu số, cựu chiến binh hoặc người khuyết tật, hoặc sự phù hợp với các mục tiêu quốc gia được nêu trong các chiến lược bình đẳng giới và hoà nhập khác của Việt Nam. Các cơ chế trách nhiệm giải trình được nêu ra – chẳng hạn như tính minh bạch trong việc sử dụng nguồn lực[xxx], hệ thống thanh tra, giám sát và đánh giá[xxxi], và báo cáo định kỳ của các bộ ngành cho Thủ tướng[xxxii] – áp dụng cho toàn bộ Chương trình và không liên kết với kết quả hoặc sự tham gia liên quan đến GDEI.

Mặc dù Chương trình có bao gồm nguyên tắc chung về việc huy động "sự tham gia của toàn xã hội"[xxxiii], nhưng không có bằng chứng cho thấy phụ nữ, các nhóm dân tộc thiểu số, cựu chiến binh, người khuyết tật hoặc các nhóm bị ảnh hưởng trực tiếp khác đã tham gia vào việc xây dựng Chương trình, cũng như không mô tả cách thức họ sẽ tham gia vào quá trình thực hiện hoặc đánh giá; không có mô tả về các cuộc tham vấn hoặc quy trình tham gia, và các nhóm này không được nêu tên là các bên liên quan trong tài liệu.[xxxiv] Không có bằng chứng cho thấy các cơ cấu phối hợp nội bộ như Ban phụ nữ quân đội của Bộ Quốc phòng hoặc Nhóm làm việc về Giới, Đa dạng và Hòa nhập(GDI) của MAWG đã được tham vấn một cách có hệ thống trong quá trình thiết kế Chương trình.[xxxv]

Dự thảo Chiến lược Quốc gia về giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn và vật nổ đến năm 2030 (GDPTTNBM) tầm nhìn đến năm 2050 cho thấy đã bước đầu lồng ghép cách tiếp cận về giới và đa dạng, tuy nhiên mức độ áp dụng vẫn còn hạn chế. Một điểm tích cực là Chiến lược xác định rõ ràng các nhóm có nguy cơ cao, khu vực vùng sâu, vùng xa và cộng đồng dân tộc thiểu số là đối tượng ưu tiên; đồng thời cam kết tiếp cận phụ nữ thông qua các chỉ tiêu về nâng cao năng lực (ví dụ: phụ nữ chiếm ít nhất 50% cán bộ được đào tạo) và nhấn mạnh việc điều chỉnh tài liệu giáo dục, truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng, bối cảnh văn hóa và nhu cầu cộng đồng khác nhau. Các nội dung này về nguyên tắc phù hợp với cam kết của Việt Nam về phát triển bao trùm và thừa nhận mức độ tiếp xúc với bom mìn và vật nổ khác nhau giữa các nhóm dân cư.

Tuy nhiên, khi đối chiếu so với Luật Bình đẳng Giới và hệ thống pháp luật, chính sách về bình đẳng giới và phát triển vùng dân tộc thiểu số, Chiến lược vẫn chủ yếu trung tính về giới. Chiến

lược chưa phân tích một cách hệ thống những khác biệt về giới trong mức độ rủi ro, hành vi, khả năng tiếp cận thông tin, hình thức truyền thông phù hợp hoặc vai trò ra quyết định của các nhóm khác nhau. Đồng thời chiến lược cũng chưa xác định các kết quả cụ thể về bình đẳng giới hoặc hoà nhập dân tộc thiểu số, chưa xây dựng hệ thống chỉ số theo dõi, cơ chế giải trình hay phân công trách nhiệm liên quan. Các nội dung liên quan đến cộng đồng dân tộc thiểu số chủ yếu tập trung vào tiêu chí địa bàn ưu tiên theo khu vực địa lý thay vì tiếp cận dựa trên quyền, bảo đảm sự tham gia thực chất hoặc đáp ứng các yêu cầu về ngôn ngữ và tính phù hợp văn hóa được quy định trong luật pháp và chương trình quốc gia. Nhìn chung, mặc dù Chiến lược thừa nhận sự đa dạng ở mức độ đối tượng được tiếp cận, nó vẫn chưa thực hiện đầy đủ các cam kết pháp lý về bình đẳng giới và hoà nhập của nhóm dân tộc thiểu số thông qua các mục tiêu rõ ràng, yêu cầu về dữ liệu phân tách, cơ chế tham gia và trách nhiệm thực thi.[xxxvi] Tối thiểu, để đảm bảo sự phù hợp khuôn khổ pháp luật hiện hành, Chiến lược cần chuyển từ cách tiếp cận bao phủ toàn dân sang xác định các mục tiêu bình đẳng có tính khả thi, yêu cầu bắt buộc phải phân tích giới và dân tộc, dữ liệu phân tách, cơ chế có sự tham gia và việc triển khai cung cấp dịch vụ phù hợp với văn hóa của các nhóm mục tiêu.

Các cơ quan đầu mối và cơ chế điều phối

Trong Bộ Quốc phòng hiện có một số cơ quan điều phối chính thức liên quan đến nội dung về giới, đa dạng, bình đẳng và hoà nhập GDEI là Ban Phụ nữ quân đội và Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ Bộ quốc phòng. Các cơ quan này tạo ra các kênh để thúc đẩy sự tham gia, đảm bảo quyền lợi và và hỗ trợ sự phát triển của phụ nữ và đồng thời nhận được sự quan tâm và chỉ đạo ở cấp lãnh đạo.[xxxvii] Các cuộc phỏng vấn cho thấy rằng một số hoạt động của các tổ chức này vẫn mang tính hình thức, tập trung vào tuyên truyền, vận động, chưa đi vào thực chất, chưa tập trung vào vai trò cố vấn kỹ thuật vận hành thúc đẩy bình đẳng giới thực chất. Vai trò phối kết hợp thực hiện chức năng thúc đẩy bình đẳng giới, đa dạng và hoà nhập trong các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh chưa rõ ràng giữa các đơn vị trong tổ chức. [xxxviii]

Ở cấp độ ngành, có Nhóm Công tác kỹ thuật về khắc phục hậu quả bom mìn (MAWG) đã thành lập một một tiểu ban về giới vào năm 2022 và được đổi tên thành tiểu ban công tác về Giới, Đa dạng và hoà nhập vào tháng 12 năm 2023 nhằm nhấn mạnh cách tiếp cận bao trùm hơn trong các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn.[xxxix] Các thành viên của nhóm công tác bao gồm VNMAC, UNDP, MAG, NPA, PTVN, Golden West và UNDP hiện đang là cơ quan điều phối. Nhóm họp định kỳ hàng quý và mục tiêu chính là chia sẻ thông tin giữa các thành viên về việc triển khai các hoạt động liên quan đến GDEI, các khó khăn, thách thức và giải pháp để giải quyết những thách thức này. Ngoài ra, Nhóm công tác đã tổ chức một hội thảo vào năm 2024 về *Lồng ghép Giới trong Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh*. Các cập nhật kết quả của hội thảo và các hoạt động liên quan đến GDEI của các tổ chức được tổng hợp và sau đó chia sẻ tại Nhóm làm việc về Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh (MAWG). Cả tiểu ban về giới, đa dạng và hoà nhập và MAWG đều là những cơ chế hiệu quả trong việc trao đổi thông tin và chia sẻ kinh nghiệm giữa các bên liên quan.

Nhìn chung, lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tại Việt Nam đã có những nền tảng thể chế và cơ chế bước đầu để thúc đẩy GDEI, bao gồm sự định hướng, chỉ đạo chiến lược của các cấp lãnh đạo, các tổ chức chuyên trách về phụ nữ, các cơ chế

tham vấn và hệ thống tổ chức tương đối vững mạnh do các đơn vị triển khai xây dựng. Tuy nhiên, các cơ chế này hiện vẫn mang tính phân tán và chưa được thể chế hóa đồng bộ; vai trò và trách nhiệm giữa các bên chưa được xác định rõ ràng; mối liên kết giữa điều phối và cơ chế giải trình còn hạn chế; đồng thời chưa có hệ thống ở cấp quốc gia nhằm tổng hợp bài học kinh nghiệm, thiết lập các yêu cầu tối thiểu hoặc thúc đẩy một cách hệ thống việc áp dụng các thực hành bảo đảm tính hòa nhập trong toàn ngành.

Xác định ưu tiên

Chương trình Hành động quốc gia về Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, đã xây dựng hệ thống xác định ưu tiên cho hoạt động rà phá và GDPTTNBM chủ yếu dựa trên các tiêu chí kỹ thuật và được quản lý tập trung, và điều này nhất quán với cách ưu tiên được mô tả trong các cuộc phỏng vấn với các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị triển khai trong thực tiễn. Theo Chương trình, việc xác định ưu tiên được căn cứ vào dữ liệu khảo sát và rà phá, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, cũng như sự phù hợp với các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh của quốc gia.[xi] Tuy nhiên, Chương trình chưa quy định cụ thể các tiêu chí chi tiết ngoài các yếu tố nêu trên, đồng thời chưa yêu cầu sử dụng dữ liệu phân tách theo giới tính, độ tuổi, tình trạng khuyết tật, dân tộc hoặc mức thu nhập.

Mặc dù Chương trình có đề cập đến cam kết chung bảo đảm quyền con người và bình đẳng giới,[xli] các yếu tố dễ bị tổn thương về giới, kinh tế- xã hội như tình trạng nghèo đói, di cư, tình trạng cựu chiến binh, cấu trúc hộ gia đình hoặc khuyết tật - chưa được xác định là các yếu tố ảnh hưởng đến ưu tiên rà phá hoặc giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn.[xlii] Kết quả tham vấn với các bên liên quan cũng cho thấy việc xác định ưu tiên hiện chủ yếu dựa trên mức độ ô nhiễm, lịch sử tai nạn, nhu cầu sử dụng đất và sự gắn kết với các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội đã được phê duyệt ở cấp tỉnh hoặc quốc gia, trong khi việc sử dụng các dữ liệu xã hội hoặc thông tin về mức độ dễ bị tổn thương còn hạn chế.[xliii]

Cả tổng quan tài liệu và kết quả từ các cuộc phỏng vấn cho thấy thẩm quyền xác định ưu tiên chủ yếu thuộc về các bộ, ngành trung ương và chính quyền cấp tỉnh, với cơ chế điều phối và giám sát thông qua hệ thống quản lý nhà nước.[xliv] Chương trình chưa quy định các cơ chế chính thức để bảo đảm sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xác định ưu tiên; phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, hộ nghèo, cựu chiến binh hoặc các nhóm dân cư phải di dời chưa được xác định là các chủ thể tham gia vào quá trình này; Ngoài nội dung chung về việc huy động "sự tham gia của toàn xã hội", [xlv] chưa có các quy định cụ thể về hình thức tham vấn hoặc cơ chế tham gia.

Các ý kiến phỏng vấn lưu ý rằng việc xác định ưu tiên cho khảo sát khu vực ô nhiễm bom mìn vật nổ chưa phải lúc nào cũng được nêu rõ. Việc lựa chọn khu vực triển khai trong các khu vực khẳng định ô nhiễm (CHA) còn thiếu tiêu chí cụ thể, và ma trận xác định ưu tiên hiện đang áp dụng được đánh giá là tương đối rộng, dẫn đến nhiều nhiệm vụ được xếp ở mức ưu tiên cao. Các đơn vị triển khai cho biết, sau khi khu vực được giao, thứ tự thực hiện khảo sát và rà phá thường chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thực tiễn và thời vụ, như kế hoạch công tác hàng năm, chu kỳ sản xuất nông nghiệp, cũng như điều kiện thời tiết như mùa mưa hoặc lũ, bên cạnh các yếu tố rủi ro khác. Một ý kiến cho rằng tính minh bạch và mức độ công bằng trong xác định ưu tiên có thể được nâng cao nếu bổ sung các tiêu chí ở cấp thôn, bản, trong đó xem xét cụ thể việc sử dụng đất của các nhóm dân cư dễ bị tổn thương.[xlvi]

Cộng đồng thường được huy động tham gia trong quá trình khảo sát và triển khai hoạt động GDPTTNBM, đặc biệt nhằm xác minh thông tin, hỗ trợ tiếp cận địa bàn và hỗ trợ triển khai hoạt động. Tuy nhiên, kết quả tham vấn cho thấy ý kiến và nhu cầu của cộng đồng – đặc biệt là phụ nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và các hộ nghèo – hiện vẫn chưa được sử dụng một cách có hệ thống để tác động đến việc xác định ưu tiên địa bàn hoặc trình tự triển khai các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn. Các đối tượng phỏng vấn giải thích rằng các khu vực ưu tiên GDPTTNBM thường được lựa chọn tại những địa bàn mà đơn vị đang triển khai hoạt động rà phá, nhằm kết hợp nhiều hoạt động trong cùng một cộng đồng để nâng cao hiệu quả. Các đơn vị thực hiện GDPTTNBM và lãnh đạo địa phương nhất quán xác định nông dân – cả phụ nữ và nam giới – và trẻ em, đặc biệt là trẻ em trai, là các nhóm có nguy cơ cao nhất do các đặc thù sinh hoạt, lao động và tính tò mò ưa khám phá của trẻ em.

Một cuộc khảo sát đầu vào được thực hiện vào năm 2023 trong khuôn khổ Dự án KVPVP tại các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi và Bình Định là một ví dụ điển hình về việc xác định nông dân và trẻ em là đối tượng ưu tiên trong hoạt động GDPTTNBM do đây là những nhóm chịu mức độ rủi ro cao hơn với bom mìn, vật nổ.[xlviii] Cuộc khảo sát cũng đã thực hiện với nạn nhân của bom mìn và người khuyết tật, đồng thời đảm bảo sự tham gia đáng kể của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi. Tuy nhiên, việc xác định nhóm ưu tiên chủ yếu dựa trên mức độ đối mặt và vị trí địa lý, thay vì dựa trên đánh giá có hệ thống về mức độ dễ bị tổn thương, do đó một số dạng tổn thương khác ít dễ nhận thấy hoặc xuất phát từ sự giao thoa của nhiều yếu tố bất lợi chưa được đánh giá một cách rõ ràng và chưa được sử dụng làm cơ sở để xác định ưu tiên triển khai hoạt động GDPTTNBM. Mặc dù một số đơn vị triển khai cho biết đã điều chỉnh thông điệp GDPTTNBM phù hợp phụ nữ, trẻ em hoặc cộng đồng dân tộc thiểu số, những điều chỉnh này thường diễn ra sau khi địa bàn ưu tiên đã được xác định, và chưa có bằng chứng cho thấy nhu cầu hoặc ý kiến của phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật hoặc hộ gia đình nghèo đã trực tiếp làm thay đổi nhiệm vụ rà phá hoặc phạm vi địa lý ưu tiên cho GDPTTNBM.[xlviiii]

Khuyến nghị - lập kế hoạch và điều phối

Sự đồng bộ chiến lược

Thực hiện các cam kết GDEI thông qua hướng dẫn thực hiện cụ thể

VNMAC nên chuyển hoá các cam kết mang tính định hướng về quyền con người và bình đẳng giới thành các tiêu chuẩn hoặc hướng dẫn ở cấp quốc gia, làm rõ yêu cầu lồng ghép GDEI trong công tác lập kế hoạch và triển khai các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, phù hợp với các Tiêu chuẩn Hành động bom mìn Quốc tế (IMAS) và các khuôn khổ luật pháp, chính sách quốc gia liên quan. (Dài hạn)

Điều phối và tính nhất quán thể chế

Củng cố và triển khai các cam kết GDEI trong các khuôn khổ luật pháp, chính sách, kế hoạch quốc gia về khắc phục hậu quả bom mìn

VNMAC cần xây dựng kế hoạch hành động để lồng ghép GDEI trong toàn bộ các chương trình khắc phục hậu quả bom mìn, trong đó xác định rõ các ưu tiên, phân công trách nhiệm và lộ trình thực hiện dự kiến để hướng dẫn triển khai thống nhất trên tất cả các hợp phần và hỗ trợ việc áp dụng đồng bộ tại các đơn vị thực hiện và địa phương. (Trung hạn)

Tăng cường các cơ chế điều phối hiện có nhằm nâng cao công tác quản trị và giám sát GDEI

VNMAC cần phát huy hiệu quả các cơ chế điều phối hiện có, bao gồm Ban Chỉ đạo Quốc gia 701, Nhóm công tác về khắc phục hậu quả bom mìn (MAWG) và Tiểu ban công tác về giới, đa dạng và hòa nhập (GDI Task Force), nhằm thúc đẩy nhận thức thống nhất về trách nhiệm quản trị liên quan đến GDEI, hỗ trợ việc hiểu và áp dụng nhất quán các cam kết chính sách, đồng thời tăng cường giám sát việc lồng ghép các mục tiêu hòa nhập trong quá trình lập kế hoạch, triển khai và giám sát hoạt động. VNMAC cũng cần phát huy mạnh mẽ hơn vai trò lãnh đạo và điều phối trong MAWG và Tiểu ban công tác về giới, đa dạng và hoà nhập. (Trung hạn)

Sử dụng các cơ chế điều phối để ghi nhận và chia sẻ thực hành tốt

VNMAC cần tận dụng các cơ chế điều phối quốc gia hiện có để ghi nhận và chia sẻ các bài học thực tiễn về triển khai GDEI; làm rõ các yêu cầu tối thiểu đối với thực hành hòa nhập; đồng thời tăng cường trách nhiệm giải trình thông qua học hỏi và trao đổi kinh nghiệm giữa các bên liên quan. (Trung hạn)

Xác định Ưu tiên và lập kế hoạch

Tăng cường xác định ưu tiên cho công tác rà phá và GDPTTNBM mang tính bao trùm, dựa trên bằng chứng

VNMAC cần khuyến khích các tỉnh thành, địa phương và đơn vị thực hiện bổ sung các yếu tố xã hội và mức độ dễ bị tổn thương – như giới, độ tuổi, tình trạng khuyết tật, dân tộc, mức độ phụ thuộc sinh kế và tình trạng nghèo đói – bên cạnh các tiêu chí kỹ thuật khi sắp xếp thứ tự ưu tiên cho hoạt động rà phá và triển khai GDPTTNBM, phù hợp với nguyên tắc đảm bảo các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn dựa trên nhu cầu và lấy con người làm trung tâm theo tiêu chuẩn IMAS. (Trung hạn)

Tăng cường xác định ưu tiên rà phá và GDPTTNBM thông qua tham vấn có sự tham gia

VNMAC cần quy định việc xác định và xác nhận các khu vực ưu tiên cho rà phá và GDPTTNBM phải được thực hiện thông qua các cuộc tham vấn có sự tham gia, bảo đảm sự đại diện thực chất của phụ nữ, người khuyết tật và cộng đồng dân tộc thiểu số, phù hợp với các quy định pháp luật quốc gia về bình đẳng và hòa nhập. (Trung hạn)

Dữ liệu và sự tham gia

Cải thiện việc sử dụng dữ liệu có phân tách và tham vấn ý kiến của cộng đồng trong việc xác định ưu tiên

VNMAC cần từng bước thúc đẩy việc sử dụng dữ liệu phân tách theo giới tính và độ tuổi, kết hợp với thông tin thu thập có hệ thống từ cộng đồng – đặc biệt là phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các hộ gia đình có thu nhập thấp – nhằm hỗ trợ việc ra quyết định xác định ưu tiên ở cấp tỉnh. Việc triển khai cần được quy định thông qua các tiêu chuẩn quốc gia và bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư. (Trung hạn)

Quy định

Hệ thống quy định đóng vai trò trung tâm trong việc định hướng cách thức lập kế hoạch, triển khai, giám sát và bảo đảm trách nhiệm giải trình đối với hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, đồng thời tạo khuôn khổ pháp lý để áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống thông tin, quy trình cấp phép/chứng nhận và cơ chế giám sát trong thực tiễn.

Quản lý thông tin

Các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn phụ thuộc vào hệ thống thông tin chính xác để phục vụ việc ra quyết định ở cả cấp chiến lược và tác nghiệp, nhằm giảm thiểu rủi ro cho các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh. Việc xác định những nhóm dân cư nào bị ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng như thế nào có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng các quyết định dựa trên bằng chứng, không chỉ góp phần giảm thiểu rủi ro mà còn tăng cường khả năng phục hồi của cộng đồng. Dữ liệu được phân tách đóng vai trò quan trọng trong việc làm rõ sự khác biệt về mức độ đối mặt với rủi ro, khả năng tiếp cận GDPTTNBM, việc sử dụng và kiểm soát diện tích đất đã được rà phá, mức độ thụ hưởng quyền lợi và khả năng tiếp cận dịch vụ của cả nạn nhân trực tiếp và gián tiếp.

Kết quả trao đổi với các cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến chiến tranh cho thấy hệ thống quản lý dữ liệu về vật liệu nổ (EO) phục vụ công tác khảo sát, rà phá, GDPTTNBM và hỗ trợ nạn nhân nhìn chung đã được thiết lập và vận hành tương đối tốt, với việc thu thập, báo cáo và tổng hợp dữ liệu định kỳ từ cấp tỉnh lên cấp trung ương theo các quy trình nghiệp vụ chuẩn. Dữ liệu phân tách theo giới tính và tình trạng khuyết tật đã được thu thập và chủ yếu được sử dụng cho mục đích lập kế hoạch tác nghiệp, báo cáo tiến độ và bảo đảm tuân thủ.[xlix] Tuy nhiên, hiện chưa rõ liệu các dữ liệu liên quan đến giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) có được phân tích một cách hệ thống nhằm đánh giá sự khác biệt về tác động hoặc các xu hướng bất bình đẳng theo giới, độ tuổi, dân tộc và tình trạng khuyết tật hay không, cũng như mức độ sử dụng các dữ liệu này trong việc xác định ưu tiên, lựa chọn địa bàn can thiệp hoặc phân bổ nguồn lực. Vấn đề cốt lõi vì vậy không chỉ nằm ở việc dữ liệu có được thu thập hay không, mà quan trọng hơn là liệu dữ liệu đó có được thường xuyên chuyển hóa thành thông tin phục vụ công tác quản lý và ra quyết định hay không. Điều này bao gồm việc sử dụng dữ liệu để xác định các nhóm chưa được tiếp cận đầy đủ, so sánh mức độ tham gia giữa các nhóm đối tượng, theo dõi tiến độ theo thời gian, đồng thời hỗ trợ công tác lập kế hoạch, xác định đối tượng ưu tiên và phân bổ nguồn lực.

Ở cấp địa phương, Trung tâm Hành động Bom mìn tỉnh Quảng Trị (QTMAC) duy trì hệ thống thông tin được cập nhật thường xuyên và công khai, một số đơn vị thực hiện cho biết đã sử dụng hệ thống này; tuy nhiên, chưa có bằng chứng rõ ràng về việc hệ thống được sử dụng để đánh giá hoặc công bố mức độ bảo đảm tính hòa nhập trong các hoạt động. Ở cấp quốc gia, hệ thống dữ liệu tập trung về hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn hiện chưa được công khai rộng rãi. Mặc dù VNMAC đang chuẩn bị chuyển đổi sang hệ thống IMSMA Core, nhưng chưa rõ hệ thống này có được công khai hay không và sẽ hỗ trợ như thế nào cho việc phân tích các nội dung liên quan đến đáp ứng giới và hòa nhập.

Các tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam (TCVN) được ban hành dưới dạng tiêu chuẩn kỹ thuật mang tính chất tự nguyện áp dụng nhưng trên thực tế có vai trò quan trọng trong hoạt động chuyên môn, do định hướng trực tiếp các quy trình triển khai hàng ngày của các đơn vị trong nước và quốc tế. Việt Nam gần đây đã ban hành 15 TCVN bao phủ toàn bộ chu trình hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, bao gồm khảo sát, rà phá, quản lý chất lượng, giám sát và đánh giá, quản lý thông tin, GDPTTNBM và hỗ trợ nạn nhân, đồng thời đang xây dựng thêm một tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.[ii] Tổng thể, các TCVN cơ bản phù hợp với Tiêu chuẩn khắc phục hậu quả bom mìn quốc tế IMAS và là căn cứ chính để nội luật hoá các thông lệ quốc tế phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Mức độ phù hợp giữa TCVN và các yêu cầu của IMAS về giới, đa dạng, bình đẳng và hoà nhập

Kết quả rà soát các TCVN được lựa chọn cho thấy mức độ phù hợp chưa đồng đều với các yêu cầu mang tính chuẩn tắc của IMAS liên quan đến bình đẳng giới và đa dạng và hoà nhập. Nhìn chung, các tiêu chuẩn thể hiện mức độ lồng ghép ở mức trung bình, với sự phù hợp cao hơn trong các lĩnh vực mang tính chương trình và mức độ lồng ghép còn hạn chế hơn trong các tiêu chuẩn kỹ thuật – vận hành. Trong một số tiêu chuẩn – đặc biệt là GDPTTNBM, HTNN và Quản lý rủi ro – các yếu tố về giới và đa dạng được lồng ghép khá đầy đủ và trong một số trường hợp phản ánh các yêu cầu mang tính bắt buộc ("shall" - *Phải làm*) của IMAS, bao gồm áp dụng nguyên tắc không phân biệt đối xử, sự tham gia bao trùm và việc thu thập, sử dụng dữ liệu phân tách theo giới tính và độ tuổi. Ví dụ, các tiêu chuẩn về GDPTTNBM và HTNN quy định rõ yêu cầu về thiết kế chương trình không phân biệt đối xử, tham vấn bao trùm và hệ thống chỉ số giám sát có phân tách dữ liệu, qua đó thể hiện mức độ phù hợp cao với các tiêu chuẩn của IMAS.

Ngược lại, các tiêu chuẩn liên quan đến triển khai thực địa như khảo sát phi kỹ thuật và điều tra sự cố bom mìn cho thấy mức độ lồng ghép giới và hòa nhập thấp hơn, chủ yếu giới hạn ở việc ghi nhận thông tin nhân khẩu học như giới tính và độ tuổi. Mặc dù các quy định này phần nào phù hợp với các khuyến nghị ("should" - *Nên làm*) của IMAS về thu thập dữ liệu phân tách, nhưng chưa phản ánh đầy đủ các yêu cầu mang tính bắt buộc ("shall" - *Phải làm*) liên quan đến tham vấn có sự tham gia và hoà nhập, xác định toàn diện các nguồn thông tin liên quan và phân tích có hệ thống các rủi ro, tác động khác biệt giữa các nhóm dân cư. Tương tự, các tiêu chuẩn về Quản lý thông tin và Quản lý chất lượng thể hiện mức độ phù hợp trung bình, khi đã lồng ghép nguyên tắc thu thập dữ liệu phân tách và sự tham gia của các bên liên quan, nhưng thường sử dụng ngôn ngữ mang tính khuyến nghị theo hướng "should" (Nên làm) thay vì quy định vận hành mang tính bắt buộc.

Nhìn chung, hệ thống TCVN thể hiện sự ghi nhận rõ ràng về mặt khái niệm đối với bình đẳng giới và đa dạng, đặc biệt trong các lĩnh vực chương trình gắn với cộng đồng. Tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng trống trong việc chuyển hóa các nguyên tắc này thành các yêu cầu vận hành mang tính bắt buộc ở mức "shall" (Phải làm) một cách nhất quán trong các tiêu chuẩn kỹ thuật. Do đó, việc tăng cường mức độ phù hợp với IMAS đòi hỏi mở rộng các quy định về giới và đa dạng trong các quy trình khảo sát, điều tra và vận hành; đồng thời bảo đảm việc tham vấn có sự tham gia và hoà nhập, thu thập dữ liệu phân tách và phân tích nhu cầu đa dạng được quy định mang tính hệ thống trong toàn bộ các tiêu chuẩn có liên quan. Xin vui lòng xem phần Phụ lục B để biết phân tích chi tiết về các Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam – TCVN).

Một số tổ chức hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, vật nổ cho biết rằng chính sách nội bộ và quy trình hoạt động chuẩn (SOP) của họ thường áp dụng các yêu cầu GDEI một cách cụ thể và hệ thống hơn so với các quy định hiện hành trong các tiêu chuẩn quốc gia.[li]

Kiểm định năng lực hoạt động của các tổ chức hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn

Kết quả phỏng vấn cho thấy Việt Nam không có hệ thống chứng nhận thống nhất cho các tổ chức hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn. Thay vào đó, việc chứng nhận hoạt động cho các tổ chức hành động bom mìn được thực hiện thông qua sự kết hợp giữa cấp phép hoạt động, phê duyệt kỹ thuật và giấy phép phối hợp triển khai ở cấp trung ương và cấp tỉnh. Trong khuôn khổ này, VNMAC chủ yếu thực hiện chức năng giám sát kỹ thuật và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và IMAS, trong khi cấp phép hoạt động của tổ chức và phê duyệt hành chính do Bộ Ngoại giao, Ủy ban Nhân dân Tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự cấp Tỉnh thực hiện.[lii]

Mặc dù các tiêu chuẩn TCVN mới được ban hành là bước tiến quan trọng trong việc tăng cường chức năng quản lý nhà nước và tiêu chuẩn hoá các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, các tiêu chuẩn này hiện chưa thiết lập các yêu cầu liên quan đến GDEI trong hoạt động cấp phép. Từ các cuộc phỏng vấn, không có bằng chứng cho thấy các tiêu chí GDEI được đánh giá một cách hệ thống trong quy trình cấp phép, gia hạn hoặc kiểm tra tuân thủ của nhà thầu.[liii] Trên thực tế, việc lồng ghép giới và hoà nhập chủ yếu phụ thuộc vào chính sách nội bộ của các tổ chức quốc tế hoặc yêu cầu của nhà tài trợ, dẫn đến mức độ triển khai không đồng đều giữa các tổ chức. Do đó, việc áp dụng luật pháp quốc gia về bình đẳng, không phân biệt đối xử và an toàn lao động trong quá trình chứng nhận và kiểm định hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vẫn còn không nhất quán. Để thúc đẩy tính nhất quán và trách nhiệm giải trình trong toàn ngành, việc đưa các yêu cầu kiểm định liên quan đến GDEI vào tiêu chuẩn quốc gia là cần thiết.

Giám sát các quy trình khắc phục hậu quả bom mìn

Công tác giám sát hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn là chức năng quan trọng và liên tục, không chỉ dừng lại ở khâu công nhận ban đầu hoặc kiểm tra sau khi hoàn thành rà phá, mà cần được thực hiện xuyên suốt toàn bộ quá trình nhằm bảo đảm việc áp dụng nhất quán các quy trình quản lý chất lượng. Giám sát hiệu quả đòi hỏi sự kiểm tra ở nhiều giai đoạn khác nhau trong chu trình hoạt động, nhằm xác nhận việc tuân thủ các tiêu chuẩn đã ban hành, kịp thời phát hiện sai lệch và triển khai các biện pháp khắc phục phù hợp. Các cơ chế giám sát chặt chẽ góp phần bảo đảm an toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường trách nhiệm giải trình, đồng thời củng cố niềm tin của cộng đồng và các bên liên quan.

Từ góc độ giới, đa dạng, bình đẳng và hoà nhập (GDEI), các cuộc phỏng vấn cho thấy các hệ thống giám sát hiện có – chủ yếu là các quy trình bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng – đã được thiết lập tương đối đầy đủ và tiếp tục tập trung mạnh vào việc tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật.[liv] Tuy nhiên, mức độ mà hoạt động giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với các đơn vị/tổ chức triển khai đánh giá một cách có hệ thống về sự tham gia bao trùm, việc sử dụng dữ liệu phân tách và khả năng tiếp cận công bằng các dịch vụ còn tương đối hạn chế. Điều này phần nào phản ánh mức độ lồng ghép các yếu tố GDEI hiện nay trong hệ thống Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN) về khắc phục hậu quả bom

mìn, vật nổ. Trong một số trường hợp các yếu tố giới và hòa nhập được theo dõi, giám sát điều này thể hiện rõ nhất trong GDPTTNBM và ở mức độ thấp hơn trong HTNN, trong khi các quy trình như khảo sát, rà phá và quản lý chất lượng nhìn chung vẫn mang tính trung tính về giới trong cách tiếp cận giám sát. Do đó, việc sử dụng thường xuyên dữ liệu phân tách, cơ chế phản hồi từ cộng đồng và phân tích theo hướng hoà nhập trong khuôn khổ giám sát vẫn là lĩnh vực cần tiếp tục được tăng cường, đặc biệt nhằm đánh giá liệu các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn có tiếp cận và mang lại lợi ích một cách nhất quán cho phụ nữ, nam giới, trẻ em, người khuyết tật và các nhóm dân tộc thiểu số trong các bối cảnh triển khai khác nhau hay không. Kế hoạch thực hiện đánh giá tác động sau rà phá do VNMAC và UNDP dự kiến triển khai trong khuôn khổ dự án KVPVP tạo ra cơ hội quan trọng để tăng cường việc sử dụng có hệ thống dữ liệu phân tách. Đồng thời, cũng có dư địa để tiếp tục lồng ghép sâu hơn cơ chế phản hồi của cộng đồng và người hưởng lợi vào các đợt nghiệm thu, kiểm tra định kỳ hàng quý cũng như trong hệ thống giám sát và đánh giá tổng thể.

Khuyến nghị - Quy định

Dữ liệu, hệ thống và giám sát

Tăng cường sử dụng dữ liệu phân tách phục vụ phân tích và ra quyết định

VNMAC cần tăng cường yêu cầu đối với việc phân tích và sử dụng có hệ thống dữ liệu phân tách theo giới tính, độ tuổi, tình trạng khuyết tật và dân tộc trong các hệ thống thông tin về khắc phục hậu quả bom mìn; chuyển từ mục đích thu thập phục vụ báo cáo và tuân thủ sang phục vụ xác định ưu tiên, lựa chọn đối tượng và phân bổ nguồn lực. Việc này cần phù hợp với quy định pháp luật quốc gia về bảo vệ dữ liệu. Nội dung này có thể được thúc đẩy thông qua tăng cường phối hợp với các tổ chức triển khai và cán bộ quản lý dữ liệu, đồng thời thực hiện rà soát định kỳ việc lồng ghép dữ liệu phân tách trong quá trình lập kế hoạch và báo cáo. (Trung hạn)

Sử dụng IMSMA Core để tăng cường phân tích và giám sát GDEI

Trong quá trình chuyển đổi sang hệ thống IMSMA Core, VNMAC cần phối hợp với các đơn vị quản trị hệ thống và các tổ chức triển khai nhằm bảo đảm nền tảng này hỗ trợ phân tích các nội dung liên quan đến giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) trong toàn bộ chu trình khắc phục hậu quả bom mìn, bao gồm khả năng phân tích mức độ tiếp cận và kết quả tác động đối với các nhóm đối tượng khác nhau. VNMAC cũng cần làm rõ cách thức sử dụng dữ liệu phân tách phục vụ công tác giám sát và báo cáo ở cấp quốc gia. (Trung hạn)

Xây dựng bộ chỉ số GDEI cốt lõi cấp quốc gia cho lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn

VNMAC cần xây dựng một bộ chỉ số GDEI thực tiễn ở cấp quốc gia nhằm tăng cường giám sát các kết quả hòa nhập trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn. Các chỉ số có thể bao gồm mức độ đa dạng trong tham gia và vị trí lãnh đạo của lực lượng lao động; khả năng tiếp cận công bằng đối với các dịch vụ; và bằng chứng cho thấy các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn đang tiếp cận được các nhóm bị ảnh hưởng và các nhóm còn ít được quan tâm. Các chỉ số này cần từng bước được lồng ghép vào hệ thống báo cáo và giám sát. (Trung hạn)

Tăng cường giám sát để đánh giá kết quả hoà nhập bên cạnh tuân thủ kỹ thuật

VNMAC cần từng bước bổ sung các yêu cầu trong công tác giám sát để các quy trình đảm bảo chất lượng, kiểm soát chất lượng và giám sát đánh giá không chỉ tập trung vào đánh giá tuân thủ kỹ thuật mà còn xem xét liệu các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn có tiếp cận và mang lại lợi ích một cách công bằng cho các nhóm dân cư khác nhau hay không. Nội dung này cần bao gồm việc rà soát định kỳ dữ liệu phân tách và bằng chứng về sự tham gia cộng đồng hoà nhập, đặc biệt trong các hoạt động khảo sát, rà phá, GDPTTNBM và trong hệ thống quy trình quản lý chất lượng của các tổ chức vận hành. (Trung hạn)

Tiêu chuẩn, hướng dẫn và tuân thủ

Sử dụng các tiêu chuẩn và hướng dẫn hiện có để cụ thể hóa các cam kết về bình đẳng

VNMAC cần tiếp tục sử dụng các tiêu chuẩn quốc gia TCVN, quy trình hoạt động chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật như các công cụ quan trọng để cụ thể hóa các nghĩa vụ của Việt Nam về bình đẳng giới, không phân biệt đối xử và hòa nhập, bảo đảm các chính sách và thực tiễn trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn tôn trọng quyền của mọi nhóm dân cư bị ảnh hưởng. Cần chú trọng các lĩnh vực liên quan đến quản trị như kiểm định năng lực hoạt động, quản lý chất lượng, giám sát và đánh giá. (Trung hạn)

Xây dựng hướng dẫn thực tiễn đối với các nội dung tiêu chuẩn cần được diễn giải rõ hơn

VNMAC cần xây dựng các hướng dẫn thực tiễn, tham chiếu từ Tiêu chuẩn hành động bom mìn quốc tế (IMAS) và pháp luật lao động quốc gia, đối với các vấn đề ưu tiên về GDEI như tuyển dụng hòa nhập, điều kiện làm việc an toàn, sự tham gia của cộng đồng và hỗ trợ nạn nhân. Các hướng dẫn này sẽ hỗ trợ các tổ chức triển khai hiểu và áp dụng thống nhất hơn trong thực tế. (Dài hạn)

Làm rõ các yêu cầu tối thiểu về GDEI trong quy trình kiểm định năng lực và tuân thủ

Trong vai trò giám sát kỹ thuật, VNMAC cần làm rõ các yêu cầu tối thiểu liên quan đến GDEI gắn với các tiêu chuẩn TCVN có liên quan – đặc biệt là các tiêu chuẩn về quản lý thông tin, quản lý chất lượng, GDPTTNBM và hỗ trợ nạn nhân – với trọng tâm là không phân biệt đối xử, bảo đảm sự tham gia hòa nhập và sử dụng dữ liệu phân tách. (Ngắn hạn)

Chuẩn bị cho việc sửa đổi tiêu chuẩn quốc gia trong tương lai nhằm tăng cường lồng ghép GDEI

VNMAC cần phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các tổ chức khắc phục hậu quả bom mìn để tổng hợp các bài học kinh nghiệm và thực tiễn tốt mới nổi về GDEI trong triển khai hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, làm cơ sở cho chu kỳ sửa đổi tiếp theo của các tiêu chuẩn TCVN. Công tác chuẩn bị này sẽ hỗ trợ việc lồng ghép GDEI một cách có hệ thống hơn vào các tiêu chuẩn quốc gia theo thời gian, phù hợp với pháp luật và các cam kết quốc gia. (Dài hạn)

Các khuyến nghị này bổ trợ cho các khuyến nghị trong phần *Lập kế hoạch và điều phối* và *Việc làm và nguồn nhân lực*, đặc biệt liên quan đến việc sử dụng dữ liệu phân tách và xác định các yêu cầu tối thiểu về GDEI trong toàn ngành.

Triển khai hoạt động trên hiện trường

Phần này đánh giá mức độ lồng ghép giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) trong các hoạt động GDPTTNBM, khảo sát và rà phá, cũng như HTNN. Kết quả cho thấy các yếu tố GDEI được lồng ghép ở mức độ khác nhau giữa các trụ cột hoạt động. Các nội dung về GDEI được thể hiện cụ thể hơn trong một số hoạt động GDPTTNBM, HTNN và quản lý thông tin; trong khi đó, các nội dung này vẫn chưa được lồng ghép một cách có hệ thống trong quy trình giao nhiệm vụ, bàn giao mặt bằng, quản lý chất lượng và cơ chế học hỏi, cải tiến. Điều này cho thấy đã có những tiến bộ nhất định, tuy nhiên mức độ triển khai còn chưa đồng đều trong toàn bộ chu trình khắc phục hậu quả bom mìn.

Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (GDPTTNBM)

Thực hiện giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn

Theo thông tin từ các cuộc phỏng vấn với các bên liên quan, hoạt động GDPTTNBM hiện đang được triển khai trên thực tế thông qua hai hình thức chính. Thứ nhất, GDPTTNBM được triển khai cho trẻ em thông qua hệ thống trường học và do giáo viên trực tiếp giảng dạy. Nội dung này được lồng ghép vào chương trình giáo dục chính khóa trong một số môn học như địa lý, lịch sử, đồng thời được tổ chức dưới hình thức ngoại khóa, thông qua các hoạt động như chương trình Đội Thiếu niên Tiền phong và Đoàn thanh niên. Học sinh được tiếp cận các thông điệp về phòng tránh tai nạn bom mìn từ bậc tiểu học (khoảng 6 tuổi) đến hết bậc trung học phổ thông. Nội dung GDPTTNBM được truyền đạt trong các buổi sinh hoạt đầu giờ cũng như trong các tiết học trên lớp. Các đơn vị triển khai GDPTTNBM cho biết hiện chưa có cách tiếp cận riêng biệt nhằm tiếp cận khác nhau giữa học sinh nam và nữ, đồng thời cũng chưa có phương pháp cụ thể dành cho học sinh khuyết tật.

Mặc dù chương trình giảng dạy được thực hiện bằng tiếng Việt, nhiều giáo viên là người dân tộc thiểu số và có khả năng sử dụng ngôn ngữ địa phương. Tuy nhiên, giáo viên cho biết khối lượng chương trình giảng dạy hiện nay khá nặng, gây khó khăn trong việc bố trí thời gian để truyền tải đầy đủ nội dung GDPTTNBM. Bên cạnh đó, việc thiếu các tài liệu hỗ trợ, đặc biệt là tài liệu trực quan, hình ảnh minh họa, làm hạn chế khả năng tổ chức các buổi học theo hướng sinh động và tương tác. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, một số ý kiến đề xuất tăng cường mời hoặc phối hợp với các cán bộ kỹ thuật, lực lượng rà phá bom mìn để chia sẻ kinh nghiệm thực tế và các tình huống thực tế với học sinh. Các hoạt động ngoại khóa về GDPTTNBM được ghi nhận bao gồm tổ chức các cuộc thi vẽ tranh, thi tìm hiểu kiến thức theo hình thức đội nhóm. Theo phản ánh của một số người tham gia, các hoạt động này có thể góp phần khuyến khích học sinh trao đổi lại với cha mẹ và người thân trong gia đình về cách xử lý khi phát hiện vật nổ.

Thứ hai, GDPTTNBM được triển khai thông qua các buổi truyền thông chuyên đề tại cộng đồng. Các hoạt động này thường do lãnh đạo cấp xã hoặc cán bộ địa phương tổ chức (như tại huyện A Lưới), hoặc do các tổ chức quốc tế và lực lượng rà phá trực tiếp thực hiện (như tại tỉnh Quảng Trị). Hình thức triển khai bao gồm lồng ghép nội dung GDPTTNBM trong các cuộc họp thôn, bản; truyền thông qua hệ thống loa truyền thanh; hoặc kết hợp trong các sự kiện, sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương. Một số người hưởng lợi cho biết đã nhận được tờ rơi hướng dẫn về nguy cơ vật nổ, tuy nhiên việc sử dụng tài liệu in như tờ rơi vẫn chưa phổ biến. Nhiều tổ chức triển khai cho biết các buổi truyền thông được

thực hiện bằng ngôn ngữ địa phương thông qua cán bộ là người dân tộc thiểu số. Việc sử dụng ngôn ngữ bản địa được đánh giá là yếu tố quan trọng trong việc tạo dựng niềm tin với cộng đồng và nâng cao hiệu quả truyền thông.[lv]

Những nhóm hiện chưa được tiếp cận đầy đủ

Một số nhóm dân cư vẫn khó tiếp cận thông qua các phương pháp triển khai GDPTTNBM hiện nay. Các nhóm này bao gồm người cao tuổi (cả nam và nữ) – những người ít tham gia các cuộc họp thôn, bản hoặc sử dụng mạng xã hội; trẻ nhỏ, đặc biệt là trẻ dưới 6 tuổi; và trẻ em không đi học – nhóm đối tượng nằm ngoài phạm vi của các hoạt động GDPTTNBM triển khai thông qua trường học. Tại khu vực Tây Nguyên, tỷ lệ hoàn thành chương trình học giảm đáng kể sau bậc tiểu học, đặc biệt đối với trẻ em trai, trẻ em ở khu vực nông thôn và trẻ em thuộc các hộ nghèo.[lvi] Điều này cho thấy một bộ phận trẻ em – nhất là trẻ em trai thuộc các hộ nghèo ở nông thôn – có thể chưa được tiếp cận thường xuyên thông qua các kênh GDPTTNBM hiện có. Người trong độ tuổi lao động, đặc biệt là nam giới làm nông nghiệp, cũng thường vắng mặt tại các cuộc họp do bận rộn với sinh kế. Cộng đồng dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ, còn gặp thêm các rào cản liên quan đến ngôn ngữ, sự tự tin và các chuẩn mực xã hội.

Nguyên nhân của việc chưa tiếp cận đầy đủ các nhóm này có liên quan chặt chẽ đến các phương thức triển khai hiện hành. Hình thức GDPTTNBM thông qua trường học không tiếp cận được trẻ em không đi học hoặc bỏ học sớm, trong khi các cuộc họp thôn, bản thường chỉ thu hút một số lượng người tham gia hạn chế và có xu hướng mất cân bằng về giới. Nam giới trong độ tuổi lao động thường không tham gia do thời gian họp không phù hợp, còn phụ nữ dân tộc thiểu số có thể ít tham gia phát biểu trong các diễn đàn cộng đồng, ít trao đổi với cán bộ bên ngoài hoặc ít chủ động chia sẻ ý kiến. Các ý kiến phỏng vấn cũng cho thấy các chuẩn mực giới trong gia đình có thể làm hạn chế việc truyền đạt thông tin. Phụ nữ tham dự các cuộc họp có thể cảm thấy mình không có vị thế để hướng dẫn hoặc nhắc nhở thành viên nam trong gia đình, làm giảm hiệu quả của hình thức truyền thông gián tiếp tiếp cận nhóm nam giới.

Việc tổ chức các buổi GDPTTNBM cũng gặp nhiều khó khăn về điều kiện triển khai, như địa hình phức tạp, giao thông khó khăn tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, cũng như sự không phù hợp giữa giờ làm việc của đơn vị triển khai và thời gian sinh hoạt của người dân.[lvii] Để khắc phục, nhiều tổ chức đã đào tạo người dân hoặc cán bộ địa phương để truyền đạt thông tin GDPTTNBM trong các cuộc họp thôn, bản. Tuy nhiên, cách tiếp cận này dựa trên giả định rằng thông tin sẽ được đại diện hộ gia đình truyền đạt lại cho các thành viên khác trong gia đình. Trên thực tế, từ các phỏng vấn cho thấy người tham gia họp chủ yếu là phụ nữ, trong khi nam giới ít tham gia do hạn chế về thời gian hoặc thiếu quan tâm, dẫn đến khoảng trống trong phạm vi tiếp cận.

Người dân và các nhóm hưởng lợi đã đề xuất một số giải pháp nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận GDPTTNBM đến các nhóm có nguy cơ cao.[lviii] Các đề xuất bao gồm tăng cường sử dụng nền tảng Zalo (Nền tảng mạng xã hội) để truyền tải thông tin GDPTTNBM, đặc biệt thông qua các nhóm do chính quyền cấp xã quản lý – nơi có tỷ lệ người trưởng thành tham gia cao, mặc dù mức độ tiếp cận mạng xã hội vẫn khác nhau giữa các địa bàn. Các đề xuất khác bao gồm sử dụng hệ thống loa truyền thanh cấp xã, lồng ghép nội dung GDPTTNBM trong quá trình khảo sát và rà phá khi các đội kỹ thuật làm việc tại địa phương, cũng như

tổ chức các buổi thực hành mô phỏng cách xử lý khi phát hiện vật nổ, tương tự như diễn tập phòng cháy, chữa cháy. Một số ý kiến cộng đồng cũng cho biết hiện chưa có biển cảnh báo tại các khu vực nghi ngờ ô nhiễm, làm hạn chế hiệu quả của các hình thức truyền thông trực quan, thụ động.

Mặc dù Dự thảo Chiến lược GDPTTNBM định hướng mở rộng các kênh truyền thông và tăng cường lồng ghép với hoạt động rà phá, cách tiếp cận hiện vẫn chủ yếu tập trung vào đa dạng hóa kênh truyền thông, chưa làm rõ việc điều chỉnh phương thức triển khai để tiếp cận hiệu quả các nhóm còn hạn chế tiếp cận. Nếu không có hướng dẫn cụ thể về triển khai, tiêu chí xác định đối tượng ưu tiên và hệ thống chỉ số theo dõi đối với các nhóm này, nguy cơ duy trì các khoảng trống trong phạm vi bao phủ GDPTTNBM sẽ tiếp tục tồn tại, trừ khi việc triển khai được thực hiện theo phương pháp tiếp cận có mục tiêu và phù hợp với từng bối cảnh cụ thể.

Các mô hình GDPTTNBM truyền thống so với cách tiếp cận thay đổi hành vi và xã hội

Hoạt động triển khai GDPTTNBM tại Việt Nam chủ yếu theo phương thức truyền thông một chiều, trong đó thông tin được truyền đạt từ tổ chức đến cộng đồng, thay vì áp dụng các cách tiếp cận thay đổi hành vi và xã hội theo hướng tương tác và duy trì lâu dài. Ngoại trừ một số hoạt động dành cho trẻ em có yếu tố tương tác, phần lớn các can thiệp GDPTTNBM tập trung vào nâng cao nhận thức, hơn là thúc đẩy cộng đồng cùng tham gia thảo luận, phân tích và tìm giải pháp đối với các nguy cơ liên quan đến vật nổ. Hành vi được kỳ vọng thay đổi hiện chủ yếu được xác định ở mức cơ bản, bao gồm *không chạm vào vật liệu nổ và thông báo cho cơ quan chức năng khi phát hiện.* Các thông điệp hỗ trợ các quyết định giảm thiểu rủi ro ở phạm vi rộng hơn như tránh canh tác tại các khu vực đã xác định hoặc nghi ngờ còn ô nhiễm chưa được đề cập một cách đầy đủ và có hệ thống.

Do đó, thực tiễn GDPTTNBM hiện nay phù hợp hơn với mô hình giáo dục phòng tránh rủi ro truyền thống, thay vì cách tiếp cận truyền thông thay đổi hành vi và xã hội toàn diện, vốn hướng tới giải quyết các nguyên nhân sâu xa dẫn đến hành vi không an toàn. Trong bối cảnh hiện nay, đây chưa phải là một hạn chế mang tính cấp bách, do tỷ lệ tai nạn liên quan đến vật nổ ở mức thấp, cho thấy các phương pháp hiện hành đã góp phần hiệu quả trong việc giảm thiểu rủi ro trực tiếp. Tuy nhiên, trong giai đoạn quản lý ô nhiễm tồn lưu và khi xây dựng các tài liệu, phương pháp GDPTTNBM mới, việc áp dụng cách tiếp cận thay đổi hành vi và xã hội là cần thiết. Theo đó, bên cạnh việc duy trì các hoạt động GDPTTNBM một chiều ở quy mô phù hợp, cần bổ sung các can thiệp thay đổi hành vi có trọng tâm tại các khu vực nguy cơ cao và trong các thời điểm rủi ro gia tăng, chẳng hạn sau các đợt lũ lụt.

Đào tạo đội ngũ thực hiện GDPTTNBM

Các đơn vị triển khai GDPTTNBM, bao gồm giáo viên, cho biết đã được tập huấn và được hướng dẫn về tầm quan trọng của việc xây dựng thông điệp phù hợp với các nhóm đối tượng có nguy cơ cao. Kết quả rà soát một số kế hoạch đào tạo GDPTTNBM cho một số nội dung sau. Nhìn chung, các kế hoạch đào tạo có nền tảng kỹ thuật tốt về kiến thức rủi ro, nội dung thông điệp và các kỹ năng truyền thông cơ bản, đồng thời đã đề cập đến các khái niệm quan trọng như nhóm dễ bị tổn thương và yêu cầu xây dựng thông điệp rõ ràng, đơn giản, dễ thực hiện, với các nội dung trọng tâm như “không chạm vào”, “tránh xa” và

"báo cho cơ quan chức năng", được lặp lại nhằm củng cố hành vi an toàn. Tuy nhiên, nội dung đào tạo hiện vẫn chưa cụ thể hóa đầy đủ việc triển khai GDPTTNBM theo hướng có mục tiêu, dựa trên dữ liệu và bảo đảm tính hòa nhập. Việc tăng cường nội dung đào tạo trong thời gian tới, theo hướng gắn kết chặt chẽ hơn giữa dữ liệu rủi ro, các rào cản trong tiếp cận, yếu tố giới và chuẩn mực xã hội, cũng như việc lựa chọn kênh truyền thông phù hợp, sẽ góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ thực hiện GDPTTNBM trong việc tiếp cận hiệu quả các nhóm có nguy cơ cao nhưng hiện còn hạn chế tiếp cận.

Thu thập dữ liệu, đánh giá và sử dụng dữ liệu để điều chỉnh chương trình

Một số giáo viên cho biết có thực hiện thống kê số lượng học sinh tham gia các hoạt động GDPTTNBM ngoại khóa theo khối lớp, tuy nhiên chưa phân tách theo giới tính và các thông tin này cũng chưa được tổng hợp và chia sẻ một cách hệ thống với cơ quan quản lý cấp tỉnh. Ở phạm vi rộng hơn, tại Thành phố Huế hiện chưa có hệ thống thông tin tập trung hoặc cơ chế điều phối thống nhất để tổng hợp và phân tích dữ liệu GDPTTNBM giữa các đơn vị triển khai. Mặc dù các tổ chức thực hiện có thu thập một số thông tin cơ bản về cơ cấu đối tượng tham gia – chẳng hạn như tỷ lệ phụ nữ và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai được tiếp cận – những dữ liệu này chủ yếu được sử dụng cho mục đích báo cáo và kiểm tra mức độ bao phủ chung. Theo hướng dẫn của Tiêu chuẩn Hành động Bom mìn Quốc tế (IMAS), việc tăng cường ghi nhận, chuẩn hóa và tích hợp dữ liệu GDPTTNBM vào một hệ thống dùng chung sẽ tạo điều kiện cho việc phân tích nhất quán hơn, so sánh giữa các địa bàn và điều chỉnh hoạt động GDPTTNBM dựa trên bằng chứng.

Tại Quảng Trị, Trung tâm Hành động Bom mìn tỉnh Quảng Trị (QTMAC) thực hiện vai trò điều phối thông qua việc thu thập và cập nhật thông tin hằng ngày về các hoạt động GDPTTNBM đã thực hiện, đồng thời tổng hợp số liệu hằng năm về số lượng người được tiếp cận GDPTTNBM từ cả các tổ chức quốc tế và cơ quan nhà nước. Dữ liệu người tham gia được phân tách theo độ tuổi và giới tính, tạo nền tảng vững chắc cho lập kế hoạch dựa trên bằng chứng và tăng cường trách nhiệm giải trình.[lxi] Tuy nhiên, các yếu tố như dân tộc và các dấu hiệu về mức độ dễ bị tổn thương khác vẫn chưa được thu thập. Trong bối cảnh hoạt động thu thập dữ liệu đang từng bước được cải thiện, và theo lộ trình trong thời gian tới để phù hợp với thực hành tốt mà IMAS đưa ra sẽ thực hiện tích hợp đầy đủ và phân tích có hệ thống các dữ liệu hiện có thông qua một cơ chế điều phối thống nhất, đồng thời áp dụng cách tiếp cận phân tích đa chiều nhằm nhận diện chính xác hơn các nhóm có nguy cơ cao. Các khóa đào tạo GDPTTNBM sắp tới là cơ hội để tăng cường năng lực cho các tổ chức triển khai trong việc sử dụng hiệu quả dữ liệu phân tách nhằm thiết kế các hoạt động GDPTTNBM có trọng tâm và phù hợp hơn với nhu cầu thực tế.

Khuyến nghị- GDPTTNBM

Chiến lược và sự đồng bộ

VNMAC cần tăng cường cụ thể hóa việc lồng ghép giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) trong hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (GDPTTNBM) thông qua việc tích hợp rõ ràng các nội dung GDEI vào Dự thảo *Chiến lược quốc gia về Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ*, đồng thời bảo đảm các mục tiêu hòa nhập, trách nhiệm thực hiện và chỉ số giám sát được xác định rõ ràng và theo dõi trong quá trình triển khai. Các nội dung này cần được bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật của Việt

Nam về bình đẳng và không phân biệt đối xử, cũng như các chính sách liên quan đến phát triển vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt về sự tham gia, khả năng tiếp cận và cơ chế trách nhiệm giải trình. (Ngắn hạn)

Phạm vi tiếp cận và xác định đối tượng đích

Các hoạt động GDPTTNBM không nên dựa vào giả định rằng thông tin sẽ được truyền đạt trong nội bộ hộ gia đình, do các yếu tố về vai trò và quan hệ trong gia đình có thể hạn chế việc chuyển tải thông tin, đặc biệt đối với nam giới trưởng thành. VNMAC và các đơn vị triển khai cần xây dựng các cách tiếp cận có mục tiêu nhằm xác định, ưu tiên và tiếp cận các nhóm còn hạn chế tiếp cận, bao gồm: trẻ em không đi học, nam giới không tham gia các hoạt động cộng đồng, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo, người cao tuổi và phụ nữ dân tộc thiểu số. Các hình thức truyền thông và thời gian tổ chức cần được thiết kế phù hợp với đặc điểm và điều kiện của từng nhóm đối tượng. (Trung hạn)

Các hoạt động GDPTTNBM cần được lồng ghép với các sự kiện quan trọng tại trường học và cộng đồng như lễ hội truyền thống, các cuộc họp định kỳ của các tổ chức quần chúng và đoàn thể, bao gồm Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Người cao tuổi và Hội Người khuyết tật. Tích hợp GDPTTNBM vào các hoạt động và diễn đàn sẵn có sẽ góp phần tăng cường mức độ tham gia, tính phù hợp và phạm vi tiếp cận. (Trung hạn)

Phương pháp và thông điệp

Thông điệp truyền thông GDPTTNBM cần được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh rủi ro thay đổi, bao gồm việc chuyển dần sang giai đoạn quản lý ô nhiễm tồn lưu và nguy cơ gia tăng vật nổ sau thiên tai, đặc biệt là lũ lụt và các thảm họa thiên nhiên khác. Thông tin cần được phổ biến một cách có hệ thống tại các khu vực mới bị ảnh hưởng hoặc các khu vực đã được rà phá trước đây. Phương thức triển khai cần từng bước chuyển sang ưu tiên các cách tiếp cận có sự tham gia, khuyến khích đối thoại, trao đổi và cùng tìm giải pháp, thay vì chỉ truyền đạt thông tin một chiều. Cách tiếp cận này đặc biệt cần thiết tại các khu vực có nguy cơ cao và trong giai đoạn sau thiên tai, lũ lụt. Bên cạnh đó, cần xây dựng một bộ tài liệu truyền thông và tập huấn chuẩn hóa cấp quốc gia về giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (GDPTTNBM) và áp dụng thống nhất giữa các tổ chức triển khai nhằm bảo đảm tính thống nhất trong thông điệp truyền thông, chất lượng tài liệu và sự phù hợp với các tiêu chuẩn quốc gia. (Trung hạn)

Thu thập, phân tích và sử dụng dữ liệu

Trong quá trình triển khai hệ thống IMSMA Core, VNMAC cần bảo đảm dữ liệu GDPTTNBM được ghi nhận, tổng hợp và phân tích một cách nhất quán giữa các đơn vị triển khai, phù hợp với hướng dẫn của IMAS. Trên cơ sở dữ liệu đã được phân tách theo độ tuổi và giới tính, việc thu thập thông tin cần từng bước bổ sung các yếu tố về mức độ dễ bị tổn thương khi điều kiện cho phép, đồng thời áp dụng cách tiếp cận phân tích đa chiều và cách tiếp cận liên tầng nhằm phục vụ việc xác định ưu tiên và điều chỉnh chương trình. Bên cạnh đó, cần xây dựng bộ công cụ và quy trình chuẩn hóa cấp quốc gia về thu thập dữ liệu, phân tích và quản lý thông tin trong hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (GDPTTNBM), đồng thời áp dụng thống nhất đối với tất cả các bên liên quan trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn nhằm bảo đảm tính thống nhất, khả năng so sánh dữ liệu và nâng cao chất lượng ra quyết định dựa trên bằng chứng. (Trung hạn)

Đào tạo đội ngũ thực hiện GDPTTNBM

Đào tạo GDPTTNBM cần tăng cường nội dung về sử dụng dữ liệu phân tách trong việc thiết kế, điều chỉnh và đánh giá các hoạt động có mục tiêu, giúp cán bộ triển khai chuyển hóa thông tin và bằng chứng thành các quyết định cụ thể về lựa chọn đối tượng, nội dung truyền thông và xác định ưu tiên. Bộ tài liệu đào tạo GDPTTNBM cần được cập nhật theo hướng liên kết rõ ràng giữa dữ liệu rủi ro, các rào cản trong tiếp cận, yếu tố giới và chuẩn mực xã hội, cũng như việc lựa chọn kênh truyền thông phù hợp, nhằm nâng cao năng lực tiếp cận các nhóm có nguy cơ cao nhưng hiện còn hạn chế tiếp cận. (Trung hạn).

Đội ngũ GDPTTNBM và sự tham gia của cộng đồng

VNMAC và các tổ chức vận hành cần tiếp tục bố trí các đội ngũ giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (GDPTTNBM) đa dạng – bao gồm phụ nữ và cán bộ là người dân tộc thiểu số – nhằm phản ánh tốt hơn đặc điểm của các cộng đồng bị ảnh hưởng, qua đó tăng cường sự tin cậy, hiệu quả truyền thông và sự tham gia hai chiều có ý nghĩa với cộng đồng. Công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cần bao gồm các biện pháp cụ thể nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ và người dân tộc thiểu số, đồng thời có các cơ chế khuyến khích và duy trì phù hợp đối với đội ngũ GDPTTNBM dựa vào cộng đồng, đặc biệt là nữ cán bộ và hướng dẫn viên, nhằm bảo đảm duy trì hoạt động tiếp cận và gắn kết cộng đồng trong dài hạn. (Ngắn hạn)

Các khuyến nghị trên cần được xem xét đồng thời với các khuyến nghị trong các phần về *Quy định và Quản lý thông tin*, do các nội dung liên quan đến hệ thống dữ liệu, cơ chế giám sát và tiêu chuẩn kỹ thuật có tác động trực tiếp đến hiệu quả và mức độ hòa nhập của hoạt động GDPTTNBM.

Khảo sát và rà phá

Giao nhiệm vụ khảo sát và rà phá

Theo thông tin từ các cuộc phỏng vấn, các yếu tố về giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) hiện chưa được xem xét trong quá trình giao nhiệm vụ khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh. Mặc dù một số tổ chức triển khai cho biết đã ban hành chính sách nội bộ nhằm thúc đẩy cách tiếp cận bảo đảm tính hòa nhập, ở cấp quốc gia hiện chưa có các yêu cầu tác nghiệp cụ thể về sự tham gia bao trùm của cộng đồng. Đồng thời, cũng chưa có cơ chế chuẩn hóa để kiểm tra, xác nhận việc lồng ghép GDEI được phản ánh trong quyết định giao nhiệm vụ hoặc kế hoạch triển khai.

Khảo sát ô nhiễm bom mìn, vật liệu nổ

Các ý kiến phỏng vấn cho biết trong quá trình phỏng vấn người dân phục vụ khảo sát ô nhiễm vật nổ, các thông tin cá nhân được thu thập bao gồm giới tính, độ tuổi, thành phần dân tộc và tình trạng sở hữu hoặc đồng sở hữu đất.[lxii] Kết quả rà soát TCVN mới về khảo sát ô nhiễm vật nổ cho thấy tiêu chuẩn đã bước đầu lồng ghép một số nội dung liên quan đến GDEI, chủ yếu thông qua quy định về thu thập thông tin. Tiêu chuẩn yêu cầu phỏng vấn cả nam và nữ có hiểu biết về địa bàn, đồng thời biểu mẫu khảo sát có ghi nhận giới tính, độ tuổi và dân tộc, cho phép tổng hợp dữ liệu phân tách. Đây là cơ sở ban đầu để

nhận diện sự khác biệt về mức độ phơi nhiễm rủi ro vật nổ giữa các nhóm dân cư. Tuy nhiên, tiêu chuẩn hiện chưa xác định các mục tiêu rộng hơn về GDEI, cũng như chưa có hướng dẫn về việc bảo đảm sự tham gia bao trùm ngoài phạm vi thu thập dữ liệu, chẳng hạn như trong quá trình ra quyết định, xác nhận kết quả khảo sát hoặc xác định ưu tiên. Do đó, mặc dù hoạt động khảo sát đã hỗ trợ thu thập một số thông tin liên quan đến đặc điểm đa dạng của cộng đồng, nhưng cách tiếp cận hiện vẫn chưa phản ánh đầy đủ phương pháp tiếp cận hòa nhập và dựa trên quyền theo thông lệ quốc tế. [lxiii]

Nhân sự khảo sát và rà phá

Các nghiên cứu quốc tế về thực hành tốt cho thấy việc bố trí các đội khảo sát và rà phá có sự tham gia của cả nam và nữ lại hiệu quả và chất lượng cao hơn.[lxiv] Trong các cuộc thảo luận nhóm với các thành viên của đội ngũ khảo sát và rà phá họ chia sẻ rằng không có quy định chính thức nào cấm tuyển dụng phụ nữ, các chuẩn mực xã hội và nhận thức truyền thống về vai trò giới có thể là nguyên nhân chính khiến lực lượng do cơ quan nhà nước quản lý ít tuyển dụng phụ nữ.[lxv] Trong khi đó, các tổ chức quốc tế đã tuyển dụng và đào tạo phụ nữ tham gia các đội rà phá trong nhiều năm qua, đồng thời từng bước nâng cao tỷ lệ phụ nữ ở tất cả các cấp, bao gồm cả các vị trí quản lý và chỉ huy.[lxvi] Tuy nhiên, số lượng phụ nữ trong các đội khảo sát và rà phá do lực lượng quân đội thực hiện vẫn còn rất thấp. Một khóa huấn luyện gần đây chỉ có một phụ nữ trong số 430 học viên tham gia khóa đào tạo trước khi triển khai nhiệm vụ khảo sát và rà phá.[lxvii]

Vấn đề này được thảo luận chi tiết hơn trong phần về Việc làm và nguồn nhân lực.

Bộ Quốc phòng có cơ hội đáng kể để giải quyết khoảng cách giới trong lực lượng lao động, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với Luật Bình đẳng giới và các chiến lược quốc gia về bình đẳng giới của Việt Nam. Các bên tham gia phỏng vấn cho biết dự thảo Chương trình đặt mục tiêu tăng số lượng đội rà phá từ 480 lên 600 đội vào năm 2030 để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ rà phá.[lxviii] Việc mở rộng lực lượng này là cơ hội tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động khảo sát và rà phá, qua đó góp phần thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Bàn giao đất sau rà phá

Sau khi hoàn thành rà phá, cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị thực hiện tiến hành kiểm tra nhằm xác nhận khu vực đã được làm sạch, bảo đảm an toàn và có thể đưa vào sử dụng. Hoạt động này góp phần củng cố niềm tin của cộng đồng đối với quá trình giải phóng đất. Tuy nhiên, theo thông tin từ các cuộc phỏng vấn, quy trình bàn giao hiện chưa có cơ chế thu thập ý kiến phản hồi một cách có hệ thống từ cộng đồng để đánh giá mức độ hiểu biết hoặc sự đồng thuận đối với kết quả rà phá.[lxix][lxx] Việc thiếu cơ chế này có thể tạo ra khoảng trống, trong khi sự tham gia xác nhận của cộng đồng có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của quá trình bàn giao.

Các ý kiến từ các cuộc phỏng vấn cũng cho biết quy trình hiện bao gồm tổ chức lễ bàn giao chính thức, trong đó đội rà phá làm việc với chính quyền địa phương để xác nhận diện tích đã hoàn thành. Một đại diện hộ gia đình được mời tham dự và ký xác nhận vào văn bản do chính quyền địa phương lập, trong đó nêu rõ diện tích và thời điểm hoàn thành rà phá.

Trên thực tế, đại diện này thường là nam giới (chủ hộ), phản ánh các chuẩn mực giới phổ biến.[lxxi] Thực hành này có thể hạn chế quyền tiếp cận trực tiếp của phụ nữ đối với thông tin và sự tham gia của họ vào quá trình ra quyết định liên quan đến việc sử dụng đất sau rà phá, mặc dù phụ nữ có vai trò quan trọng trong sản xuất và sinh kế của hộ gia đình. Do đó, quan điểm và mức độ hiểu biết của phụ nữ về rủi ro tồn lưu và nhu cầu sử dụng đất của phụ nữ có thể không được phản ánh đầy đủ trong quá trình bàn giao.

Khuyến nghị – Khảo sát và rà phá

Khảo sát và rà phá là những hợp phần cốt lõi của hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm các lợi ích kinh tế – xã hội được phân bổ một cách công bằng. Kết quả đánh giá cho thấy các khía cạnh giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) hiện vẫn chưa được lồng ghép một cách có hệ thống trong quá trình xác định ưu tiên, giao nhiệm vụ và giải phóng mặt bằng trong hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn. Việc tăng cường tính minh bạch, sự tham gia của cộng đồng và sử dụng dữ liệu xã hội cũng như thông tin về mức độ dễ bị tổn thương sẽ góp phần nâng cao tính công bằng, củng cố niềm tin và gia tăng hiệu quả phát triển, đồng thời không làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chuyên môn.

Các khuyến nghị sau đây tập trung vào hoàn thiện các yêu cầu, hướng dẫn và giám sát ở cấp hệ thống, phù hợp với vai trò điều phối và giám sát của VNMAC. Đồng thời, các khuyến nghị này cũng phản ánh các ưu tiên được các bên liên quan nêu ra nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hoạt động thực địa và lồng ghép các yêu cầu về GDEI trong quy trình giao nhiệm vụ.

Lực lượng khảo sát và rà phá

Tăng cường tuyển dụng và duy trì nguồn nhân lực đảm bảo hòa nhập trong các đội khảo sát và rà phá

Bộ Quốc phòng, với sự hỗ trợ của VNMAC, cần tăng cường tuyển dụng, duy trì và tạo cơ hội phát triển cho phụ nữ trong các đội khảo sát và rà phá thông qua các chỉ tiêu rõ ràng và có thể đo lường, phù hợp với các cam kết quốc gia về bình đẳng giới. Để hỗ trợ phụ nữ cũng như nhân sự thực địa là người dân tộc thiểu số, cần từng bước cải thiện các điều kiện hỗ trợ, bao gồm chế độ phúc lợi phù hợp (như chế độ thai sản và cơ chế làm việc linh hoạt khi khả thi), đào tạo kỹ thuật chuyên biệt và tiếp cận các trang thiết bị hỗ trợ an toàn, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực địa. (Ngắn hạn)

Tận dụng mở rộng lực lượng lao động để đa dạng hóa năng lực khảo sát và rà phá trong tương lai

Trong bối cảnh năng lực khảo sát và rà phá được mở rộng nhằm đáp ứng các mục tiêu quốc gia về rà phá, Bộ Quốc phòng và VNMAC cần tận dụng các cơ hội tuyển dụng và đào tạo mới để tăng cường sự tham gia của phụ nữ và người dân tộc thiểu số trong các vị trí tác nghiệp. Cần ưu tiên đào tạo kỹ thuật và nâng cao năng lực sẵn sàng thực địa nhằm bảo đảm việc mở rộng lực lượng lao động đồng thời góp phần tăng cường tính đại diện, sự gắn kết cộng đồng, chất lượng dữ liệu và hiệu quả hoạt động, đặc biệt tại các khu vực vùng sâu, vùng xa và có đa dạng dân tộc. (Trung hạn)

Giao nhiệm vụ và lập kế hoạch hoạt động mang tính hòa nhập

Lồng ghép các yêu cầu về GDEI trong hướng dẫn quốc gia về giao nhiệm vụ và tác nghiệp

VNMAC cần lồng ghép GDEI vào hướng dẫn giao nhiệm vụ ở cấp quốc gia thông qua việc thiết lập các yêu cầu tối thiểu về tham vấn cộng đồng có tính bao trùm, an toàn tại nơi làm việc và bảo đảm tiếp cận công bằng đối với các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn; đồng thời thúc đẩy áp dụng các cơ chế đơn giản nhằm kiểm chứng việc các nội dung này đã được phản ánh trong kế hoạch triển khai nhiệm vụ. Các yêu cầu này cần quy định rõ vai trò, trách nhiệm và chỉ số đánh giá kết quả thực hiện được xác định rõ ràng đối với các tổ chức triển khai, đồng thời có thể đi kèm các cơ chế khuyến khích phù hợp nhằm thúc đẩy việc áp dụng nhất quán các thực hành bao trùm trong hoạt động hiện trường. (Ngắn hạn)

Tăng cường sự tham gia của cộng đồng ở các giai đoạn phù hợp

VNMAC cần làm rõ yêu cầu về việc thu thập ý kiến cộng đồng một cách có hệ thống và phù hợp trong các giai đoạn khảo sát và lập kế hoạch, bảo đảm quan điểm của phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các nhóm bị ảnh hưởng khác được xem xét trong quá trình xác định ưu tiên khi điều kiện cho phép. (Trung hạn)

Tăng cường sử dụng dữ liệu khảo sát ô nhiễm vật nổ để thúc đẩy lập kế hoạch mang tính hoà nhập

VNMAC nên khuyến khích việc sử dụng có hệ thống thông tin về nhân khẩu học và kinh tế - xã hội thu thập được trong quá trình khảo sát ô nhiễm vật nổ - như giới tính, độ tuổi, dân tộc và mục đích sử dụng đất - để giúp xác định các trường hợp có thể bị loại trừ và cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên khi triển khai. (Ngắn hạn)

Bàn giao mặt bằng, sự tham gia của cộng đồng và trách nhiệm giải trình trong quy trình giải phóng mặt bằng theo hướng hòa nhập

Tăng cường sự tham gia tích cực và điều phối trong lập kế hoạch và giải phóng mặt bằng

VNMAC cần sử dụng các cơ chế điều phối hiện có ở cấp quốc gia và cấp tỉnh để tổng hợp bài học kinh nghiệm từ các thực tiễn khảo sát, rà phá và giải phóng mặt bằng mang tính hòa nhập, đồng thời củng cố nhận thức chung giữa các tổ chức triển khai. VNMAC cũng cần tăng cường hoặc thiết lập cơ chế điều phối hòa nhập với sự tham gia của cơ quan nhà nước, các tổ chức triển khai, đại diện cộng đồng và các tổ chức xã hội nhằm bảo đảm các góc nhìn đa dạng được phản ánh trong quá trình lập kế hoạch, ra quyết định và học hỏi kinh nghiệm. (Ngắn hạn)

Nâng cao niềm tin của cộng đồng và trách nhiệm giải trình trong quy trình bàn giao mặt bằng

VNMAC cần thúc đẩy áp dụng các cơ chế phản hồi cộng đồng phù hợp trong quy trình bàn giao mặt bằng nhằm đánh giá mức độ hiểu biết, sự tin tưởng và chấp nhận của cộng đồng đối với kết quả rà phá, qua đó củng cố niềm tin và trách nhiệm giải trình. (Trung hạn)

Thúc đẩy sự tham gia thực chất của phụ nữ và bảo đảm tính đại diện hòa nhập trong quy trình bàn giao mặt bằng

Hướng dẫn về giải phóng và bàn giao mặt bằng cần khuyến khích sự tham gia trực tiếp của cả phụ nữ và nam giới từ các hộ gia đình bị ảnh hưởng, ghi nhận vai trò của phụ nữ trong sử dụng đất, sinh kế và ra quyết định, đồng thời giảm nguy cơ thông tin quan trọng về rủi ro còn sót lại chỉ được tiếp cận gián tiếp. Quy trình bàn giao mặt bằng cũng cần huy động sự tham gia của nhiều tổ chức chính trị – xã hội và nhóm cộng đồng khác bên cạnh Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nhằm bảo đảm tính đại diện hòa nhập hơn trong quá trình xác nhận và ra quyết định. Song song với đó, Hội Liên hiệp Phụ nữ cần hỗ trợ triển khai các hoạt động truyền thông và trao đổi thường xuyên với phụ nữ về ý nghĩa của công tác giải phóng mặt bằng, quyền lợi và cơ hội của họ trong sử dụng đất sau rà phá, cũng như tầm quan trọng của sự tham gia thực chất của phụ nữ trong quy trình bàn giao mặt bằng. (Trung hạn)

Học hỏi và bằng chứng

Tăng cường cơ sở bằng chứng về phân bổ lợi ích

VNMAC cần hỗ trợ thực hiện phân tích có mục tiêu, có thể thông qua các chương trình hiện có như KVPVP, nhằm đánh giá rõ hơn các nhóm đối tượng được hưởng lợi từ việc giải phóng mặt bằng gắn với các dự án phát triển kinh tế – xã hội, trong đó xem xét các yếu tố về GDEI và sự phân bổ lợi ích giữa các nhóm dân cư khác nhau. Việc phân tích cần xem xét các yếu tố như giới, dân tộc, tình trạng khuyết tật và điều kiện kinh tế – xã hội nhằm hỗ trợ công tác xác định ưu tiên và lập kế hoạch theo hướng công bằng hơn. (Dài hạn)

Hỗ trợ nạn nhân bom mìn, vật nổ sau chiến tranh

Theo Báo cáo *Giám sát Bom mìn và Vật liệu Nổ năm 2022*, Việt Nam ghi nhận 105.086 trường hợp thương vong do bom mìn/vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh trong giai đoạn từ năm 2002 đến 2019, bao gồm 38.982 trường hợp tử vong và 66.102 trường hợp bị thương.[lxxii] Số lượng nạn nhân mới trong những năm gần đây đã giảm đáng kể, với khoảng 50 nạn nhân mỗi năm so với 400 nạn nhân mỗi năm được báo cáo vào năm 2010 [lxxiii]. Điều này phản ánh hiệu quả tổng hợp của các hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (GDPTTNBM), rà phá và các biện pháp phòng ngừa khác. Tuy nhiên, quy mô ô nhiễm tồn lưu trong quá khứ, các tác động vẫn tiếp tục kéo dài ngay cả sau khi đất đã được rà phá, do đó, việc bảo đảm hỗ trợ nạn nhân một cách lâu dài, toàn diện và bảo đảm tính hòa nhập vẫn là một hợp phần quan trọng của hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh.

Chiến lược và các quy định liên quan

Ở cấp độ chiến lược, hỗ trợ nạn nhân được đề cập trong Dự thảo *Chương trình Hành động Quốc gia về khắc phục hậu quả bom mìn sau Chiến tranh*, trong đó đặt ra mục tiêu "100% nạn nhân mìn được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ sinh kế và phát triển bền vững". Chương trình cũng đề cập, ở mức độ định hướng chung đến việc lồng ghép với đảm bảo quyền con người và bình đẳng giới, thể hiện cam kết tổng thể thúc đẩy hoà nhập.[lxxiv]

Tuy nhiên, cấu phần hỗ trợ nạn nhân trong Chương trình vẫn còn hạn chế về phạm vi và mức độ cụ thể. Nội dung chủ yếu tập trung vào xây dựng cơ sở dữ liệu, lập kế hoạch chương trình và bảo đảm tính bền vững, trong khi các dịch vụ phục hồi chức năng, chỉnh hình và đào tạo nghề chủ yếu được đề cập trong các phụ lục dự án thay vì được xác định là các nội dung cam kết chiến lược cốt lõi.[lxxv] Chương trình chưa quy định rõ các nguyên tắc hoặc yêu cầu thực hiện liên quan đến không phân biệt đối xử, bảo đảm khả năng tiếp cận và hỗ trợ thích ứng hợp lý, sự tham gia có ý nghĩa của nạn nhân, cũng như các biện pháp hỗ trợ có mục tiêu đối với các yếu tố dễ bị tổn thương liên quan đến giới, độ tuổi, tình trạng khuyết tật, dân tộc, vùng sâu vùng xa hoặc nghèo đói.

Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam về Hỗ trợ cho nạn nhân bom mìn, vật nổ mới được ban hành thể hiện mức độ phù hợp cao với các thông lệ quốc tế về hỗ trợ nạn nhân, bao gồm các nguyên tắc trong Tiêu chuẩn Hành động Bom mìn Quốc tế (IMAS). Tiêu chuẩn xác định rõ hỗ trợ nạn nhân là một trong những hợp phần cốt lõi của hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn và lồng ghép các nguyên tắc không phân biệt đối xử, bảo đảm tính hòa nhập và tiếp cận dựa trên quyền trong toàn bộ nội dung. Đối tượng thụ hưởng được xác định bao gồm cá nhân, gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi tai nạn do vật nổ. TCVN cũng yêu cầu phân tích nhu cầu theo các đặc điểm khác nhau như giới tính, độ tuổi, tình trạng khuyết tật, dân tộc, điều kiện kinh tế - xã hội và các yếu tố bối cảnh khác; đồng thời khuyến khích lồng ghép hoạt động hỗ trợ nạn nhân vào các hệ thống hỗ trợ quốc gia hiện có về người khuyết tật, bảo trợ xã hội, y tế, giáo dục và sinh kế, qua đó góp phần bảo đảm tính bền vững và hòa nhập.[lxxvi] Mặc dù các nguyên tắc về hoà nhập và đa dạng đã được áp dụng tương đối đầy đủ, tiêu chuẩn vẫn cần được hoàn thiện thêm theo hướng làm rõ hơn nội dung về bình đẳng giới, cách tiếp cận liên tầng (intersectionality) và sự tham gia thực chất của nạn nhân – đặc biệt là phụ nữ và người khuyết tật - trong quá trình ra quyết định và trong các vai trò lãnh đạo, nhằm phản ánh đầy đủ hơn các thực hành tốt đang được cập nhật theo IMAS và nâng cao hiệu quả thực hiện.

Triển khai thực hiện và điều phối

Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công tác hỗ trợ nạn nhân bom mìn, vật nổ hiện thuộc Bộ Y tế, sau khi nhiệm vụ này được chuyển giao từ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.[lxxvii] Do chưa thực hiện được các cuộc trao đổi, phỏng vấn với Bộ Y tế, nội dung đánh giá này chưa thể phân tích mức độ lồng ghép các yếu tố về giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) trong hệ thống dịch vụ hỗ trợ nạn nhân do Nhà nước cung cấp. Đây là một khoảng trống thông tin quan trọng cần được bổ sung trong các nghiên cứu tiếp theo.

Vì vậy, nội dung đánh giá việc triển khai hỗ trợ nạn nhân chủ yếu dựa trên thực tiễn hoạt động của các tổ chức quốc tế tham gia hỗ trợ, bổ sung cho hệ thống của Nhà nước, như Tổ chức Cây hòa bình Việt Nam, Tổ chức dịch vụ công giáo, Dự án KVPVP, cùng với vai trò điều phối, hỗ trợ của VNMAC.

Kết quả phỏng vấn cho thấy các sáng kiến hỗ trợ nạn nhân và hỗ trợ cộng đồng trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh thường không chỉ dừng lại ở hỗ trợ trực tiếp cho người bị nạn mà còn mở rộng triển khai các can thiệp dựa trên cộng đồng, đặc biệt ở các khu vực vùng sâu, vùng xa và các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Các tiếp cận này thể hiện sự quan tâm đến các yêu tố như khoảng cách địa lý, tình trạng

nghèo đói và nhu cầu của các nạn nhân gián tiếp, bao gồm gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi vật nổ. Hoạt động hỗ trợ thường kết hợp nhiều nội dung như kết nối dịch vụ y tế và xã hội, phục hồi chức năng, hỗ trợ giáo dục và sinh kế, và được được thực hiện dưa trên nguyên tắc tôn trọng nhân phẩm và nguyên tắc dựa trên quyền. Các yếu tố về khả năng tiếp cận phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ địa phương, đặc biệt tại các khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số, cũng được chú trọng.[lxxviii]

Tuy nhiên, mặc dù các sáng kiến này phản ánh sự hiểu biết sâu sắc về yếu tố dễ bị tổn thương và sự loại trừ, việc xác định đối tượng ưu tiên và điều chỉnh chương trình vẫn chưa được thực hiện một cách hệ thống dựa trên dữ liệu phân tách theo giới tính, độ tuổi và tình trạng khuyết tật. Bên cạnh đó, dữ liệu về hỗ trợ nạn nhân hiện chưa được tích hợp trong một hệ thống thông tin công khai, điều này làm hạn chế khả năng đánh giá mức độ tác động khác nhau đối với các nhóm nạn nhân và bảo đảm việc hỗ trợ đáp ứng phù hợp với nhu cầu đa dạng.

Dù vậy, một số tổ chức đã bắt đầu áp dụng các thực hành tốt trong lĩnh vực này. Một đơn vị cho biết đang sử dụng hệ thống quản lý thông tin cho phép theo dõi mức độ tiếp cận công bằng và kết quả hỗ trợ đối với phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai, đồng thời ưu tiên các nạn nhân có nhiều yếu tố dễ bị tổn thương cùng lúc, như phụ nữ và trẻ em gái, người dân tộc thiểu số, nạn nhân mới bị tai nạn và các hộ nghèo hoặc cận nghèo. Một ví dụ khác cho thấy việc mời người khuyết tật tham gia vào quá trình thiết kế các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, bao gồm nhà ở và phục hồi chức năng, nhằm bảo đảm tính tiếp cận đầy đủ và phù hợp.[lxxix]

Những chia sẻ từ các nạn nhân bom mìn được phỏng vấn cho thấy cả những kết quả tích cực cũng như những hạn chế của các hoạt động hỗ trợ hiện nay. Người bị tai nạn cho biết đã nhận được hỗ trợ tài chính từ Nhà nước để phát triển sinh kế, như hỗ trợ chăn nuôi hoặc vay vốn trồng rừng keo, đồng thời nhận được sự hỗ trợ bổ sung từ các tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, họ cũng cho rằng các biện pháp này chưa bảo đảm được sự ổn định kinh tế lâu dài. Các nạn nhân cũng nêu thêm một số nhu cầu khác, bao gồm vốn khởi nghiệp cho các hoạt động kinh doanh nhỏ, đào tạo nghề và hỗ trợ chuyên biệt cho trẻ em khuyết tật. Ngoài ra, họ cho biết còn gặp khó khăn trong việc tham gia các cuộc họp, tham vấn cộng đồng do hạn chế về khả năng di chuyển hoặc tiếp cận, trong khi các biện pháp hỗ trợ thích ứng nhằm tạo điều kiện cho sự tham gia đầy đủ của người khuyết tật vẫn còn hạn chế.[lxxx]

Khuyến nghị - hỗ trợ nạn nhân

Nhìn chung, công tác hỗ trợ nạn nhân tại Việt Nam đã bước đầu thể hiện tính hòa nhập và khả năng đáp ứng ở cấp dự án, đặc biệt tại những mô hình có lồng ghép hệ thống dữ liệu, đánh giá nhu cầu và tăng cường năng lực một cách có chủ đích, như mô hình KVPVP. Tuy nhiên, mức độ bảo đảm tính hòa nhập và việc ra quyết định dựa trên dữ liệu hiện vẫn chưa đồng đều, phụ thuộc vào từng đơn vị triển khai; đồng thời còn hạn chế thông tin về các dịch vụ do Nhà nước cung cấp, cơ chế điều phối và trách nhiệm giải trình. Việc tăng cường sự thống nhất giữa định hướng chiến lược, khuôn khổ pháp luật quy định và thực tiễn triển khai theo hướng hòa nhập trên toàn hệ thống là cần thiết để bảo đảm hoạt động hỗ trợ nạn nhân đáp ứng một cách có hệ thống nhu cầu đa dạng của các nhóm dân cư bị ảnh hưởng.

Khi *Chương trình Hành động Quốc gia về Khắc phục Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh* tiến tới giai đoạn tiếp theo – tập trung vào hoàn thiện khung pháp lý, hệ thống dữ liệu và các chương trình tích hợp – các khuyến nghị sau đây được đề xuất.

Hoàn thiện và tăng cường khuôn khổ pháp lý và chính sách về hỗ trợ nạn nhân phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế

Áp dụng tiếp cận dựa trên quyền và đảm bảo tính hoà nhập

Thông qua các tiêu chuẩn quốc gia và các chương trình nâng cao năng lực, cơ quan quản lý nhà nước cần lồng ghép rõ ràng cách tiếp cận "không để ai bị bỏ lại phía sau" trong chính sách và kế hoạch hỗ trợ nạn nhân. Cách tiếp cận này cần dựa trên các nguyên tắc không phân biệt đối xử, bảo đảm khả năng tiếp cận và điều chỉnh hợp lý, đồng thời chú trọng các rào cản liên quan đến giới, độ tuổi, tình trạng khuyết tật, dân tộc, địa bàn sinh sống và điều kiện kinh tế – xã hội. (Trung hạn)

Thúc đẩy sự tham gia thực chất của nạn nhân.

Khung chính sách hỗ trợ nạn nhân cần quy định rõ việc bảo đảm sự tham gia thực chất của nạn nhân và các tổ chức của người khuyết tật trong quá trình xây dựng, triển khai và giám sát các chính sách và chương trình hỗ trợ nạn nhân. (Trung hạn)

Tiêu chuẩn, Dữ liệu và Bảo đảm Chất lượng

Tăng cường việc thực hiện nhất quán các tiêu chuẩn quốc gia về hỗ trợ nạn nhân

VNMAC, phối hợp với Bộ Y tế, cần tập trung bảo đảm việc áp dụng thống nhất TCVN 10299-15 về hỗ trợ nạn nhân trên phạm vi toàn quốc và giữa các đơn vị cung cấp dịch vụ, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế IMAS 13.10, đặc biệt đối với các nội dung về không phân biệt đối xử, khả năng tiếp cận, sự tham gia của nạn nhân và lập kế hoạch dựa trên dữ liệu. (Trung hạn)

Thúc đẩy thu thập, chia sẻ và sử dụng dữ liệu có hệ thống nhằm tăng cường ra quyết định dựa trên bằng chứng trong hỗ trợ nạn nhân

Các cơ quan có trách nhiệm nên từng bước tăng cường việc thu thập và sử dụng dữ liệu phân tách theo giới tính, tuổi tác, khuyết tật và dân tộc nhằm hỗ trợ việc xác định đối tượng ưu tiên, phân bổ nguồn lực công bằng và đánh giá kết quả hỗ trợ nạn nhân. Cần đặc biệt chú trọng tăng cường hệ thống dữ liệu ở cấp tỉnh, do hiện nay nhiều địa phương vẫn chưa có đầy đủ thông tin cập nhật về nạn nhân. Việc cải thiện công tác thu thập, chia sẻ và tổng hợp dữ liệu giữa các chương trình sẽ góp phần nâng cao chất lượng ra quyết định dựa trên bằng chứng và tăng hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ đúng đối tượng. (Ngắn hạn)

Hỗ trợ có chất lượng và bền vững

Cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường cơ chế bảo đảm chất lượng và theo dõi sau hỗ trợ trong hệ thống hỗ trợ nạn nhân, bao gồm các hoạt động giám sát phù hợp và các hình thức tham vấn có thể tiếp cận, nhằm bảo đảm kết quả bền vững về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng và sinh kế cho nạn nhân và gia đình, đặc biệt tại các khu vực

vùng sâu, vùng xa và khu vực còn nhiều khó khăn. Chính quyền địa phương và các nhóm cộng đồng tại địa phương cần đóng vai trò tích cực hơn trong việc hỗ trợ các chương trình sinh kế và an sinh xã hội dựa trên nhu cầu đã được xác định của nạn nhân. Đồng thời, cần xây dựng các tiêu chí rõ ràng để đánh giá chất lượng và tính bền vững của hoạt động hỗ trợ, và lồng ghép các tiêu chí này vào hệ thống chỉ số và khung giám sát của chương trình. (Trung hạn)

Điều phối và Trách nhiệm giải trình

Tăng cường điều phối và bảo đảm tính thống nhất giữa các bên liên quan thông qua cải thiện cơ chế báo cáo, tiêu chuẩn chung và cơ chế lập kế hoạch hòa nhập

VNMAC cần sử dụng các cơ chế điều phối hiện có để thúc đẩy chia sẻ thông tin, bảo đảm sự phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và tăng cường trách nhiệm giải trình giữa các đơn vị tham gia hỗ trợ nạn nhân. Việc này cần được thực hiện theo hướng củng cố thực hành hòa nhập, đồng thời không làm phát sinh thêm các yêu cầu tuân thủ thủ tục hành chính đối với các đơn vị triển khai. Các cơ chế điều phối cũng cần thúc đẩy sự thống nhất hơn giữa các bên liên quan về mục tiêu, công tác lập kế hoạch và báo cáo. Việc thực hiện báo cáo định kỳ phù hợp với các tiêu chuẩn TCVN và chu kỳ dự án cần được khuyến khích nhằm tăng cường tính minh bạch, học hỏi kinh nghiệm và trách nhiệm giải trình trong các chương trình hỗ trợ nạn nhân. (Ngắn hạn)

Việc làm và nguồn nhân lực

Phần này tổng hợp kết quả từ các cuộc phỏng vấn và Khảo sát ẩn danh về Bình đẳng giới, Đa dạng và Hòa nhập trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn (tháng 12 năm 2025). Các nguồn thông tin này cung cấp những bằng chứng định tính và định lượng mang tính bổ trợ về thực tiễn tuyển dụng, môi trường làm việc và nhận thức của cán bộ, nhân viên trong toàn ngành. Phân tích tập trung đánh giá mức độ các cơ chế quản lý nhân sự và sử dụng lao động hiện nay bảo đảm tính công bằng, hòa nhập và cơ hội bình đẳng trong thực tiễn triển khai.

Sự đa dạng trong lực lượng lao động lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh

Bảng tổng hợp: Cơ cấu lao động theo giới của các tổ chức hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn[lxxxi]

(Các tổ chức quốc tế và các cơ quan nhà nước tham gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh)

Tổ chức	Tổng số nhân viên	Nhân viên nữ	Tổng số nhân viên quản lý / giám sát	Phụ nữ trong các vị trí quản lý / giám sát	Tổng số nhân viên hiện trường	Nữ nhân viên hiện trường
MAG	755	228 (30%)	80	15 (19%)	706	207 (29%)
NPA (Dữ liệu của tổ chức phi chính phủ, 2024)	395	127 (32%)	14	8 (57%)	318	91 (29%)
PTVN	314	79 (25%)	16	6 (38%)	270	60 (22%)
Tổng số -các tổ chức phi chính phủ	1.464	434 (30%)	110	29 (26%)	1.294	358 (28%)
VNMAC	108	17 (16%)	18	0 (0%)	–	–
QTMAC (Quảng Trị)	21	5 (24%)	4	0 (0%)	–	–
KVPVP / Chỉ huy công trường Huế	9	2 (22%)	12*	0 (0%)	–	–

** Các số liệu về vị trí quản lý của Ban chỉ huy công trường dự án KVPVP tại Huế phản ánh vai trò giám sát trong cơ cấu chỉ huy và có thể không hoàn toàn tương đương với khái niệm quản lý trong các tổ chức phi chính phủ.(NGO).*

Trong khuôn khổ đánh giá, một bảng hỏi về nguồn nhân lực đã được gửi tới các tổ chức hành động bom mìn quốc tế và các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn. Tuy nhiên, không phải tất cả các tổ chức đều cung cấp phản hồi. Do đó, số liệu trình bày trong bảng trên được tổng hợp từ hai nguồn: báo cáo Đánh giá hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn năm (2025) và thông tin thu thập qua bảng hỏi về nhân sự. Do các nguồn dữ liệu này thuộc các thời điểm khác nhau, bảng số liệu không phản ánh chính xác tình hình nhân lực tại một thời điểm cụ thể, nhưng vẫn đủ cơ sở để nhận diện các xu hướng và đặc điểm cơ cấu giới trong toàn ngành.

Kết quả cho thấy lực lượng lao động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn hiện vẫn chủ yếu là nam giới[1]. Điều này khác với bức tranh chung của thị trường lao động Việt Nam, nơi phụ nữ chiếm 48,61% lực lượng lao động vào năm 2024.[lxxxii] Tỷ lệ phụ nữ trong các cơ quan nhà nước liên quan đến hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn cũng thấp hơn so với mức trung bình quốc tế, trong đó phụ nữ chiếm khoảng 30% lực lượng lao động trong lĩnh vực này trên toàn cầu.[lxxxiii] Xu hướng này chưa phù hợp với các mục tiêu của *Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021–2030 và Kế hoạch hành động quốc gia về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh*, vốn đặt ra các chỉ tiêu cụ thể nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và ra quyết định trong các cơ quan nhà nước, bao gồm cả lĩnh vực quốc phòng và an ninh.

Dữ liệu từ bảng hỏi nhân sự và kết quả phỏng vấn cũng cho thấy lực lượng lao động trong lĩnh vực này tương đối đồng nhất về thành phần dân tộc, với rất ít hoặc hầu như không có sự tham gia của người dân tộc thiểu số. Tương tự, sự tham gia của người khuyết tật cũng rất hạn chế, đặc biệt trong các vị trí kỹ thuật và tác nghiệp. Trong các cơ quan nhà nước, phụ nữ hầu như chưa có mặt ở các vị trí kỹ thuật cao cấp hoặc vị trí lãnh đạo cấp cao. Trong khi đó, tại một số tổ chức phi chính phủ, tỷ lệ phụ nữ giữ vị trí quản lý và lãnh đạo cao hơn.

Ở những nơi có sự tham gia của người dân tộc thiểu số hoặc người khuyết tật, các vị trí công việc chủ yếu tập trung ở lĩnh vực hành chính hoặc hỗ trợ, thay vì các vị trí kỹ thuật, tác nghiệp hoặc ra quyết định. Rất ít đơn vị cho biết có triển khai các hoạt động tiếp cận có mục tiêu, các biện pháp bảo đảm khả năng tiếp cận hoặc cơ chế hỗ trợ phù hợp nhằm thúc đẩy tuyển dụng, duy trì và phát triển nghề nghiệp cho các nhóm này. Điều này cho thấy các nội dung về hòa nhập chưa được lồng ghép một cách hệ thống trong chính sách và thực tiễn quản lý nhân sự, đồng thời các cơ chế tuyển dụng và sử dụng lao động hiện hành có thể chưa bảo đảm khả năng tiếp cận đối với tất cả các nhóm đối tượng tiềm năng.

Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy mặc dù đa dạng nguồn nhân lực được nhìn nhận là có lợi cho hiệu quả hoạt động và tăng cường sự gắn kết với cộng đồng, nhưng cơ cấu nhân sự trên thực tế chủ yếu chịu ảnh hưởng bởi các thực tiễn tuyển dụng mang tính không chính thức và nguồn lao động sẵn có tại địa phương, hơn là dựa trên các mục tiêu cụ thể về đa dạng và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. Chỉ một số ít tổ chức cho biết họ thực hiện việc rà soát cơ cấu nhân sự một cách hệ thống nhằm theo dõi xu hướng và xác định các khoảng trống cần được cải thiện.

[1] - Xin lưu ý rằng một trong những hạn chế của đánh giá này là nhóm nghiên cứu không có điều kiện tiếp cận lực lượng công binh thuộc Bộ Quốc phòng. Các dữ liệu công khai hiện chưa cung cấp số liệu xác nhận về tổng số nhân sự rà phá bom mìn (cũng như cơ cấu giới tính) trong lực lượng công binh quân đội Việt Nam. Tuy nhiên, các nguồn thông tin hiện có cho thấy phần lớn năng lực khảo sát và rà phá bom mìn của Nhà nước được thực hiện thông qua các đơn vị công binh quân đội hoạt động trên phạm vi toàn quốc.

Tuyển dụng

Trước năm 2025, việc tuyển dụng phụ nữ vào lực lượng vũ trang được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và có chọn lọc, phụ thuộc vào nhu cầu cụ thể của từng đơn vị và hướng dẫn hằng năm của Bộ Quốc phòng. Cách tiếp cận này đã được cụ thể hóa và mở rộng thông qua Hướng dẫn số 4705/HD-BQP (tháng 10 năm 2024), trong đó quy định chi tiết các điều kiện về tiêu chuẩn, sự tự nguyện, độ tuổi, chiều cao và tình trạng hôn nhân đối với nữ tình nguyện viên trong đợt tuyển quân năm 2025.[lxxxv] Các quy định này áp dụng riêng đối với tuyển dụng nữ theo hình thức tự nguyện, không áp dụng cho nghĩa vụ quân sự bắt buộc, và đưa ra các tiêu chí có sự khác biệt đáng kể so với nam giới.

Trong bối cảnh hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, các tiêu chí tuyển dụng nêu trên chưa thực sự phù hợp với yêu cầu chuyên môn. Các tiêu chuẩn IMAS và hướng dẫn tác nghiệp nhấn mạnh các yếu tố như năng lực thể chất phù hợp với nhiệm vụ, trình độ chuyên môn kỹ thuật, tuân thủ quy trình an toàn và khả năng phối hợp làm việc nhóm, thay vì các tiêu chí hình thể cụ thể như chiều cao.[lxxxvi] Thực tiễn từ các tổ chức quốc tế cho thấy cả nam và nữ với thể trạng và chiều cao khác nhau đều có thể thực hiện hiệu quả nhiệm vụ rà phá bom mìn.[lxxxvii] Do đó, tiêu chí về chiều cao mang tính sàng lọc hành chính nhiều hơn là yêu cầu thực sự cần thiết đối với công việc rà phá bom mìn.

Khi VNMAC đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt nhân lực kỹ thuật và có kế hoạch mở rộng lực lượng rà phá bom mìn, đặc biệt thông qua tuyển dụng và đào tạo bổ sung từ các đơn vị công binh, đây là cơ hội để rà soát lại mức độ phù hợp giữa các tiêu chí tuyển dụng trong quân đội và yêu cầu thực tế của hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn. Việc điều chỉnh theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu công việc sẽ giúp bảo đảm những ứng viên có năng lực, bao gồm cả phụ nữ, không bị loại trừ một cách không cần thiết.

Sự chưa tương thích giữa tiêu chí tuyển dụng của tổ chức và yêu cầu thực tiễn cũng cho thấy cơ hội tham khảo và học hỏi kinh nghiệm từ các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn. Quy trình tuyển dụng của các tổ chức này thường được thực hiện thông qua thông báo tuyển dụng công khai và đánh giá ứng viên dựa trên các tiêu chí kỹ thuật và năng lực cụ thể. Tuyển dụng được thực hiện theo nguyên tắc cạnh tranh và dựa trên năng lực, với quyết định lựa chọn căn cứ vào trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và năng lực thực hiện nhiệm vụ. Kết quả khảo sát nhân sự cho thấy mức độ chuyên nghiệp và tính nhất quán tương đối cao trong quy trình tuyển dụng của các đơn vị.[lxxxviii]

Tuy nhiên, cách tiếp cận tuyển dụng của các tổ chức hiện nay chủ yếu mang tính trung tính, chưa thực sự theo hướng chủ động thúc đẩy hòa nhập. Việc thiếu các hoạt động tiếp cận có mục tiêu đối với các nhóm còn ít được đại diện có thể vô tình duy trì các bất bình đẳng giới và xã hội trong lực lượng lao động. Ngoài ra, các yêu cầu chung hoặc chưa được xác định rõ về thể lực hoặc khả năng sẵn sàng làm việc tại hiện trường cũng có thể làm thu hẹp nguồn ứng viên tiềm năng. Bên cạnh đó, việc theo dõi kết quả tuyển dụng theo giới, tình trạng khuyết tật hoặc các đặc điểm đa dạng khác chưa được thực hiện một cách hệ thống, làm hạn chế khả năng nhìn nhận của tổ chức về mức độ bảo đảm cơ hội bình đẳng có được hiện thực hoá trong thực tiễn. [lxxxix]

Chính sách tuyển dụng

Hầu hết các tổ chức đã ban hành các chính sách quản lý nhân sự, bao gồm quy tắc ứng xử, quy định về phòng chống quấy rối và vi phạm kỷ luật, cũng như chế độ về nghỉ phép và phúc lợi, phù hợp với quy định của pháp luật lao động Việt Nam và các quy định nội bộ của tổ chức.[xc]

Nhận thức của nhân viên về quy trình báo cáo các hành vi phân biệt đối xử, quấy rối hoặc hành vi sai trái là tương đối cao ở tất cả nhân viên.[xci] Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy phụ nữ và những người làm việc tại văn phòng (so với các nhân sự ngoài hiện trường) cảm thấy ít tự tin hơn khi thực hiện khiếu nại. Điều này cho thấy tồn tại những boăn khoăn hoặc e ngại trong việc sử dụng các cơ chế báo cáo, chứ không phải do thiếu thông tin về quy trình.

Nâng cao năng lực về GDEI

VNMAC cho biết hoạt động đào tạo về bình đẳng giới và lồng ghép giới trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn hiện còn hạn chế về phạm vi và chủ yếu được tổ chức theo hình thức ngắn hạn, chưa thường xuyên, chưa có chương trình đào tạo chuyên biệt hoặc kế hoạch đào tạo hệ thống cho toàn bộ cán bộ. Nội dung liên quan đến giới thường có thời lượng ngắn và chủ yếu dành cho các cán bộ phụ trách lĩnh vực này, thay vì được lồng ghép xuyên suốt trong các chương trình đào tạo kỹ thuật, tác nghiệp và quản lý. Do đó, mặc dù nhận thức về giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập đã được cải thiện, việc đào tạo vẫn chưa được triển khai một cách toàn diện và hệ thống.

Trong khi đó, các tổ chức quốc tế cho biết đã áp dụng cách tiếp cận bài bản hơn trong đào tạo về lồng ghép giới và đa dạng. Nội dung về giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập được tích hợp trong chương trình đào tạo hội nhập ban đầu, đào tạo nghiệp vụ và các quy trình hoạt động chuẩn, thường gắn với chính sách bình đẳng giới của tổ chức. Nội dung đào tạo phổ biến bao gồm: tiếp cận cộng đồng có nhạy cảm về giới và tuổi tác, triển khai GDPTTNBM theo hướng hòa nhập, hỗ trợ nạn nhân lấy người thụ hưởng làm trung tâm, bảo vệ và phòng ngừa rủi ro (safeguarding), cũng như thu thập và sử dụng dữ liệu phân tách theo giới và tình trạng khuyết tật. Khi được hỏi về mức độ đáp ứng của đào tạo đối với yêu cầu lồng ghép giới và đa dạng trong công việc, 67% cán bộ thuộc các tổ chức quốc tế và 82% cán bộ thuộc cơ quan nhà nước cho rằng đã được đào tạo đầy đủ.[xcii]

Phát triển nghề nghiệp

VNMAC cho biết việc phát triển nghề nghiệp của phụ nữ trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn ngày càng được quan tâm thông qua các cam kết của đơn vị về bình đẳng giới. Phụ nữ hiện tham gia trong nhiều lĩnh vực công tác như xây dựng chính sách và chiến lược, khảo sát, GDPTTNBM, hỗ trợ nạn nhân, quản lý thông tin và điều phối chương trình, đồng thời ngày càng được giao các nhiệm vụ chuyên môn quan trọng trong các dự án và sáng kiến cấp quốc gia. Lãnh đạo đơn vị thể hiện quan điểm tích cực trong việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ, thông qua việc tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo chuyên môn trong nước và quốc tế, cũng như bố trí phụ nữ tham gia các hoạt động khảo sát thực địa – được xem là nền tảng cho việc mở rộng cơ hội phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

Tuy nhiên, các rào cản dai dẳng tiếp tục hạn chế sự thăng tiến của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và vai trò vận hành, đặc biệt trong lĩnh vực rà phá bom mìn. Các rào cản này bao gồm định kiến giới coi công việc rà phá bom mìn là công việc của nam giới, hạn chế trong tiếp cận các khóa đào tạo chuyên sâu về rà phá, đặc thù công việc triển khai tại địa bàn xa, điều kiện làm việc khó khăn và nguy hiểm, cùng với gánh nặng chăm sóc gia đình mà phụ nữ thường phải đảm nhận. Do đó, lộ trình phát triển nghề nghiệp của phụ nữ hiện vẫn rõ nét hơn trong các lĩnh vực như xây dựng chính sách, điều phối và các vị trí hỗ trợ, thay vì các vị trí tác nghiệp.

Nhân viên ở một số tổ chức quốc tế cho rằng lộ trình thăng tiến nghề nghiệp được xác định rõ hơn nhưng vẫn chưa đồng đều, thường gắn với cơ cấu dự án, chứng chỉ chuyên môn và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Việc bổ nhiệm vào các vị trí giám sát hoặc quản lý thường phụ thuộc vào việc hoàn thành các khóa đào tạo được kiểm định, kinh nghiệm thực địa và sự sẵn có của các vị trí do dự án tài trợ. Một số tổ chức cho biết đã triển khai các biện pháp hỗ trợ phụ nữ phát triển nghề nghiệp như tuyển dụng có mục tiêu, chương trình cố vấn nghề nghiệp và bố trí tham gia các vị trí kỹ thuật hoặc điều phối làm nền tảng cho các vị trí lãnh đạo. Tuy nhiên, lộ trình phát triển nghề nghiệp chưa phải lúc nào cũng được quy định rõ ràng, và các hoạt động cố vấn, đào tạo lãnh đạo hoặc quản lý theo hướng hòa nhập vẫn còn chưa đồng đều. Vì vậy, mặc dù một số phụ nữ đã được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý và lãnh đạo cấp cao, quá trình thăng tiến vẫn chịu ảnh hưởng lớn bởi chu kỳ dự án hơn là dựa trên các cơ chế phát triển nghề nghiệp mang tính hệ thống ở cấp tổ chức.

Điều kiện làm việc

Dựa trên cuộc khảo sát nhân viên, điều kiện làm việc tronh lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn nhìn chung được đánh giá là an toàn và chuyên nghiệp, đặc biệt liên quan đến tiêu chuẩn an toàn trong hoạt động thực địa. Người lao động cho biết môi trường làm việc tôn trọng, và trong các tổ chức tồn tại sự đồng thuận cao về việc không chấp nhận các hành vi bắt nạt, quấy rối hoặc vi phạm đạo đức nghề nghiệp.[xciii]

Hỗ trợ và điều chỉnh điều kiện làm việc cho nhân viên có nhu cầu đặc biệt - như chăm sóc gia đình, tình trạng sức khỏe hoặc khuyết tật - thường được xem xét theo từng trường hợp cụ thể và phụ thuộc vào quyết định của quản lý. Mặc dù tính linh hoạt không chính thức thường được đánh giá cao, sự thiếu hụt hướng dẫn rõ ràng dẫn đến sự chưa chắc chắn về phạm vi hỗ trợ có thể yêu cầu và cách thức đề nghị hỗ trợ có thể được chấp thuận.[xciv]

Các tổ chức quốc tế cho biết hiện chưa áp dụng cung cấp trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) khác nhau cho phụ nữ và nam giới. Tuy nhiên, một tổ chức đã cung cấp một khoản kinh phí nhỏ cho nữ nhân viên rà phá để có được trang phục làm việc trong thời gian mang thai, nhằm bảo đảm phù hợp với điều kiện sức khỏe và yêu cầu công việc.[xcv]

Khuyến nghị – việc làm và nguồn nhân lực

Tăng cường yêu cầu chung toàn ngành về các thực hành tuyển dụng lao động theo hướng hoà nhập

VNMAC cần làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lồng ghép giới vào hệ thống quản lý nhân sự và sử dụng lao động, bao gồm việc xác định rõ vai trò, trách nhiệm và các yêu cầu tối thiểu đối với người quản lý, phù hợp với Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về lồng ghép giới trong hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn. (Dài hạn)

Thúc đẩy sự tham gia thực chất và vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn

Thực hiện cam kết của Việt Nam trong Chương trình Nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh, VNMAC cần phối hợp với các cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng và các bên liên quan trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn nhằm mở rộng tuyển dụng, duy trì, phát triển nghề nghiệp và thúc đẩy vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong các vị trí tác nghiệp, kỹ thuật và ra quyết định trong toàn ngành. Nội dung này cần bao gồm việc tăng cường các cơ chế tuyển dụng, tiếp nhận, phát triển nghề nghiệp và thăng tiến cho phụ nữ trong các vị trí khảo sát, rà phá và quản lý; thiết lập các chỉ tiêu tham gia có thể đo lường được (phù hợp với Kế hoạch hành động quốc gia về Phụ nữ, Hoà Bình và An Ninh); đồng thời theo dõi tiến độ thực hiện trên toàn lĩnh vực.

VNMAC cũng cần thúc đẩy các hình mẫu lãnh đạo nữ thông qua việc ghi nhận và chia sẻ các tấm gương phụ nữ lãnh đạo trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn, gìn giữ hòa bình, quân y và các lĩnh vực liên quan; đồng thời hỗ trợ các hoạt động cố vấn, phát triển năng lực lãnh đạo và học hỏi liên ngành, liên cơ quan. Các biện pháp này cần được nhìn nhận không chỉ nhằm thúc đẩy bình đẳng giới mà còn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, an toàn, đổi mới sáng tạo và sự gắn kết với cộng đồng. (Trung hạn)

Rà soát tiêu chí tuyển dụng nhằm loại bỏ định kiến giới trong quá trình tuyển dụng

VNMAC nên định kỳ rà soát các chính sách và quy trình tuyển dụng trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn nhằm đánh giá tác động giới, bao gồm việc xem xét các tiêu chí hoặc quy trình hiện hành có vô tình loại trừ phụ nữ có năng lực khỏi các vị trí kỹ thuật và tác nghiệp hiện trường hay không. Hoạt động rà soát này cần được ưu tiên triển khai ngay và có thể bao gồm rà soát chính sách nội bộ hoặc thực hiện đánh giá giới trong các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm triển khai hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn. (Ngắn hạn)

Tăng cường sự tham gia của các nhóm dân tộc thiểu số và người khuyết tật trong hệ thống tuyển dụng

VNMAC và các tổ chức triển khai cần từng bước cải thiện tính tiếp cận và hòa nhập trong các chính sách và thực tiễn sử dụng lao động đối với người dân tộc thiểu số và người khuyết tật. Các biện pháp có thể bao gồm: rà soát quy trình tuyển dụng và tiêu chí công việc để loại bỏ các rào cản không cần thiết; cải thiện khả năng tiếp cận tại nơi làm việc và trong các hoạt động đào tạo; đồng thời tăng cường thu thập và sử dụng dữ liệu về cơ cấu nhân sự nhằm theo dõi mức độ tham gia và phát triển nghề nghiệp. Các giải pháp cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế và bảo đảm tuân thủ pháp luật lao động cũng như các chính sách quốc gia về hòa nhập. (Trung hạn)

Làm rõ lộ trình phát triển nghề nghiệp

VNMAC và các tổ chức triển khai cần thúc đẩy việc xây dựng và công bố rõ ràng các lộ trình phát triển nghề nghiệp, bao gồm tiêu chí thăng tiến minh bạch và cơ hội tiếp cận đào tạo. Việc từng bước tăng cường các hoạt động cố vấn, hỗ trợ chuyên môn và phát triển năng lực lãnh đạo sẽ góp phần tạo điều kiện cho sự thăng tiến công bằng hơn vào các vị trí quản lý và kỹ thuật. (Ngắn hạn)

Nâng cao niềm tin vào các cơ chế báo cáo và bảo vệ

Các tổ chức cần tiếp tục nâng cao niềm tin của người lao động đối với hệ thống tiếp nhận phản ánh thông qua việc truyền thông thường xuyên, hướng dẫn thực tế và công khai kết quả xử lý ở mức phù hợp, đặc biệt bảo đảm nguyên tắc bảo mật thông tin và không có hành vi trả đũa. VNMAC có thể hỗ trợ bằng cách làm rõ các yêu cầu tối thiểu đối với cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh và bảo vệ người lao động trong toàn ngành, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. (Ngắn hạn)

Thúc đẩy các tiếp cận nhất quán về hỗ trợ và điều chỉnh điều kiện làm việc

Các tổ chức cần từng bước xây dựng hướng dẫn rõ ràng hơn về chế độ làm việc linh hoạt và các biện pháp hỗ trợ phù hợp, thay vì phụ thuộc vào ra quyết định cho từng trường hợp cụ thể. Điều này sẽ giúp nâng cao tính minh bạch về các chính sách hỗ trợ công bằng và rõ ràng cho người lao động có nhu cầu khác nhau. (Trung hạn)

Xây dựng tiêu chuẩn năng lực tối thiểu về GDEI thông qua một tiếp cận chung và phối hợp trên toàn ngành

VNMAC nên phối hợp với các tổ chức hành động mìn để xác định các tiêu chuẩn năng lực tối thiểu về giới và đa dạng đối với cán bộ trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn, đồng thời hỗ trợ xây dựng chương trình đào tạo chung ở cấp ngành theo hướng có cấu trúc, phù hợp với Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về lồng ghép giới trong hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, thay thế các hoạt động đào tạo rời rạc bằng một mô hình đào tạo thống nhất, bền vững và hiệu quả hơn. (Ngắn hạn).

Khuyến nghị này phù hợp với các kết luận và khuyến nghị trong các phần Quản trị và Quy định, nhấn mạnh yêu cầu xây dựng các chuẩn mực chung ở cấp ngành và triển khai các hoạt động nâng cao năng lực về GDEI theo cách tiếp cận có hệ thống.

Năng lực hỗ trợ và tổ chức

Lãnh đạo cam kết mạnh mẽ, nguồn tài chính đủ và bền vững, cùng với các hệ thống và năng lực kỹ thuật phù hợp là yếu tố quan trọng để đảm bảo rằng bình đẳng giới và hỗ trợ cho các nhóm dễ bị tổn thương được tích hợp hiệu quả vào hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, thay vì chỉ dừng lại ở ý định chính sách. Các yếu tố này đóng vai trò trung tâm trong việc định hình trách nhiệm tổ chức, huy động và phân bổ nguồn lực, cũng như tăng cường năng lực của các bên liên quan cấp quốc gia và tỉnh để thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh theo Luật Bình đẳng Giới, chính sách về người khuyết tật và cam kết quốc gia về phát triển công bằng và bao trùm. Tiến độ lồng ghép giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) không chỉ phụ thuộc vào cam kết chính sách, mà còn phụ thuộc vào việc các cơ quan, tổ chức có đủ nhân sự, thời gian, ngân sách, hỗ trợ kỹ thuật và công cụ hướng dẫn để triển khai các cam kết một cách nhất quán hay không. Khi các điều kiện hỗ trợ này còn hạn chế, việc triển khai có thể vẫn mang tính rời rạc hoặc phụ thuộc chủ yếu vào nỗ lực của từng cá nhân.

Cam kết lãnh đạo

Cam kết, vị thế và sự hiện diện công khai của lãnh đạo VNMAC

Lãnh đạo VNMAC đã thể hiện cam kết đối với GDEI ở mức độ hài hòa chính sách và ý định rõ ràng. Lãnh đạo xác định vai trò của mình trong các khuôn khổ quốc gia và quốc tế bao gồm Chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS), chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, chính sách về người khuyết tật và Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) qua đó coi GDEI là một nguyên tắc xuyên suốt trong quản trị hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, thay vì là một chương trình song song. Cách tiếp cận này khẳng định hòa nhập là kỳ vọng chuẩn mực của quản trị quốc gia về khắc phục hậu quả bom mìn, đồng thời thể hiện nhận thức thể chế về sự khác biệt trong rủi ro, tác động và lợi ích đối với phụ nữ, nam giới, trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số và người khuyết tật.[xcvi]

Tuy nhiên, rà soát các nguồn thông tin công khai bao gồm trang thông tin điện tử chính thức của VNMAC và một số kênh truyền thông đại chúng trong nước cho thấy còn hạn chế các thông điệp lãnh đạo mang tính nổi bật, nhất quán, định vị GDEI là ưu tiên chiến lược của VNMAC. Mặc dù VNMAC có sự hiện diện rõ ràng trong các hoạt động hợp tác, đào tạo, giám sát rà phá và hỗ trợ nạn nhân, các nội dung truyền thông chủ yếu được thể hiện theo góc độ kỹ thuật, tác nghiệp hoặc phát triển, thay vì dưới lăng kính GDEI. Các thông điệp công khai hiếm khi đề cập trực tiếp đến bình đẳng giới, đa dạng dân tộc, hòa nhập người khuyết tật hoặc các kết quả phân hóa theo nhóm; GDEI chưa được thể hiện như một câu chuyện lãnh đạo riêng trong thông điệp chính thức của VNMAC.[xcvii]

Ngược lại, các thông điệp về đa dạng và hòa nhập lại được thể hiện rõ nét hơn trong truyền thông của các đối tác và tổ chức quốc tế. Các ví dụ bao gồm việc quảng bá các đội rà phá bom mìn toàn nữ, sự hiện diện của phụ nữ trong các vai trò tác nghiệp và giám sát, cũng như việc đưa hình ảnh phụ nữ dân tộc thiểu số và nạn nhân vào các câu chuyện hỗ trợ nạn nhân. VNMAC thường xuyên tham gia các sáng kiến này thông qua các chuyến công tác thực địa chung, các cuộc họp điều phối và sự kiện phối hợp, cho thấy sự ủng hộ và đồng thuận về mặt thể chế. Tuy nhiên, trên các nền tảng truyền thông của chính VNMAC, trọng tâm vẫn chủ yếu đặt vào kết quả kỹ thuật và các mốc tiến độ tác nghiệp, hơn là các kết quả liên quan đến đa dạng, cơ cấu lực lượng lao động hoặc các câu chuyện cá nhân thể hiện tác động hòa nhập. [xcviii]

Thực hành hoà nhập và trọng tâm hoạt động của VNMAC

Ở cấp độ hoạt động, lãnh đạo VNMAC đã mô tả một loạt các thực hành mang tính hoà nhập, bao gồm việc sử dụng dữ liệu phân tách theo giới tính, tuổi tác và khuyết tật; giáo dục phòng tránh rủi ro bom mìn nhạy cảm với giới; hỗ trợ tập trung vào nạn nhân; và nỗ lực thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong các vai trò kỹ thuật, quản lý và tiếp xúc với cộng đồng. Các ví dụ cụ thể được trình bày rõ ràng nhất trong lĩnh vực giáo dục và gắn kết cộng đồng, nơi phụ nữ và trẻ em gái được xác định là những chủ thể tích cực trong triển khai và giám sát hoạt động. Những minh chứng này cho thấy các cách tiếp cận hòa nhập đã được áp dụng trong thực tiễn, đặc biệt đối với các hoạt động theo dự án và có sự hỗ trợ từ hợp tác quốc tế. [xcix]

Hạn chế trong thể chế hóa và trách nhiệm giải trình

Tuy nhiên, cam kết của lãnh đạo hiện chủ yếu được thể hiện thông qua định hướng và sự ủng hộ về mặt chủ trương, thay vì được cụ thể hóa bằng các cơ chế trách nhiệm giải trình mang tính thể chế. Mặc dù VNMAC đã phân công một số đầu mối liên quan đến công tác bình đẳng giới và hỗ trợ sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động đào tạo, xây dựng chính sách, song chưa có nhiều bằng chứng cho thấy việc lồng ghép GDEI được tích hợp một cách hệ thống vào các hệ thống quản lý cốt lõi của tổ chức như lập và phân bổ ngân sách, quản lý kết quả công việc, công nhận năng lực, bảo đảm chất lượng hoặc quản lý thông tin. Khoảng trống này cũng được lãnh đạo VNMAC thừa nhận, đặc biệt liên quan đến việc chưa có phân bổ ngân sách riêng cho các mục tiêu GDEI, cho thấy các cam kết hiện nay chưa được chuyển hóa đầy đủ thành các yêu cầu tổ chức mang tính bắt buộc.[c]

Lãnh đạo VNMAC nhận thức về các rào cản chính đối với sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn, bao gồm định kiến giới, hạn chế về năng lực ở cấp địa phương và thiếu hụt về dữ liệu. Tuy nhiên, mặc dù thể hiện cam kết chính sách mạnh mẽ, vẫn còn ít bằng chứng về các hành động lãnh đạo cam kết thực hiện với nguồn lực đảm bảo để giải quyết các thách thức này trên quy mô toàn ngành. Do đó, cách tiếp cận của VNMAC hiện có thể được xem là đang trong quá trình chuyển từ cam kết về chủ trương sang thực hành được thể chế hóa và gắn với trách nhiệm giải trình rõ ràng hơn.

Lãnh đạo của các tổ chức hành động bom mìn trong thực tế

Đối với các tổ chức quốc tế thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn, vai trò lãnh đạo về GDEI được thể hiện rõ nhất khi các cam kết được chuyển hóa thành hệ thống quản lý cụ thể, quyết định phân bổ nguồn lực và hành vi vận hành trong thực tế, thay vì chỉ dừng ở các tuyên bố chính sách. Qua các cuộc phỏng vấn, các tổ chức đều cho biết việc thúc đẩy GDEI được lồng ghép vào văn hóa tổ chức và quá trình ra quyết định hằng ngày, đặc biệt trong công tác tuyển dụng, hỗ trợ nhân sự, làm việc với cộng đồng và sử dụng dữ liệu, thay vì coi đây là một yêu cầu tuân thủ riêng biệt.[ci] Cách tiếp cận này phản ánh nỗ lực của lãnh đạo cấp cao trong việc đưa yếu tố hòa nhập trở thành một nội dung thường xuyên trong hoạt động chuyên môn, đồng thời xử lý các yếu tố gây ra bất bình đẳng không chỉ liên quan đến giới mà còn đến độ tuổi, dân tộc, khuyết tật, ngôn ngữ và các chuẩn mực xã hội.

Lãnh đạo dựa trên bằng chứng và linh hoạt

Một đặc điểm nổi bật trong vai trò lãnh đạo của các tổ chức hành động bom mìn là việc chủ động sử dụng bằng chứng và phương pháp quản lý thích ứng, linh hoạt để phát hiện và khắc phục các xu hướng bất bình đẳng. Các tổ chức cho biết họ đã tiến hành rà soát dữ liệu phân tách theo giới tính và độ tuổi trong các hoạt động truyền thông phòng tránh tai nạn bom mìn, khảo sát và đánh giá; qua đó nhận diện các định kiến và bất bình đẳng mang tính hệ thống (ví dụ: nam giới tham gia các cuộc tham vấn với tỷ lệ cao hơn), và điều chỉnh cách thức triển khai tại hiện trường cũng như hướng dẫn cho nhân viên thực hiện. Trong một trường hợp, lãnh đạo đã trực tiếp hướng dẫn các nhóm công tác chuyển từ hình thức “mời tham gia chung” sang tiếp cận chủ động đối với phụ nữ và các nhóm ít được chú ý, qua đó cải thiện sự cân bằng về mức độ tham gia theo thời gian. Những hoạt

động này được thúc đẩy thông qua đầu tư cho các hoạt động học tập nội bộ và cơ chế rà soát dữ liệu định kỳ, trong đó việc thúc đẩy hòa nhập được gắn trực tiếp với chất lượng và hiệu quả chương trình, thay vì chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà tài trợ.[cii]

Các biện pháp về nhân sự và văn hóa tổ chức

Vai trò lãnh đạo của các tổ chức còn được thể hiện thông qua các biện pháp cụ thể về nhân sự và xây dựng văn hóa tổ chức nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ và các nhóm ít được đại diện có thể tham gia, duy trì và phát triển trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn. Một số thực hành tốt bao gồm: thành lập các đội rà phá bom mìn toàn nữ nhằm thay đổi định kiến về vai trò giới trong công việc kỹ thuật (tại tổ chức NPA); xây dựng lộ trình thăng tiến rõ ràng lên các vị trí tổ trưởng, giám sát (tại tổ chức Cây hòa bình Việt Nam); và áp dụng các điều chỉnh thực tế tại nơi làm việc như hỗ trợ đối với lao động đang mang thai, chế độ nghỉ linh hoạt liên quan đến chăm sóc gia đình, cùng với đối thoại nội bộ thường xuyên nhằm xử lý các quan niệm sai lệch hoặc sự e ngại đối với các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới (tổ chức MAG). Các biện pháp này được mô tả là những lựa chọn quản lý mang tính thực tiễn nhằm giữ chân nhân lực, thay đổi nhận thức và nâng cao uy tín của tổ chức cả trong nội bộ và với cộng đồng.[cii]

Hạn chế của lãnh đạo tại các tổ chức trong hệ thống quốc gia

Đồng thời, vai trò lãnh đạo của các tổ chức hành động bom mìn quốc tế đang thực hiện trong một môi trường thể chế quốc gia chưa đồng đều. Các tổ chức đều cho biết hệ thống bảo đảm chất lượng, kiểm định và quản lý thông tin ở cấp quốc gia hiện vẫn tập trung chủ yếu vào tuân thủ kỹ thuật, trong khi mức độ quan tâm đến GDEI, các rủi ro liên quan đến bảo vệ an toàn (safeguarding), cũng như việc tiếp nhận và sử dụng có hệ thống các dữ liệu và các bài học về hòa nhập còn hạn chế.[civ] Do đó, vai trò lãnh đạo về GDEI hiện chủ yếu được thực hiện ở tổ chức riêng lẻ, thay vì được củng cố thông qua các tiêu chuẩn quốc gia hoặc cơ chế điều phối chung. Điều này khẳng định thêm kết luận quan trọng của đánh giá: mặc dù các đơn vị hành động bom mìn đã thể hiện vai trò lãnh đạo thiết thực và có ý nghĩa về GDEI, việc tạo ra tác động bền vững trên phạm vi toàn ngành sẽ cần các khuôn khổ quốc gia mạnh mẽ hơn, có khả năng ghi nhận, yêu cầu và khen thưởng các thực hành mang tính bao trùm.

Hệ thống, vai trò và trách nhiệm hỗ trợ GDEI

Đánh giá này xác định một số hệ thống tổ chức, vai trò và cơ chế điều phối hiện có đang góp phần định hình cách thức lồng ghép bình đẳng giới, đa dạng và hòa nhập (GDEI) trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn tại Việt Nam. Các cơ chế này hiện được xây dựng ở mức độ khác nhau giữa cấp quốc gia và cấp triển khai, và chủ yếu đóng vai trò hỗ trợ, tạo điều kiện, hơn là các hệ thống trách nhiệm giải trình đã được thể chế hóa đầy đủ.

Vai trò và trách nhiệm

Ở VNMAC, trách nhiệm liên quan đến GDEI được lồng ghép vào các chức năng hiện có, thay vì giao cho một vị trí chuyên trách với thẩm quyền và trách nhiệm chính thức. Các nội dung liên quan đến giới hiện do các cán bộ tham gia công tác lập kế hoạch, điều phối và xây dựng chính sách đảm nhiệm, đồng thời được hỗ trợ bởi các tổ chức như Hội Phụ nữ và Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ.[cv] Mô hình phân công phân tán này góp phần thúc đẩy sự

tham gia và chia sẻ trách nhiệm chung, nhưng đồng thời cũng làm giảm mức độ rõ ràng về trách nhiệm giải trình, tính liên tục và vai trò dẫn dắt chuyên môn, do chưa có một đầu mối cụ thể được giao nhiệm vụ lồng ghép GDEI một cách hệ thống trong các lĩnh vực như bảo đảm chất lượng, kiểm định năng lực hoặc lập và phân bổ ngân sách.[cvi] Ngược lại, ở các tổ chức phi chính phủ vai trò và trách nhiệm về GDEI được xác định rõ ràng hơn. Một số tổ chức đã lồng ghép trách nhiệm GDEI vào các chức năng quản lý và hệ thống theo dõi, đánh giá và học hỏi (MEL), đồng thời bố trí nhân sự có năng lực chuyên môn để phân tích dữ liệu phân tách và hướng dẫn điều chỉnh chương trình.[cvii] Trách nhiệm lãnh đạo được thực hiện thông qua quản lý trực tiếp, huấn luyện nội bộ và thẩm quyền quyết định thay vì chỉ dựa vào các vị trí đầu mối về giới riêng biệt.[cviii]

Khuyến nghị - Nâng cao năng lực và hỗ trợ tổ chức

Khuyến nghị cho VNMAC

Tăng cường lãnh đạo và thúc đẩy học tập về GDEI

VNMAC có thể củng cố vai trò lãnh đạo của mình bằng các biện pháp sau:

- Đưa ra các thông điệp hoặc hướng dẫn bằng tiếng Việt về các ưu tiên lồng ghép GDEI định kỳ;
- Tiếp tục tham gia các sự kiện bên lề và phiên họp toàn thể trong khuôn khổ các cuộc hội nghị quốc tế, ví dụ tại các cuộc họp liên quan đến CCW để giới thiệu và chia sẻ cam kết của Việt Nam đối với GDEI trong hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn;
- Tăng cường chia sẻ bài học kinh nghiệm bao gồm thách thức và thành công trong quá trình triển khai; và
- Nâng cao năng lực nội bộ thông qua các khóa đào tạo chuyên sâu, có trọng tâm và phù hợp với từng nhóm đối tượng, thay vì các khóa học mang tính đại trà.
- Lựa chọn, tổng hợp và chia sẻ các mô hình thực hành tốt về lãnh đạo hoà hợp từ các tổ chức NGO – chẳng hạn như như đội công tác do phụ nữ làm trưởng nhóm, quy trình tuyển dụng hòa nhập, hoặc các phương pháp tiếp cận cộng đồng linh hoạt thông qua các cơ chế điều phối quốc gia (bao gồm Nhóm Công tác Hành động khắc phục hậu quả bom mìn– MAWG và Tiểu ban chuyên môn về Giới, Đa dạng và Hòa nhập – GDI Task Force). Điều này sẽ góp phần thúc đẩy học hỏi lẫn nhau và từng bước hình thành nhận thức chung rằng lãnh đạo hoà hợp là một tiêu chí phản ánh chất lượng và hiệu quả hoạt động. (Ngắn hạn)

Từng bước lồng ghép giới vào công tác lập kế hoạch và phân bổ ngân sách

VNMAC cần nghiên cứu, từng bước đưa các ưu tiên về giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập vào xây dựng kế hoạch và phân bổ ngân sách trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn. Việc này có thể được thực hiện thông qua các hình thức như gắn thẻ ngân sách theo nội dung giới, bổ sung thuyết minh về mục tiêu bình đẳng và hòa nhập trong dự toán, hoặc hướng dẫn mức phân bổ tối thiểu cho các hoạt động liên quan, mà không nhất thiết phải xây dựng các khoản ngân sách riêng biệt cho việc thúc đẩy lồng ghép giới. Các nội dung về giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) cũng cần được lồng ghép trong quá trình

rà soát, cập nhật định kỳ *Chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh* và các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan (QCVN/TCVN), nhằm bảo đảm các thực hành hòa nhập từng bước được thể chế hóa một cách bền vững. (Dài hạn)

Khuyến nghị đối với các tổ chức quốc tế thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn

Các tổ chức khắc phục hậu quả bom mìn quốc tế cần tiếp tục đầu tư vào các biện pháp phát triển nguồn nhân lực và xây dựng văn hóa tổ chức nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ và các nhóm còn ít được đại diện có thể tham gia, gắn bó và phát triển trong các vị trí kỹ thuật và lãnh đạo; đồng thời các tổ chức cần hệ thống hóa và chuyển hóa các bài học kinh nghiệm thành những sản phẩm chia sẻ ngắn gọn, thực tiễn và dễ áp dụng để trao đổi với VNMAC, qua đó hỗ trợ quá trình học hỏi, nhân rộng thực hành tốt và từng bước thể chế hóa các nguyên tắc GDEI ở cấp quốc gia.(Trung hạn)

Các khuyến nghị đối với các tổ chức thuộc nhà nước tham gia khắc phục hậu quả bom mìn

Nhận thức được bối cảnh thể chế và hoạt động đặc thù của Binh chủng Công binh và các đơn vị nhà nước khác, một số khuyến nghị như sau được đề xuất theo các bước:

- Thực hiện rà soát nội bộ hoặc đánh giá giới đối với chính sách tuyển dụng, thực tiễn tại nơi làm việc và quy trình hoạt động nhằm xác định các rào cản đối với sự tham gia hòa nhập.
- Phân công đầu mối phụ trách GDEI hoặc thành lập các nhóm công tác nội bộ quy mô nhỏ nhằm hỗ trợ điều phối và triển khai các hoạt động liên quan đến hòa nhập.
- Lồng ghép các hoạt động và chỉ số GDEI vào quy trình lập kế hoạch và báo cáo hoạt động hằng năm.
- Tổ chức các khóa tập huấn hoặc hội thảo nâng cao nhận thức về GDEI dành cho lãnh đạo cấp cao trong Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Công binh và các cơ quan, đơn vị liên quan.



Kết luận

Kết quả Đánh giá cho thấy Chương trình khắc phục hậu quả bom mìn, vật nổ sau chiến tranh của Việt Nam được triển khai trên nền tảng quan trọng, thể hiện qua mức độ tự chủ quốc gia, hệ thống kỹ thuật và điều phối được thiết lập tương đối đầy đủ, cùng với mức độ hài hòa ngày càng cao với các tiêu chuẩn và thực hành tốt quốc tế trong lĩnh vực này. Những tiến bộ gần đây, bao gồm việc ban hành hệ thống tiêu chuẩn quốc gia toàn diện và tăng cường các cơ chế quản lý thông tin, điều phối, đã tạo cơ sở thuận lợi cho việc tiếp tục nâng cao hiệu quả trong thời gian tới. Tuy nhiên, phân tích cũng chỉ ra rằng việc lồng ghép giới, đa dạng, bình đẳng và hòa nhập (GDEI) trong quản trị và triển khai hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn còn chưa đồng đều; nhiều thực hành mang tính hoà nhập hiện vẫn phụ thuộc vào sáng kiến riêng của từng đơn vị, chính sách nội bộ của tổ chức hành động mìn hoặc yêu cầu của nhà tài trợ, thay vì được thể chế hóa một cách hệ thống trong khuôn khổ quốc gia. Hội thảo tham vấn ý kiến các bên liên quan vào tháng 3 năm 2026 nhìn chung đã xác nhận định hướng và độ tin cậy của các phát hiện này. Các ý kiến từ các bên liên quan không đặt ra những phản biện đáng kể đối với các kết luận của đánh giá, mà chủ yếu nhấn mạnh nhu cầu cần có định hướng triển khai rõ ràng hơn, cơ chế trách nhiệm giải trình mạnh mẽ hơn và việc thể hiện rõ nét hơn các nội dung về hòa nhập trong thực tiễn hoạt động.

Trên các lĩnh vực quản trị, quản lý thông tin, triển khai hoạt động, quản lý nhân sự và công tác giám sát, đánh giá cho thấy một số đặc điểm chung. Dữ liệu được thu thập theo giới tính và độ tuổi nhưng chưa được phân tích và sử dụng một cách nhất quán để phục vụ công tác xác định ưu tiên, lựa chọn địa bàn, đối tượng can thiệp hoặc đánh giá mức độ thụ hưởng công bằng giữa các nhóm dân cư. Các tiêu chuẩn quốc gia và cơ chế giám sát, kiểm tra có mức độ chuyển hóa các cam kết về bình đẳng và không phân biệt đối xử sang yêu cầu triển khai cụ thể còn khác nhau. Hệ thống giám sát hiện nay tương đối chặt chẽ về tuân thủ kỹ thuật và an toàn, nhưng ít xem xét nhóm đối tượng nào thực sự được hưởng lợi từ các hoạt động hoặc liệu có nhóm dân cư nào chưa được tiếp cận đầy đủ. Hoạt động nâng cao năng lực về giới và hòa nhập đã được triển khai trong toàn ngành, song cần tăng cường tính thống nhất và các yêu cầu chung nhằm bảo đảm việc áp dụng được thực hiện đồng bộ, hiệu quả hơn trong thực tiễn.

Tổng hợp các kết quả trên cho thấy cần có một cách tiếp cận mang tính hệ thống và có sự điều phối thống nhất hơn đối với việc lồng ghép giới trong hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn; trong đó tập trung kế thừa và nhân rộng các mô hình tốt hiện có, làm rõ các yêu cầu triển khai và từng bước nâng cao năng lực thực hiện một cách phù hợp với điều kiện thực tế. Trọng tâm của cách tiếp cận này là xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về lồng ghép giới trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn, làm cơ sở thực tiễn và có lộ trình thời gian cụ thể để chuyển hóa các quy định pháp luật, chính sách quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế thành các bước triển khai cụ thể. Kế hoạch này sẽ tổng hợp các khuyến nghị của đánh giá thành các nhóm ưu tiên thống nhất, làm rõ vai trò và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và tổ chức thực hiện, đồng thời hỗ trợ theo dõi tiến độ thực hiện, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và vai trò điều phối của VNMAC.

Cách tiếp cận này cũng phù hợp chặt chẽ với Chương trình hành động quốc gia về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS) của Việt Nam, trong đó đề ra các cam kết về tăng cường sự tham gia, vai trò lãnh đạo và bảo vệ phụ nữ trong các quá trình hòa bình, an ninh và khắc phục hậu quả chiến tranh. Do lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn gắn chặt với chức năng của ngành quốc phòng và an ninh, việc xây dựng Kế hoạch triển khai WPS của Bộ Quốc phòng sẽ là một giải pháp quan trọng tạo điều kiện thực hiện. Kế hoạch cấp Bộ sẽ góp phần cụ thể hóa các cam kết WPS trong các lĩnh vực do Bộ Quốc phòng chủ trì, bao gồm khắc phục hậu quả bom mìn, thông qua việc xác định rõ trách nhiệm thể chế, tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng quân sự và dân sự, đồng thời bảo đảm việc lồng ghép giới được thực hiện một cách hệ thống trong công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đào tạo và kiểm tra, giám sát.

Là các khuôn khổ bổ trợ và tăng cường lẫn nhau, Kế hoạch hành động quốc gia về lồng ghép giới trong khắc phục hậu quả bom mìn và Kế hoạch triển khai WPS của Bộ Quốc phòng sẽ giúp VNMAC và các đối tác chuyển từ việc áp dụng các nguyên tắc GDEI mang tính riêng lẻ, chưa đồng đều sang cách tiếp cận mang tính hệ thống và có trách nhiệm giải trình cao hơn. Đồng thời, hai khuôn khổ này sẽ tạo nền tảng cho việc học hỏi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện và chuẩn bị cho các lần rà soát, cập nhật hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong tương lai, qua đó nâng cao hiệu quả, tính công bằng và tính bền vững của các kết quả trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn. Qua đó, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển của Việt Nam, đáp ứng các cam kết trong khuôn khổ Chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa bình và An ninh cũng như các nghĩa vụ quốc tế liên quan, đồng thời bảo đảm các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn tiếp tục đáp ứng hiệu quả nhu cầu của tất cả các nhóm người bị ảnh hưởng bởi bom mìn, vật nổ.

Phụ lục

Phụ lục A: Gợi ý các mục tiêu và chỉ số về Giới, Đa dạng, Bình đẳng và Hòa nhập vào Chương trình Hành động quốc gia về Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh ở Việt Nam

Mục tiêu	Chỉ số chính	Chỉ tiêu
1. Tăng cường sử dụng dữ liệu phân tách cho quá trình ra quyết định	% các bộ dữ liệu phân tách theo giới, tuổi, tình trạng khuyết tật và dân tộc (nếu có thể) ; # các tỉnh có dữ liệu NNBM hoàn chỉnh bao gồm tình trạng khuyết tật ; IMSMA Core có thể sử dụng để phân tích đảm bảo bao trùm (có/không); Bằng chứng sử dụng dữ liệu cho lập kế hoạch	100% bộ dữ liệu được phan tách; Hệ thống quản lý thông tin vận hành
2.Tăng cường điều phối và trách nhiệm giải trình	Vai trò GDEI được xác định (có/không) ; # các cuộc họp điều phối, bao gồm về GDEI; # cơ quan, tổ chức có đầu mối GDEI; % các tổ chức hành động bom mìn có báo cáo về các chỉ số GDEI	GDEI được lồng ghép vào các cơ chế điều phối ở các cấp
3. Triển khai các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn dựa trên hướng dẫn và công cụ	# Quy trình chuẩn được sửa đổi, cập nhật để đưa yếu tố giới, tình trạng khuyết tật và dân tộc; Bộ công cụ mang tính bao trùm được xây dựng (có/không); % các tổ chức hành động bom mìn áp dụng các công cụ; QA/QC bao gồm cả tiêu chí về hòa nhập (có/không	Tiêu chí hòa nhập được thể hiện trong công cụ
4. Tăng cường sự tham gia và vai trò lãnh đạo của phụ nữ, người khuyết tật và người dân tộc thiểu số	% lực lượng lao động phân tách theo giới, tình trạng khuyết tật và dân tộc thiểu số (nếu phù hợp);% phu nữ và nhóm yếu thế vào vị trí lãnh đạo ; # cơ hội tập huấn cho nhom đích; Chính sách tuyển dụng được rà soát về định kiến giới (có/không); Mô hình phụ nữ lãnh đạo đã triển khai (có/không)	Tăng sự đa dạng ở các vị trí (ví dụ tăng 10–20%)[2]
5. Tăng cường sự tham gia hòa nhập của cộng đồng	% các cuộc tham vấn, với phụ nữ, nam giới, NKT và nhóm thiểu số; # các hoạt động GDPTTNBM được xây dựng phù hợp với tình trạng khuyết tật và ngôn ngữ địa phương; % việc bàn giao có sự tham gia của các nhóm cộng đồng khác nhau. Cơ chế phản hồi có thể tiếp cận với các nhóm (có/không)	Có tiêu chuẩn tham vấn đảm bảo bao trùm
6. Tăng cường hệ thống hỗ trợ nạn nhân bình đẳng và bao trùm	% các tỉnh có số liệu hoàn chỉnh về NNBM, bao gồm tình trạng khuyết tật; # nạn nhân đã được trợ giúp (có phân tách); # số dịch vụ tiếp cận cho NKT ; HTNN gắn với hệ thống bảo trợ xã hội (có/không)	Hệ thống HTNN bao trùm và có điều phối giữa các ngành
7. Tăng cường năng lực thể chế và lãnh đạo	# lớp tập huấn, bao gồm nội dung về giới, tình trạng khuyết tật, và bao trùm; # lãnh đạo cấp cao tham gia; Ngân sách phân bổ cho nội dung hòa nhập; # các tổ chức tiến hành rà soát giới/khuyết tật	Hòa nhập và bao trùm được lồng vào các thực hành của tổ chức
8. Lồng ghép giới, đa dạng, và bao trùm vào khung chính sách quốc gia (Pháp lệnh, Khung theo dõi và đánh giá KPHQBM, Kế hoạch hành động Phụ nữ, An ninh và hòa bình Bộ quốc phòng)	Tính bao trùm (giới, đa dạng, dân tộc) được thể hiện trong Pháp lệnh KPHQBM (có/không); Khung theo dõi và đánh giá về KPHBM bao gồm các chỉ số hòa nhập (có/không); Chương trình hành động WPS của Bộ quốc phòng bao gồm mục tiêu và chỉ số về KPHQBM (Có/Không)	Các khung chính sách thống nhất

[2] Khuyến nghị các chỉ tiêu này cần phù hợp với các chỉ tiêu của Chương trinh hành động quốc gia về Phụ nữ Hòa bình và An ninh - "Đến 2025, 60% các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương các cấp có nữ lãnh đạo chủ chốt. Tính đến 2030, chỉ tiêu này tăng lên 75%. Ở các lĩnh vực mà lực lượng lao động nữ hiện chỉ ở dưới 30%, các chỉ tiêu này có thể điều chỉnh để phản ánh điều kiện thực tiễn; Tính đến 2025, tỷ lệ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp đạt ít nhất 40% với chỉ tiêu 50% đến 2030.

Phụ lục B. Đánh giá mức độ lồng ghép giới và đa dạng trong hệ thống TCVN

TCVN	Mức độ lồng ghép giới và đa dạng	Điều khoản/ nội dung thể hiện GDEI	Mức độ phù hợp với IMAS
TCVN 10299-4: Điều tra phi kỹ thuật ô nhiễm bom mìn vật nổ	Thấp	- Phụ lục A (Mẫu điều tra 02): Thu thập thông tin nhân chứng bao gồm giới tính, độ tuổi, dân tộc; chưa có thông tin về tình trạng khuyết tật hoặc nghèo đói. - Phụ lục A (Mẫu điều tra 04): Yêu cầu thu thập thông tin nạn nhân bao gồm giới tính, độ tuổi, dân tộc, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân; chưa có dữ liệu về khuyết tật và tình trạng kinh tế – xã hội.	Quy định của IMAS về điều tra phi kỹ thuật quy định (shall-Phải làm) phải tham vấn cộng đồng bị ảnh hưởng và thu thập đầy đủ các nguồn thông tin liên quan. **TCVN hiện nay:** ✔ Thu thập dữ liệu giới tính, độ tuổi, dân tộc ✔ Thu thập thông tin nhân khẩu học của nạn nhân **Khoảng trống:** ✔ Thiếu dữ liệu về khuyết tật và tình trạng kinh tế – xã hội ✔ Chưa quy định rõ yêu cầu tham vấn bao trùm, có sự tham gia ✔ Chưa yêu cầu xác định đầy đủ các nguồn thông tin cộng đồng **Hàm ý:** Tiêu chuẩn mới đáp ứng một phần khuyến nghị "should-Nên làm" của IMAS nhưng chưa chuyển hóa đầy đủ yêu cầu "shall-Phải làm" về tham vấn bao trùm.
TCVN 10299-10: Điều tra sự cố bom mìn vật nổ	Thấp	- Mục 5.2.1.7-Chi tiết thương vong: Yêu cầu ghi nhận thông tin nạn nhân bao gồm giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp và mức độ thương tích nhằm phục vụ báo cáo và phân tích sự cố có tính hoà nhập	TCVN đã bao gồm thông tin nhân khẩu học của nạn nhân: ✔ Ghi nhận dữ liệu giới tính và độ tuổi ✔ Hỗ trợ báo cáo cơ bản theo hướng hoà nhập **Khoảng trống:** ✔ Chưa có phân tích mô hình rủi ro theo giới và đa dạng ✔ Chưa liên kết phân tích sự cố với biện pháp phòng ngừa ✔ Chưa lồng ghép yếu tố hoà nhập trong quy trình điều tra **Hàm ý:** Mức độ phù hợp với IMAS còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào ghi chép dữ liệu thay vì phân tích đáp ứng giới và hoà nhập.
TCVN 10299-11: Quản lý thông tin	Trung bình	- Mục 6.3.4: Yêu cầu thu thập dữ liệu phân tách theo giới, độ tuổi và các yếu tố đa dạng khác để bảo bảo quản lý thông tin bình đẳng. - Phụ lục A: Quy định bộ dữ liệu tối thiểu bao gồm giới tính, độ tuổi, mức độ thương tích và tình trạng khuyết tật của nạn nhân để hỗ trợ hoà nhập trong hệ thống dữ liệu.	✔ Yêu cầu dữ liệu phân tách theo giới tính và độ tuổi ✔ Bao gồm dữ liệu về khuyết tật ✔ Quy định bộ dữ liệu tối thiểu Quy định này phù hợp với các tiêu chuẩn của IMAS về việc ra quyết định dựa trên bằng chứng.

TCVN	Mức độ lồng ghép giới và đa dạng	Điều khoản/ nội dung thể hiện GDEI	Mức độ phù hợp với IMAS
			Một số khoảng trống: ✔ Hạn chế nội dung về tổn thương kinh tế – xã hội ✔ Chưa quy định rõ yêu cầu phân tích khoảng trống về sự tham gia **Hàm ý:** Các TCVN cần đảm bảo quy định "should-Nên làm" của IMAS về dữ liệu phân tách và một phần yêu cầu "shall-Phải làm" về quản lý hệ thống thông tin.
TCVN 10299-12: Quản lý chất lượng	Trung bình	Trong phần 4 về Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý chất lượng: - Mục 4.3 về đảm bảo sự tham gia: Phải đảm bảo có sự tham gia của người lao động, người thụ hưởng, chủ đầu tư, chính quyền và các bên liên quan khác vào việc thiết kế, phát triển, vận hành hệ thống quản lý chất lượng nhằm khuyến khích ý thức làm chủ tập thể và giúp duy trì niềm tin của nhân viên vào tính phù hợp và giá trị của hệ thống; Những người thực hiện các thủ tục, quy trình và hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của họ và có đủ kỹ năng và kiến thức cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ một cách tin cậy và nhất quán. - Mục 4.4: Yêu cầu lồng ghép giới và đa dạng: Mọi chương trình, dự án khắc phục hậu quả bom nên cần phản ánh một cách đầy đủ nhất về bối cảnh, nhu cầu và yêu cầu khác nhau về giới và sự đa dạng của cộng đồng; đảm bảo sự tuân thủ pháp luật về bình đẳng giới trong mọi hoạt động; đảm bảo các ý kiến của phụ nữ, trẻ em gái và các nhóm cư dân trong cộng đồng địa phương được thu thập và tôn trọng một cách đầy đủ như là những yêu cầu của chủ đầu tư và các bên liên quan.	Tiêu chuẩn đưa ra các nguyên tắc quan trọng: ✔ Nhấn mạnh sự tham gia của các bên liên quan ✔ Lồng ghép yếu tố giới và đa dạng ✔ Bảo đảm tuân thủ pháp luật về bình đẳng giới ✔ Tuy nhiên, ngôn ngữ quy định chủ yếu mang tính nguyên tắc, chưa được cụ thể hóa thành yêu cầu vận hành. Ví dụ: "cần phản ánh đầy đủ nhất có thể bối cảnh, nhu cầu và các yêu cầu…" Cách diễn đạt này tương ứng với mức độ quy định "nên làm" (should) của IMAS, thay vì các yêu cầu vận hành rõ ràng mang tính bắt buộc ("phải làm" – shall). **Hàm ý:** Tiêu chuẩn có mức độ phù hợp với IMAS về mặt khái niệm, nhưng các yêu cầu triển khai thực hiện chưa được quy định đầy đủ và cụ thể.
TCVN 10299-13: Quản lý rủi ro	Cao	Có một mục riêng về bình đẳng giới và đa dạng **Mục 4.8 Bình đẳng giới và đa dạng** 4.8.1 Hệ thống quản lý rủi ro nên nhận ra và tính đến những khác biệt về giới, độ tuổi và sự đa dạng khi xác định, phân tích, đánh giá và xử lý rủi ro. Dữ liệu tách biệt về giới tính và độ tuổi cần được thu thập và sử dụng để hỗ trợ việc xác định, đánh giá, phân tích và xử lý rủi ro một cách hiệu quả.	Tiêu chuẩn này là một trong những tiêu chuẩn có mức độ phù hợp cao nhất: ✔ Yêu cầu thu thập dữ liệu phân tách theo giới tính và độ tuổi ✔ Yêu cầu tham vấn bao trùm có sự tham gia trong quản lý rủi ro ✔ Lồng ghép yếu tố giới và đa dạng trong phân tích rủi ro

TCVN	Mức độ lồng ghép giới và đa dạng	Điều khoản/ nội dung thể hiện GDEI	Mức độ phù hợp với IMAS
		(*Cần tăng cường nội dung liên quan đến tình trạng khuyết tật, yếu tố dân tộc và điều kiện kinh tế – xã hội).* 4.8.2 Hệ thống quản lý rủi ro phải đảm bảo phụ nữ, trẻ em gái, trẻ em trai và nam giới được đưa vào các quy trình và thủ tục tham vấn và tham gia trong hệ thống quản lý rủi ro khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ. *(Cần tăng cường nội dung liên quan đến tình trạng khuyết tật, yếu tố dân tộc và điều kiện kinh tế – xã hội).*	Quy định: "hệ thống phải bảo đảm phụ nữ, trẻ em gái, trẻ em trai và nam giới được tham gia trong quá trình tham vấn" phản ánh trực tiếp mức yêu cầu mang tính bắt buộc ("shall"-Phải làm) theo IMAS. **Khoảng trống còn tồn tại:** ✔ Nội dung liên quan đến tình trạng khuyết tật và tổn thương kinh tế – xã hội còn hạn chế. **Hàm ý:** Tiêu chuẩn thể hiện mức độ phù hợp cao với các yêu cầu quy chuẩn của IMAS.
TCVN 10299-14: Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ (GDPTTNBMVN)	Cao	**4.3 Nguyên tắc trong hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ** **4.3.2 Không phân biệt đối xử** Các hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ không được phân biệt đối xử về giới tính/giới, dân tộc, địa bàn, ngôn ngữ, điều kiện kinh tế, trình độ văn hóa của các đối tượng. Việc phân nhóm các đối tượng chỉ nhằm mục đích đưa ra các thông điệp, phương pháp phù hợp với nhu cầu thực tế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. **4.3.3 Không làm tổn thương** Các thông điệp an toàn trong giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ không được trái với quy định về an toàn quy định tại các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật khác trong lĩnh vực này, đồng thời không được gây tổn thương hoặc xúc phạm đến quy tắc đạo đức, lối sống, phong tục tập quán; không kích động hận thù, bạo lực trong cộng đồng. **4.3.4 Tham gia và hòa nhập** Các chương trình, dự án, hoạt động, thông điệp và phương pháp truyền thông trong giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ cần có sự tham gia ý kiến và đánh giá của cộng đồng và các bên liên quan.	Tiêu chuẩn tích hợp nhiều yếu tố quan trọng: ✔ Nguyên tắc không phân biệt đối xử ✔ Tham gia và hoà nhập ✔ Phân tích bình đẳng giới và đa dạng ✔ Chỉ số giám sát phân tách Yêu cầu hệ thống giám sát phải bao gồm dữ liệu phân tách theo giới và độ tuổi thể hiện mức độ phù hợp cao với các quy định của IMAS. **Hàm ý** Lĩnh vực GDPTTNBMV thể hiện mức độ phù hợp rất cao với IMAS, đặc biệt đối với cả các yêu cầu mang tính bắt buộc ("shall"-phải làm) và khuyến nghị ("should"-nên làm).

TCVN	Mức độ lồng ghép giới và đa dạng	Điều khoản/ nội dung thể hiện GDEI	Mức độ phù hợp với IMAS
		4.3.6 Đảm bảo bình đẳng giới và đa dạng Các hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ cần được thiết kế, điều chỉnh theo nhu cầu và thực tế của các nhóm đối tượng khác nhau. Để hỗ trợ lập kế hoạch, chương trình, dự án hiệu quả, cần phân tích dữ liệu về tình trạng, mức độ ô nhiễm bom mìn vật nổ, dữ liệu nạn nhân bom mìn, theo giới tính, độ tuổi, điều kiện kinh tế - xã hội, mức độ tiếp cận truyền thông, giáo dục, đặc tính phong tục tập quán và ngôn ngữ... để xác định rõ mục tiêu, biện pháp và phân bổ nguồn lực hợp lý. 4.4.3 Khuyến khích việc liên kết, phối hợp hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội (Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân, Hội chữ thập đỏ...). 8.2.4 Hệ thống giám sát hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ phải đạt được những yêu cầu cụ thể sau đây: Xác định được các chỉ số đo lường của hoạt động, bao gồm dữ liệu về giới tính và độ tuổi có liên quan, tập trung vào sự phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động tính bền vững có khả năng thiết lập các hệ thống để thu thập thông tin liên quan đến các chỉ số này.	
TCVN 10299-15: Hỗ trợ nạn nhân	Cao	**Mục 4.2:** Các nhóm đối tượng hỗ trợ nạn nhân có thể được phân loại theo địa bàn, giới tính/giới, độ tuổi, nghề nghiệp, dân tộc, văn hóa, hoàn cảnh và điều kiện sống. **Mục 4.3 Nguyên tắc hoạt động hỗ trợ nạn nhân:** Đơn vị triển khai phải bảo đảm không phân biệt đối xử về giới, dân tộc, địa bàn, ngôn ngữ, điều kiện kinh tế hoặc trình độ văn hoá của các đối tượng, đồng thời bảo đảm các hoạt động không vi phạm hoặc gây tổn hại đến các quy tắc đạo đức, lối sống, phong tục, tập quán của địa phương.	Tiêu chuẩn này thể hiện khung hoà nhập toàn diện: ✔ Nguyên tắc không phân biệt đối xử ✔ Thu thập và sử dụng dữ liệu phân tách ✔ Lồng ghép yếu tố khuyết tật ✔ Xem xét điều kiện kinh tế - xã hội ✔ Quy định gói dịch vụ hỗ trợ toàn diện Tiêu chuẩn có mức độ phù hợp chặt chẽ với các nguyên tắc của IMAS về hỗ trợ nạn nhân và các khuôn khổ tiếp cận dựa trên quyền con người.

TCVN	Mức độ lồng ghép giới và đa dạng	Điều khoản/ nội dung thể hiện GDEI	Mức độ phù hợp với IMAS
		Mục 5.1.3 và 5.2.2: Yêu cầu thu thập và phân tích dữ liệu theo giới, độ tuổi và dạng khuyết tật; bao gồm thông tin về tình trạng kinh tế – xã hội và mức độ thương tích. **Mục 6:** Quy định gói hỗ trợ toàn diện đối với người sống sót sau tai nạn bom mìn, vật nổ, bao gồm chăm sóc y tế khẩn cấp và dài hạn, phục hồi chức năng (bao gồm thiết bị trợ giúp), hỗ trợ tâm lý – xã hội, giáo dục, việc làm/sinh kế và hỗ trợ tài chính trực tiếp. Tiêu chuẩn cũng nhấn mạnh việc phát triển kỹ năng sống, tái hòa nhập cộng đồng thông qua quản lý ca và cơ chế chuyển tuyến phối hợp, nâng cao nhận thức về quyền và khả năng tiếp cận, áp dụng cách tiếp cận bao trùm và không kỳ thị, huy động nguồn lực và tăng cường năng lực quốc gia trong công tác hỗ trợ nạn nhân.	**Hàm ý** Đây là tiêu chuẩn có mức độ phù hợp cao nhất với các yêu cầu quy chuẩn của IMAS.
TCVN 10299-2 (Công nhận năng lực), TCVN 10299-3 (Giám sát và đánh giá), TCVN 10299-5 (Khảo sát kỹ thuật), TCVN 10299-6 (Rà phá bom mìn, vật nổ), TCVN 10299-7 (Xử lý bom mìn, vật nổ), TCVN 10299-8 (An toàn trong điều tra phi kỹ thuật, khảo sát kỹ thuật và rà phá), TCVN 10299-9 (Bảo hiểm y tế cho lực lượng rà phá)	Thấp hoặc chưa được quy định rõ	Các tiêu chuẩn TCVN 2,3,5,6,7,8 và 9 có mức độ lồng ghép bình đẳng giới và đa dạng thấp hoặc chưa được đề cập một cách rõ ràng, do trọng tâm chủ yếu tập trung vào các quy trình kỹ thuật, yêu cầu an toàn và quản lý vận hành, chưa có quy định trực tiếp liên quan đến yếu tố bình đẳng giới hoặc tiếp cận bao trùm.	

Tài liệu tham khảo

[i] Tổ chức Dịch vụ Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh của Liên Hợp Quốc (UNMAS), Hướng dẫn Giới của Liên Hợp Quốc cho các Chương trình Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, ấn bản thứ 3 (New York: Liên Hợp Quốc, 2019). https://unmas.org/sites/default/files/documents/mine_action_gender_guidelines_web.pdf

[ii] Trung tâm Quốc tế Geneva về Rà phá Mìn Nhân đạo (GICHD), Giới và Xác định Ưu tiên trong Hoạt động Rà phá Mìn (Geneva: GICHD, 2012), https://www.gichd.org/fileadmin/uploads/gichd/Publications/Gender_and_Priority-Setting_in_Mine_action.pdf

[iii] Tổ chức Dịch vụ Hành động Mìn của Liên Hợp Quốc (UNMAS), Tiêu chuẩn Quốc tế về Hành động Mìn (IMAS), truy cập ngày 23 tháng 1 năm 2026, https://www.mineactionstandards.org

[iv] Tạp chí Hành động Rà phá Mìn, Rà phá Dư lượng Bom chùm 2025: Báo cáo cho Cuộc họp lần thứ 13 của Các quốc gia thành viên Công ước 2008 về Bom chùm (Geneva: Tạp chí Hành động Rà phá Mìn, 2025), https://www.mineactionreview.org/assets/downloads/Vietnam_Clearing_CMR_2025_report.pdf

[v] Báo cáo Giám sát Mìn và Bom Chùm, Hồ sơ Quốc gia Việt Nam (Geneva: ICBL-CMC, 2024), Phần Thương vong, https://www.the-monitor.org

[vi] Liên Hợp Quốc Việt Nam, Bản tóm tắt chính sách về Nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ: Bình đẳng giới và trao quyền kinh tế cho phụ nữ tại Việt Nam (Hà Nội: Liên Hợp Quốc Việt Nam, Tháng 10 năm 2022), https://vietnam.un.org/sites/default/files/2022-10/Viet%20Nam%20WEPs%20Policy%20Brief_Eng.pdf

[vii] Ngân hàng Thế giới, Đánh giá về Nghèo đói và Công bằng tại Việt Nam (Washington, DC: Ngân hàng Thế giới, 2022), tr. 44–52, Tài liệu của Ngân hàng Thế giới

[viii] Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) Việt Nam, Cơ sở dữ liệu chính thức đầu tiên về người khuyết tật và nạn nhân bom mìn chưa nổ tại các tỉnh Quảng Bình và Bình Định (thông cáo báo chí, Hà Nội, ngày 9 tháng 1 năm 2020), https://www.undp.org/vietnam/press-releases/first-ever-official-database-persons-disabilities-and-unexploded-ordnance-survivors-quang-binh-and-binh-dinh-provinces; Đối tác Liên Hợp Quốc về Quyền của Người Khuyết tật (UNPRPD), Phân tích Tình hình tại Việt Nam: Quyền và Sự hòa nhập của Người khuyết tật (Hà Nội: UNPRPD, 2021), tr.10–14, https://vietnam.un.org/sites/default/files/2022-10/UNPRPD_VietNam_SituationalAnalysis_EN.pdf

[ix] Giá trị Nho giáo nhấn mạnh vào trật tự gia đình, nghĩa vụ hiếu thảo và kỳ vọng về vai trò giới. Nam giới truyền thống được coi là người đứng đầu gia đình và người ra quyết định, trong khi trách nhiệm của phụ nữ liên quan đến chăm sóc, quản lý gia đình và duy trì hòa hợp xã hội. Niềm tin vào “thiên chức” (thiên chức) của phụ nữ

trong việc sinh con và chăm sóc con cái được phổ biến rộng rãi. Trách nhiệm chăm sóc và quản lý gia đình không được trả lương là nguyên nhân chính dẫn đến khoảng cách giới trong các lĩnh vực như sự nghiệp, thu nhập suốt đời và vai trò lãnh đạo. UN Women, Báo cáo Bình đẳng Giới Quốc gia: Việt Nam 2021 (Hà Nội: UN Women, 2021), https://asiapacific.unwomen.org/en/digital-library/publications/2021/10/country-gender-equality-profile-viet-nam-2021

[x] UN Women, Báo cáo Bình đẳng Giới Quốc gia: Việt Nam 2021 (Hà Nội: UN Women, 2021), https://asiapacific.unwomen.org/en/digital-library/publications/2021/10/country-gender-equality-profile-viet-nam-2021; Tuan Anh Grosse và Mai Phuong, "Giá trị giới ở Việt Nam – Giữa Nho giáo, Chủ nghĩa Cộng sản và Hiện đại hóa," Tên Tạp chí/Tuyển tập (Năm), [số trang], https://www.researchgate.net/publication/343285975_Gender_Values_in_Vietnam-Between_Confucianism_Communism_and_Modernization

[xi] Tổ chức Dịch vụ Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh của Liên Hợp Quốc (UNMAS), Hướng dẫn về Giới cho Các Chương trình Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, ấn bản thứ 3 (New York/Geneva: UNMAS, 2022), cùng với Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), Hướng dẫn về Giới và Sự tham gia (Rome: FAO, 2013).

[xii] Cục Thống kê Việt Nam (GSO), Báo cáo Điều tra Lực lượng Lao động 2023 (Hà Nội: GSO, 2025), https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2025/03/B1.-Sach-Bao-cao-LD-viec-lam-TA-Can3bo-Mar.pdf; Ngân hàng Thế giới, Khuyết tật và Việc làm tại Việt Nam: Kết quả Khảo sát Lực lượng Lao động năm 2022 (Washington, DC: Ngân hàng Thế giới, 2024), https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/099041524022024457/p17731816b97ea0a71abd81f25be3363c17

[xiii] CTK Nguyễn, "Nghiên cứu thực nghiệm về quyền thừa kế đất đai của phụ nữ Việt Nam," Tạp chí Khoa học và Công nghệ về Kinh tế và Pháp luật (2021); Hang Phạm Thị và cộng sự, "Tác động của bình đẳng giới đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất thông qua việc tiếp cận đất đai của các dân tộc thiểu số ở miền Trung Việt Nam" (2023)

[xiv] Le Thi Thanh Huong và cộng sự, "Tiếp cận Nguồn Nước Sạch và Hệ Thống Vệ Sinh của Các Dân Tộc Thiểu Số ở Việt Nam," Environmental Health Insights 14 (2020): 1–10,; Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Phân tích tình hình về quyền của người khuyết tật tại Việt Nam (Hà Nội: UNDP, 2019), 45–52 và 73–78; Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Việt Nam dẫn đầu trong việc thúc đẩy bảo trợ xã hội bao trùm người khuyết tật (Hà Nội: ILO, 2021), 6–9.

[xv] Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực đối với Phụ nữ tại Việt Nam 2019, Tổng cục Thống kê Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, và UNFPA, bộ dữ liệu quốc gia (Hà Nội: MOLISA/GSO/UNFPA, 2019); UNFPA, Việt Nam công bố nghiên cứu theo dõi mang tính bước ngoặt về bạo lực đối với phụ nữ (Hà Nội: UNFPA, 2020), https://www.unfpa.org/news/viet-nam-releases-landmark-follow-study-violence-against-women

[xvi] Chính phủ Việt Nam, Luật số 73/2006/QH11 về Bình đẳng giới (ngày 29 tháng 11 năm 2006), https://vanban.chinhphu.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Binh-dang-gioi-73-2006-QH11-94616.aspx; Chính phủ Việt Nam, Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 (ngày 20 tháng 11 năm 2019), https://english.luatvietnam.vn/labor-code-no-45-2019-qh14-dated-november-20-2019-of-the-national-assembly-179015-doc1.html; Chính phủ Việt Nam, Luật số 51/2010/QH12 về Người khuyết tật (ngày 17 tháng 6 năm 2010), https://vanban.chinhphu.vn/van-ban/Xa-hoi/Luat-Nguoi-khuyet-tat-51-2010-QH12-104001.aspx; Chính phủ Việt Nam, Luật số 102/2016/QH13 về Trẻ em (ngày 5 tháng 4 năm 2016), https://vanban.chinhphu.vn/van-ban/Xa-hoi/Luat-Tre-em-102-2016-QH13-104566.aspx; Chính phủ Việt Nam, Luật số 39/2009/QH12 về Người cao tuổi (ngày 23 tháng 11 năm 2009), https://vanban.chinhphu.vn/van-ban/Xa-hoi/Luat-Nguoi-cao-tuoi-39-2009-QH12-91119.aspx; và Chính phủ Việt Nam, Luật số 13/2022/QH15 về Phòng ngừa và Kiểm soát Bạo lực Gia đình (ngày 14 tháng 11 năm 2022), https://vanban.chinhphu.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-13-2022-QH15-phong-chong-bao-luc-gia-dinh-537595.aspx

[xvii] Chính phủ Việt Nam, Nghị định số 18/2019/NĐ-CP về Quản lý và Xử lý Vật liệu Nổ Chưa Nổ (ngày 1 tháng 2 năm 2019), https://thuvienphapluat.vn/van-ban/EN/Linh-vuc-khac/Decree-18-2019-ND-CP-on-management-and-clearance-of-unexploded-ordnance/406196/tieng-anh.aspx

[xviii] Chính phủ Việt Nam. Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội Quốc gia cho Giai đoạn 2021–2030. Hà Nội: Chính phủ Việt Nam, 2021. Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội cho Giai đoạn 2021-2025.

[xix] Chính phủ Việt Nam. Kế hoạch Hành động Quốc gia về Thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững. Hà Nội: Chính phủ Việt Nam, 2017. https://sdgs.un.org/sites/default/files/2021-10/Viet%20Nam_National%20Action%20Plan%20for%20the%20Implementation%20of%20the%202030%20Agenda.pdf

[xx] Ủy ban Xóa bỏ Phân biệt Đối xử với Phụ nữ, Báo cáo Định kỳ Lần thứ Chín của Việt Nam (New York: Liên Hợp Quốc, 2023), các đoạn 8–11.

[xxi] Chính phủ Việt Nam, Kế hoạch Hành động Quốc gia về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh, 2024–2030 (Hà Nội: Chính phủ Việt Nam, ngày 25 tháng 1 năm 2024), Quyết định số 101/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

[xxii] Chính phủ Việt Nam, Kế hoạch Hành động Quốc gia về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh, 2024–2030 (Hà Nội: Chính phủ Việt Nam, ngày 25 tháng 1 năm 2024), Quyết định số 101/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

[xxiii] Chính phủ Việt Nam, Kế hoạch Hành động Quốc gia về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh.

[xxiv] Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025.

[xxv] Chính phủ Việt Nam. Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 3 tháng 3 năm 2021 về Ban hành Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng Giới giai đoạn 2021–2030. Hà Nội: Chính phủ

Việt Nam, 2021. https://english.luatvietnam.vn/resolution-no-28-nq-cp-dated-march-03-2021-of-the-government-on-promulgation-of-the-national-strategy-on-gender-equality-in-the-period-of-2021-203-199301-doc1.html

[xxvi] Chính phủ Việt Nam. Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021–2030, giai đoạn I: 2021–2025. Ngày 14 tháng 10 năm 2021. Hà Nội: Chính phủ Việt Nam. https://vanban.chinhphu.vn/?docid=204285&pageid=27160

[xxvii] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065, tr. 6.

[xxviii] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Mìn sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065, tr. 8.

[xxix] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065, tr. 5.

[xxx] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065, tr. 8 và 13.

[xxxi] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065, tr. 10 và 14.

[xxxii] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065, tr. 10–16

[xxxiii] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065, tr. 8.

[xxxiv] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065, tr. 5–6, 8, 14–16.

[xxxv] Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025.

[xxxvi] Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, (Dự thảo) Quyết định Phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Giáo dục Rủi ro Mìn đến năm 2065 và sau đó, không ghi ngày.

[xxxvii] Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

[xxxviii] Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

[xxxix] Nhóm Công tác Hành động Mìn (MAWG), Biên bản Họp, không ghi ngày.

[xl] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Mìn sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến năm 2065, tr. 9–10, 13

[xli] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Mìn sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065, tr. 6.

[xlii] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065.

[xliii] Các cuộc phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

[xliv] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065, tr. 14–16

[xlv] Bộ Quốc phòng, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chương trình Hành động Quốc gia về Xử lý Hậu quả Bom mìn Sau Chiến tranh, Giai đoạn 2026–2045, Tầm nhìn đến 2065, tr. 8.

[xlvi] Các cuộc phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

[xlvii] Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) và KVPVP, Khảo sát cơ sở tại các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi và Bình Định (Hà Nội: UNDP Việt Nam, 2024), chưa xuất bản.

[xlviii] Các cuộc phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

[xlix] Các cuộc phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện tại Việt Nam năm 2025

[l] Bộ Khoa học và Công nghệ (Việt Nam). TCVN 10299 Series (2025): Tiêu chuẩn quốc gia về xử lý hậu quả của vật liệu nổ sau chiến tranh. Hà Nội, 2025. Đánh giá các tiêu chuẩn được thực hiện dựa trên bản dịch làm việc không chính thức, vì các phiên bản tiếng Anh chính thức không có sẵn.

[li] Các cuộc phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện tại Việt Nam năm 2025

[lii] Các cuộc phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện tại Việt Nam năm 2025

[liii] Các cuộc phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện tại Việt Nam năm 2025

[liv] Các cuộc phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện tại Việt Nam năm 2025

[lv] Các cuộc thảo luận nhóm tập trung ẩn danh do GICHD và chuyên gia tư vấn độc lập tổ chức, tháng 12 năm 2025

[lvi] UNICEF, Viet Nam Education Fact Sheet: Central Highlands Region (Hanoi: UNICEF, 2021), based on SDGCW/MICS data.

[lvii] Anonymous Focus group discussion by GICHD and independent consultant, December 2025.

[lviii] Anonymous focus group discussions by GICHD and independent consultant, December 2025

[lix] Lưu ý rằng việc đánh giá tài liệu đào tạo GDPTTNBM không toàn diện và không bao gồm tất cả các kế hoạch đào tạo, nhà cung cấp hoặc đơn vị vận hành.

[lx] Cuộc thảo luận nhóm tập trung ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập tổ chức, tháng 12 năm 2025.

[lxi] Trung tâm Hành động Mìn Quảng Trị (QTMAC), “Trung tâm Hành động Mìn Quảng Trị”, truy cập ngày 22 tháng 1 năm 2026, https://qtmac.vn

[lxii] Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

[lxiii] Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam. TCVN 10299-4:2025: Xử lý Hậu quả của Vật liệu Nổ Sau Chiến Tranh – Phần 4: Khảo sát Không Kỹ thuật. Hà Nội: Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025.

[lxiv] Giới tính và Hiệu quả Hoạt động. GICHD. Có sẵn tại: https://www.gichd.org/our-response/gender-diversity-equality-and-inclusion/donor-resources-for-gender-diversity-equality-and-inclusion/gender-and-operational-efficiency/ (truy cập tháng 12 năm 2025).

[lxv] Các cuộc thảo luận nhóm tập trung ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

[lxvi] Tạp chí Hành động Rà phá Mìn. Việt Nam: Rà phá Mìn 2025. 2025. Có sẵn tại: https://www.mineactionreview.org/assets/downloads/Viet_Nam_Clearing_the_Mines_2025.pdf

[lxvii] Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

[lxviii] Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

[lxix] Các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

lxx Các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

lxxi Các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

lxxii Báo cáo Giám sát Mìn và Vật liệu Nổ Tập trung 2022 – Việt Nam, "Ô nhiễm do Vật liệu Nổ Tập trung", truy cập năm 2025.

lxxiii Tổ chức Hỗ trợ Nhân dân Na Uy, Khuyến nghị về Phát triển Hoạt động Rà phá Bom mìn tại Việt Nam hướng tới năm 2045 (không có ngày), trang 4

lxxvi Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

lxxvii Các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

lxxix Các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

lxxx Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

lxxxi Báo cáo Hành động Rà phá Mìn, Việt Nam Rà phá Mìn 2025 (Oslo: Báo cáo Hành động Rà phá Mìn, 2025), Phần Giới tính và Đa dạng, https://www.mineactionreview.org/assets/downloads/Vietnam_Clearing_CMR_2025_report.pdf; GICHD, Khảo sát nhân viên về Bình đẳng giới, Đa dạng và Hòa nhập trong Hoạt động Rà phá mìn, tháng 12 năm 2025.

lxxxii Trading Economics, "Việt Nam – Lực lượng lao động, Phụ nữ (% của tổng lực lượng lao động)," TradingEconomics.com, truy cập ngày 10 tháng 1 năm 2026, https://tradingeconomics.com/vietnam/labor-force-female-percent-of-total-labor-force-wb-data.html; dữ liệu từ Chỉ số Phát triển Thế giới của Ngân hàng Thế giới (48,61% vào năm 2024).

lxxxiii Hội nghị Kiểm điểm Lần thứ Năm của Các Quốc gia Thành viên Công ước Cấm Sử dụng, Tồn trữ, Sản xuất và Chuyển giao Mìn Chống Người và Việc Tiêu hủy Chúng (APMBC), Tài liệu Làm việc về Tích hợp Đa dạng Giới trong Kế hoạch Hành động Oslo và Nhìn về Kế hoạch Hành động Siem Reap-Angkor, ngày 2 tháng 12 năm 2024, https://www.apminebanconvention.org/fileadmin/_APMBC-DOCUMENTS/Meetings/2024/5RC-Working-Paper-on-Gender-Diversity-Mainstreaming-en.pdf

lxxxiv Các cuộc phỏng vấn và thảo luận nhóm do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025.

lxxxv Bộ Quốc phòng (MoND), Hướng dẫn số 4705/HD-BQP về việc tuyển chọn và gọi nhập ngũ công dân nữ cho nghĩa vụ quân sự năm 2025 (Hà Nội: MoND, tháng 10 năm 2024).

[lxxxvi] Dịch vụ Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh của Liên Hợp Quốc (UNMAS), Tiêu chuẩn Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh Quốc tế (IMAS), phiên bản hiện hành (Geneva: UNMAS).

[lxxxvii] Hội nghị Kiểm tra Lần thứ Năm của Các Quốc gia Thành viên Công ước Cấm Mìn Chống Người, Tài liệu Làm việc về Tích hợp Đa dạng Giới trong Kế hoạch Hành động Oslo (Siem Reap, Campuchia, tháng 12 năm 2024).; Dịch vụ Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh của Liên Hợp Quốc (UNMAS), Hướng dẫn về Giới cho Các Chương trình Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, ấn bản thứ 3 (New York/Geneva: UNMAS, 2022).

[lxxxviii] GICHD, Khảo sát Nhân viên về Bình đẳng Giới, Đa dạng và Hòa nhập trong Hoạt động Chống Mìn, tháng 12 năm 2025.

[lxxxix] Phỏng vấn ẩn danh với các tổ chức thực hiện khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh (KVVPV, CRS, PeaceTrees, MAG và Norwegian People's Aid), do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025.

[xc] Các cuộc phỏng vấn và thảo luận nhóm do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025.

[xci] GICHD và Chuyên gia độc lập, Khảo sát trực tuyến nhân viên về Giới và Đa dạng trong Hoạt động Rà phá bom mìn, tháng 12 năm 2025.

[xcii] GICHD và chuyên gia độc lập, Khảo sát trực tuyến nhân viên về Giới và Đa dạng trong Hoạt động Rà phá Mìn, tháng 12 năm 2025.

[xciii] GICHD và Tư vấn độc lập, Khảo sát trực tuyến nhân viên về Giới và Đa dạng trong Hoạt động Rà phá bom mìn, tháng 12 năm 2025.

[xciv] Phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025.

[xcv] Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025.

[xcvi] Anonymous interview conducted by GICHD and independent consultant, December 2025

[xcvii] Trung tâm Khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh Quốc gia Việt Nam (VNMAC), trang web chính thức và kho tin tức (phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh); Các bài báo chọn lọc trên các phương tiện truyền thông chính thống của Việt Nam về hợp tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh và hỗ trợ nạn nhân (2023–2025).

[xcviii] Tổ chức Hỗ trợ Nhân dân Na Uy (NPA), thông tin công khai về các đội gỡ mìn toàn nữ tại Việt Nam; Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) Việt Nam, thông cáo báo chí và các câu chuyện về con người liên quan đến hỗ trợ nạn nhân và phát triển bao trùm.

xcix Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

ci Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

cii Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

ciii Các cuộc phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

civ Các cuộc phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

civ Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

cv Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

cvi Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

cvii Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

cviii Phỏng vấn ẩn danh do GICHD và chuyên gia độc lập thực hiện, tháng 12 năm 2025

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc

304 Kim Mã, phường Ngọc Hà, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 38500100
Fax: +84 24 37265520
http: //www.vn.undp.org